

## **Quyển 61**

### **Thứ 3. CÓ TÂM CÓ TỬ ĐỊA**

### **Thứ 4. KHÔNG TÂM CHỈ CÓ TỬ ĐỊA**

### **Thứ 5. KHÔNG TÂM KHÔNG TỬ ĐỊA**

#### **Phần 4**

Lại nữa, như Phật Thế Tôn vì vua Xuất Ái mà thuyết kinh. Một thời vua Xuất Ái đi đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật bạch rằng: Bạch Thế Tôn! Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn đi đến chỗ tôi, bởi do lỗi lầm chân thật hiện tiền nên khuyên can tôi. Lúc bấy giờ, tâm tôi chẳng sanh sầu não, buồn bã, ăn năn. Vì cố sao? Vì ở nơi tự thân tôi đều chẳng thấy đây là lỗi lầm vậy.

Lại có Sa-môn hoặc Bà-la-môn đi đến tôi, bởi do công đức không chân thật hiện tiền, mà lại khen ngợi khích lệ tôi. Lúc bấy giờ tâm tôi cũng chẳng sanh hoan hỷ vui mừng. Vì cố sao? Vì ở nơi tự thân tôi đều chẳng thấy đây là công đức vậy.

Các Sa-môn, Bà-la-môn kia đã trở về, tôi một mình ở nơi tịnh thất không nhàn, khởi tâm trầm

tư như vậy: “Làm sao tôi có thể hiểu biết các lỗi lầm chân thật và công đức chân thật của vua? Làm sao tôi biết được các việc sai lầm phải xả bỏ và các công đức phải tu tập? Có Sa-môn hoặc Bà-la-môn nào rõ biết các lỗi lầm chân thật và công đức chân thật của vua, mà năng vì tôi rộng khai thị chăng?”. Đã suy nghĩ rồi liền khởi nghĩ đây: “Duy chỉ có Đức Thế Tôn thấy tất cả, biết tất cả, quyết định sẽ biết được lỗi lầm chân thật và công đức chân thật của vua. Nay ta sẽ đi đến chỗ Phật Thế Tôn thỉnh hỏi quyết nghị nghĩa đây, duy nguyện Như Lai vì ta khai thị”.

–Bạch Thế Tôn! Sao gọi là lỗi lầm chân thật của vua? Sao gọi là công đức chân thật của vua?

Nghe lời tác thỉnh này rồi, bấy giờ Thế Tôn bảo vua Xuất Ái rằng: “Đại vương! Đại vương! Nay ông phải rõ biết lỗi lầm của vua, công đức của vua, môn suy tổn của vua, môn phương tiện của vua, pháp khả ái của vua và năng dẫn phát pháp khả ái của vua.

Sao gọi là **lỗi lầm của vua**? Đại vương nên biết lược có 10 chủng lỗi lầm của vua. Nếu vua rơi

vào lỗi lầm như thế, dù có đại ngân khố, có đại quan phò tá, có đại quân chủng, nhưng chẳng được quy ngưỡng. Những gì là mười? 1. Chủng tánh không tôn quý; 2. Không được tự tại; 3. Chất chứa tánh bạo ác; 4. Nổi giận mạnh mẽ; 5. Ban ân huệ kém ít; 6. Nghe lời tà nịnh; 7. Làm việc không tư duy, không thuận lễ nghi phép tắc; 8. Không đoái nghĩ thiện pháp; 9. Không biết phân biệt, quên thi ân; 10. Hành chuyển theo một hướng phóng dật.

Sao gọi là *chủng tánh vua không tôn quý*? Như có quốc vương hoặc tùy sanh trong nhà hạ tiện, chẳng phải sanh nơi tôn quý; hoặc tùy sanh ở vương gia mà là con của người nữ hạ cấp, không phải là con nối dòng; hoặc con của đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần... Như vậy gọi là vua thuộc dòng họ không tôn quý.

Sao gọi là *vua không được tự tại*? Như có quốc vương bị các đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần điều khiển, bức chế. Không tự do làm những việc muốn làm, cũng không được tùy sở thích mà ban thưởng cho quần thần. Đối với năm diệu dục cũng chẳng như ý vui chơi. Như vậy gọi là vua không được tự tại.

Sao gọi là *vua chất chứa tánh bạo ác*? Như có quốc vương chỉ cần các bậc quần thần và người khác hiện hành một việc nhỏ không như ý, liền đối diện đui bỏ, phát sanh giận dữ, phát lời thô ác, gào thét sân khuể; nhảy dựng lên. Giả sử không đối mặt mà xoay lưng hướng khác, cũng hành động chê bai sỉ nhục như trước. Giả sử không đối mặt, cũng không xoay lưng hướng khác, mà truất bỏ mắng chửi... hành động như trước đã nói. Trong ý tích chứa sân khuể, ôm tâm bực bội não hại, ôm tâm oán hận, nhưng không trường thời giữ tâm sân khuể tương tục chẳng xả. Hoặc trong ý tích chứa sân khuể, ôm tâm bực bội não hại, ôm tâm oán hận, cũng trường thời ôm lòng tương tục chẳng xả. Do tướng đối diện bạo ác, xoay lưng bạo ác, phiền giận bạo ác, bạo ác thời gian ngắn, bạo ác dài lâu, cho nên gọi là *vua chất chứa tánh bạo ác*. Đại vương nên biết, bạo ác dài lâu thì thành đại tội, còn lại thì chẳng phải.

Sao gọi là *vua nổi giận mạnh mẽ*? Như có quốc vương đối với các quần thần... phạm ít tội lỗi sai sót, phạm ít lỗi trái vượt tức liền tức bỏ chức tước, lương bổng, tịch thu thê thiếp, hay dùng hình

phạt nặng. Như vậy gọi là vua nổi giận mạnh mẽ.

Sao gọi là *vua ban ân huệ kém ít*? Như có quốc vương đối với các quần thần... phụng châu, hầu hạ, bảo vệ, tuy lòng thật sự khen ngợi mà chỉ ban ít lời khích lệ sơ sài, ban ân huệ chức tước đáp đền thành tích chỉ bình thường, không sung mãn, không xứng thuận với phép tắc thường. Hoặc tuyên dương rồi, hoặc tra cứu rồi, hoặc ghi chép rồi, nhưng mãi về sau mới ban thưởng. Như vậy gọi là vua ban ân huệ kém ít.

Sao gọi là *vua nghe lời tà nịnh*? Như có quốc vương sử dụng các quần thần... không thông hiểu sâu xa, hoặc nếu có thông hiểu sâu xa thì ngạo mạn, tham lam, kết bè đảng gây hỗn loạn, không làm những việc chánh thiện, ôm lòng mưu tính phát động phản loạn, không pháp lệnh nào có thể ngăn cấm. Nhà vua tin dùng nghe theo lời can gián, bàn luận của bọn người như vậy, do nhân duyên đây từ tài bảo cho đến việc nước, quân cơ đều bị suy tổn. Như vậy gọi là vua nghe lời tà nịnh.

Sao gọi là *vua làm việc không tư duy, không thuận lễ nghi phép tắc*? Như có quốc vương không thể nghiên cứu quán sát, không thể nghiên cứu

quán sát sâu xa; không thể tư trạch, không thể tư trạch sâu xa. Đối với những việc cơ mật, bọn quần thần chẳng thể gánh vác mà lại ủy nhiệm, người có thể gánh vác mà chẳng ủy nhiệm; người đáng giao việc quân cơ mà chẳng giao, người không đáng giao lại giao; người đáng ban thưởng lại dùng hình phạt, người đáng dùng hình phạt mà lại ban thưởng. Lại không khéo ra giáo lệnh sắp xếp quần thần thuận theo lễ nghi phép tắc trước vua. Do đây khi vua thiết triều hội họp quần thần, luận nói chưa xong mà bọn chúng phát lời cắt ngang, không kính nể, không kiêng sợ, lại hưng thịnh đấu tranh ly gián, không phụng hành như điều chỉ giáo, không chánh an trụ giáo lệnh vua ban. Như vậy gọi là vua làm việc không tư duy, không thuận lễ nghi phép tắc.

Sao gọi là *vua không đoái nghĩ thiện pháp*? Như có quốc vương không tin có đời khác, cũng chẳng thông hiểu việc đây. Do không tin, không thông hiểu đời khác, nên đối với nghiệp thiện, bất thiện, quả ái, phi ái ở đời vị lai cũng chẳng thể tin hiểu. Do không tin hiểu nên không biết tầm quý, ba nghiệp thân khẩu ý mặc tình theo đuổi ác hạnh,

không thể thời thời bố thí, thọ học trai giới, tu phước tuệ. Như vậy gọi là vua không đoái nghĩ thiện pháp.

Sao gọi là *vua không biết phân biệt, quên thi ân*? Như có quốc vương đối với các đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần... mà tâm diên đảo không khéo phân biệt rõ biết đâu là trung tín, tài năng, trí huệ. Do không biết nên đối với người sở hành không trung tín mà tưởng trung tín, đối với người trung tín tưởng chẳng phải trung tín; đối với người không có tài năng mà khởi tưởng cho là tài năng, người có tài năng tưởng không tài năng; đối với người ác huệ mà khởi tưởng cho là thiện huệ, người thiện huệ khởi tưởng cho là ác huệ. Do vua kia tâm diên đảo như vậy nên kính trọng ái dưỡng các quần thần ác huệ, không trung tín, không có tài năng; sanh lòng khinh tiện quay mặt với các quần thần trung tín, tài năng, thiện huệ. Lại đối với các bậc quần thần kỳ lão đã suy yếu, đê mê đã từng phụng hầu bên vua, vua biết những vị kia không còn thể, không còn sức, không đủ mạnh, nên quay lưng không kính quý, cũng chẳng thi ân đền đáp. Giả sử các vị ấy bị xúc phạm khinh miệt, vua liền

bỏ qua chẳng thăm hỏi. Như vậy gọi là vua không biết phân biệt, làm việc vong ân.

Sao gọi là *vua hành chuyển theo một hướng phóng dật*? Như có quốc vương đối với năm diệu dục chỉ một hướng say mê chìm đắm du hí, thọ hành ái lạc, không thể thời thời phương tiện khuyến khích các quần thần làm việc lợi ích. Như vậy gọi là vua hành chuyển theo một hướng phóng dật.

Nếu có quốc vương hội tụ đầy đủ 10 chủng lỗi lầm như vậy, tuy có đại ngân khố, có đại quan phò tá, có đại quân chủng, mà chẳng được quy ngưỡng. Đại vương nên biết, 10 chủng lỗi lầm đây, 1 chủng ban đầu là lỗi lầm chủng tánh của vua, 9 chủng còn lại là lỗi lầm tự tánh của vua.

Sao gọi là **công đức của vua**? Đại vương nên biết, công đức của vua lược có 10 chủng. Nếu vua thành tựu công đức như vậy, tuy không có đại ngân khố, không có đại quan phò tá, không có đại quân chủng, mà được quy ngưỡng. Những gì là mười? 1. Chủng họ tôn quý; 2. Được đại tự tại; 3. Tánh không bạo ác; 4. Phát sanh giận dữ nhẹ; 5. Ban ân huệ đúng mực; 6. Nghe lời chánh trực; 7. Làm việc



tư duy cân nhắc, khéo thuận lễ nghi phép tắc; 8. Nhớ nghĩ thiện pháp; 9. Khéo biết phân biệt, biết thi ân; 10. Không mặc tình phóng túng, không hành phóng dật.

Sao gọi là *vua thuộc chủng họ tôn quý*? Như có quốc vương sanh ở vương gia, đời trước tôn quý, là con nối dòng. Như vậy gọi là vua thuộc dòng họ tôn quý.

Sao gọi là *vua được tự tại*? Như có quốc vương tự do làm những việc chánh đáng, khuyến phát quần thần. Đối với năm diệu dục được tự tại vui chơi. Đối với các quan, đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần phàm có giáo lệnh thì tuyên bố không e sợ. Như vậy gọi là vua được đại tự tại.

Sao gọi là *vua tánh không bạo ác*? Như có quốc vương đối với các quần thần... làm những việc chẳng như ý tăng thượng, thì tánh năng khoan dung nhẫn nại, không hiện tướng đui bỏ, không phát lời thô ác, cho đến cũng không phát khởi dùng dùng nổi giận, cũng không xoay lưng mà hành động như trước đã thuyết. Trong ý cũng chẳng chất chứa giận dữ yểm tàng, cũng không đem dài tâm oán hận tương tục chẳng xả. Không hiện tướng

bạo ác, không xoay lưng bạo ác, không ẩn chứa bạo ác, không bạo ác lâu dài. Như vậy gọi là vua tánh chẳng bạo ác.

Sao gọi là *vua phát sanh giận dữ nhẹ*? Như có quốc vương biết được các quần thần có tội lỗi lớn, có trái vượt lớn, mà không ra lệnh tức đoạt bổng lộc, tịch thu thê thiếp, cũng không dùng xử phạt nặng. Nếu tội quá nặng mới dùng hình phạt phế truất. Như vậy gọi là vua phát sanh giận dữ nhẹ.

Sao gọi là *vua ban ân huệ đúng mực*? Như có quốc vương đối với đại thần... chánh trực, hiện tiền phụng hầu phò vua với tâm thanh tịnh, tâm điều thuận, thì đều dùng lời nói khích lệ, mềm mỏng hoan hỷ, chánh trực đầy đủ, tùy theo công trạng lớn nhỏ mà tán thán ban thưởng đầy đủ bổng lộc chức tước, chẳng trì hoãn khiến họ mệt mỏi oán trách. Tánh vua dễ phụng sự hầu hạ, không khó thừa sự. Như vậy gọi là vua ban ân huệ đúng mực.

Sao gọi là *vua nghe lời chánh trực*? Như có quốc vương nghe thọ tin dùng, cho đến cùng bàn luận việc cơ mật đối với các quần thần có hiểu biết chân chánh sâu xa, tuy thông huệ mà không kiêu mạn, không phe đảng, không thiên hướng hưởng

nhân, không trái phẫn, vui làm thiện pháp, có tâm chất trực. Do nhân duyên đây, ngân khố, việc nước, quân cơ, danh xưng thiện pháp thấy đều tăng trưởng. Như vậy gọi là vua nghe lời chánh trực.

Sao gọi là *vua làm việc tư duy cân nhắc, khéo thuận lễ nghi phép tắc*? Như có quốc vương tánh năng nghiên cứu quán sát, năng nghiên cứu quán sát sâu xa; tánh năng tư trạch, năng tư trạch sâu xa. Đối với công việc cơ mật, các quần thần không thể gánh vác thì không ủy nhiệm, người năng gánh vác thì ủy nhiệm; người không thể gánh vác công việc thì chẳng bắt buộc giao phó, người năng kham nhiệm thì giao phó; người đáng ban thưởng thì ban thưởng đúng lúc, người đáng dùng hình phạt thì dùng hình phạt đúng lúc. Phàm có làm việc gì thì tư duy chọn lựa cân nhắc rồi mới làm, không nóng vội. Lại năng khéo an đặt quần thần đúng theo lễ nghi phép tắc trước vua. Do đây, quần thần tuy có tụ tập yến hội cũng trọn không dám phát lời chia rẽ, luận bàn việc khác; cần thiết mới phát lời, hành động cung kính tôn trọng mà khuyên can; khéo phụng hành, chân chánh an trụ giáo lệnh vua ban. Như vậy gọi là vua làm việc tư duy cân

nhắc, khéo thuận lễ nghi phép tắc.

Sao gọi là *vua nhớ nghĩ thiện pháp*? Như có quốc vương do tin hiểu có đời khác nên năng khéo tin hiểu nghiệp tịnh, bất tịnh cùng quả ái, phi ái ở đời đương lai. Do khéo tin hiểu nên đầy đủ tầm quý, thân ngữ ý không mặc tình hành theo ba chủng ác hạnh, thời thời tư trạch tu phước, bố thí, thọ trai, học giới. Như vậy gọi là vua nhớ nghĩ thiện pháp.

Sao gọi là *vua khéo biết phân biệt, khéo biết thi ân*? Như có quốc vương đối với các đại thần, phụ tướng, quốc sư, quần thần... tâm không điên đảo, năng khéo rõ biết đâu là người trung tín, tài năng, trí huệ; như thật biết khắp quần thần hoặc có hoặc không trung tín, tài năng, trí huệ. Đối với người không có tài năng, thì không khinh mà xa lánh. Đối với người có tài năng thì kính quý, chân chánh nhiếp thọ. Đối với các đại thần kỳ lão suy yếu, đem dài đã từng phụng hầu bên vua, vua tuy biết các vị ấy không còn thế, không còn lực, không đủ mạnh, nhưng nhớ ân xưa nên kính quý, không thay lòng khinh tiện, ban thưởng chức tước bổng lộc tùy theo công trạng lớn nhỏ. Như vậy gọi là vua

khéo biết phân biệt, biết thi ân.

Sao gọi là *vua không mặc tình phóng túng, chẳng hành phóng dật*? Như có quốc vương đối với năm diệu dục không chuyển theo thọ dụng, không say mê chìm đắm du hý, thọ hành ái lạc. Mọi lúc đều dùng phương tiện khuyến phát quần thân. Như vậy gọi là vua không mặc tình phóng túng hành theo phóng dật.

Nếu vua thành tựu công đức như vậy, tuy không có đại ngân khố, không có đại quan phò tá, không có đại quân chủng mà được quy ngưỡng. Đại vương nên biết, 10 chủng công đức của vua như vậy, 1 chủng đầu gọi là công đức chủng tánh, 9 chủng còn lại gọi là công đức tự tánh.

Sao gọi là **môn suy tổn của vua**? Đại vương nên biết lược có 5 chủng môn suy tổn của vua: 1. Không khéo quán sát thấu nhiếp quần thân; 2. Tuy khéo quán sát thấu nhiếp quần thân mà vô ân, có diệu hành rộng rãi phi thời; 3. Chuyên hành phóng dật không nghĩ đến việc nước; 4. Chuyên hành phóng dật không thủ hộ ngân khố; 5. Chuyên hành phóng dật không tu pháp hạnh. Năm chủng

như vậy đều gọi là môn suy tổn của vua.

Sao gọi là *vua không khéo quán sát thâm nhiếp quần thần*? Như có quốc vương đối với quần thần... không thể nghiên cứu quán sát, không thể nghiên cứu quán sát sâu; không thể tư trạch, không thể tư trạch sâu loại người đó là trung tín, tài năng hay trí huệ... mà lại thâm nhiếp làm người hầu cận, thêm sủng ái ban chức tước bổng lộc hậu hỷ; đối với việc tối cơ mật mà ủy nhiệm trông coi, dùng lời nhu nhuyễn khích lệ. Loại quần thần đây khi được giao nhiều tài bảo, tức liền lãng phí khiến bị hao tổn. Nếu gặp oán địch, giặc ác, quân trận, kẻ kia trước tán loạn khiếp sợ thối lui, chỉ chờ dịp tẩu thoát, không ngần ngại né tránh, giả dối tạo phản, khiến vua thất trận, kẻ địch giành phần thắng. Như vậy gọi là vua không khéo quán sát thâm nhiếp quần thần.

Sao gọi là *vua tuy khéo quán sát thâm nhiếp quần thần mà vô ân, có diệu hành rộng rãi phi thời*? Như có quốc vương tuy đối với quần thần... tánh năng quán sát, năng quán sát sâu; tánh năng tư trạch, năng tư trạch sâu loại người đó là trung tín, tài năng hay trí huệ, sau mới thâm nhiếp làm

người hầu cận. Nhưng vua không biết sủng ái, không biết trọng thưởng bổng lộc. Đối với việc cơ mật cũng không ủy nhiệm, không dùng lời nhu nhuyễn hiện tướng khích lệ. Khi vua gặp nạn oán địch, bạo ác, quân trận, cho đến việc kinh hãi khó bảo toàn mạng sống, bấy giờ vua mới hành sủng ái... nói rộng cho đến dùng lời nhu nhuyễn khích lệ đối với quần thần. Lúc ấy quần thần cùng các tướng bảo rằng: “Hiện nay do nhân duyên vua bị nguy bách nên mới tạm hành diệu hạnh đối với chúng ta, chẳng phải tâm lâu dài”. Biết việc đây rồi, tuy quần thần kia thuộc loại trung tín, tài năng, trí huệ mà không ra mặt. Như vậy gọi là vua tuy khéo quán sát để nhiếp quần thần mà vô ân, có diệu hành rộng rãi phi thời.

Sao gọi là *vua chuyên hành phóng dật, không nghĩ đến việc nước?* Như có quốc vương đối với việc nước nên hòa hảo để thành tựu nghĩa lợi lớn... mà lại không một mình ở chốn vắng lặng hay cùng các bậc có trí chân chánh tư duy, quán sát suy lường phương tiện hòa hảo phù hợp. Như vậy đối với việc nước không nên bang giao để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên huệ thí để thành tựu

nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên thiết lập quân trận để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên tập trung sức mạnh của các nước láng giềng để thành tựu nghĩa lợi lớn... mà lại không một mình ở chốn vắng lặng hoặc cùng các bậc có trí chân chánh tư duy, quán sát suy lường phương tiện bang giao, cho đến phương tiện tập trung sức mạnh của các nước bạn. Đây gọi là vua chuyên hành phóng dật, không nghĩ đến việc lớn.

Sao gọi là *vua chuyên hành phóng dật, không thủ hộ ngân khố*? Như có quốc vương ít cai quản sự nghiệp, hoặc cai quản sự nghiệp vụng về, không quan sát sự nghiệp, không thấu nhiếp sự nghiệp, không canh giữ cửa vua, không canh giữ cửa cung, không giữ gìn ngân khố. Đối với trò vui chơi giải trí, hát xướng, diễn tuồng, kỹ nhạc, cờ bạc... hoặc vượt quá bình thường, hoặc chìm đắm say mê không biết lượng khiến tài bảo bị hao tổn. Như vậy gọi là vua chuyên hành phóng dật, không thủ hộ ngân khố.

Sao gọi là *vua chuyên hành phóng dật không tu pháp hạnh*? Như có quốc vương rõ biết chỉ có các bậc Sa-môn, hoặc Bà-la-môn sở hữu tánh nhu hòa,



thuần chất, thông tuệ, biện tài, thông tường lý giải thoát, lạc vô hại, pháp vô hại. Nhưng vua không thường đến lễ kính thỉnh hỏi việc làm này là thiện hay là bất thiện, việc làm kia gì là có tội, gì là không tội, làm những nghiệp gì năng dẫn đến an vui tốt lành, xa lìa các ác. Giả sử vua được nghe rồi cũng không nỗ lực như điều đã nghe mà tu hành, không thể thời thời huệ thí, thọ trai, học giới, tu phước. Như vậy gọi là vua chuyên hành phóng dật không tu pháp hạnh.

Nếu có quốc vương rơi vào 5 môn suy tổn như vậy, đại vương nên biết vua đây thối mất nghĩa lợi hiện pháp, hậu pháp. Bốn môn trước khiến mất lợi ở hiện pháp, môn sau cùng khiến mất lợi ở hậu pháp.

Sao gọi là **môn phương tiện của vua**? Đại vương nên biết lược có 5 chủng môn phương tiện của vua. Những gì là năm? 1. Khéo quán sát nhiếp thọ quần thần; 2. Khéo dùng diệu hành thi ân đúng thời; 3. Chuyên lòng nhớ nghĩ việc nước không phóng dật; 4. Khéo thủ hộ ngân khố không phóng dật; 5. Chuyên tu pháp hạnh không phóng dật.

Sao gọi là *vua năng khéo quán sát nhiếp thọ quần thần*? Như có quốc vương đối với quần thần... tánh năng nghiên cứu quán sát, năng nghiên cứu quán sát sâu; tánh năng tư trạch, năng tư trạch sâu loại người đây là trung tín, tài năng, trí huệ, sau mới nhiếp làm người hầu cận. Như vậy gọi là vua năng khéo quán sát nhiếp thọ quần thần.

Sao gọi là *vua khéo dùng diệu hành thi ân đúng thời*? Như có quốc vương đối với các quần thần... đã khéo quán sát rồi thâu nhiếp làm người hầu cận, lại thêm sủng ái, tùy theo công trạng lớn nhỏ mà ban thưởng chức tước bổng lộc, ủy nhiệm công việc tối cơ mật, luôn dùng lời nhu nhuyễn hiện tướng khích lệ. Khi vua gặp nạn oán địch, bạo ác, quân trận, gặp việc gây kinh sợ khó bảo toàn mạng sống, quần thần liền tận kiệt tài năng và trí huệ mà biểu hiện lòng trung tín. Như vậy gọi là vua năng khéo dùng diệu hành thi ân đúng thời.

Sao gọi là *vua chuyên lòng nhớ nghĩ việc nước không phóng dật*? Như có quốc vương đối với việc nước nên hòa hảo để thành tựu nghĩa lợi lớn... thường một mình ở chốn vắng lặng, hay cùng các bậc có trí chân chánh tư duy, quán sát suy lường

phương tiện hòa hảo phù hợp. Như vậy đối với việc nước không nên bang giao để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên huệ thí để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên thiết lập quân trận để thành tựu nghĩa lợi lớn, đối với việc nước nên tập trung sức mạnh của các nước láng giềng để thành tựu nghĩa lợi lớn... thường một mình ở chốn vắng lặng, cùng các bậc có trí chân chánh tư duy, quán sát suy lường phương tiện bang giao, cho đến phương tiện tập trung sức mạnh của các nước bạn. Như vậy gọi là vua chuyên lòng nhớ nghĩ việc nước không phóng dật.

Sao gọi là *vua khéo thủ hộ ngân khố không phóng dật*? Như có quốc vương rộng cai quản sự nghiệp, cai quản sự nghiệp nhay bén, khéo thâm nhiếp sự nghiệp, khéo quán xuyên sự nghiệp, khéo canh giữ cửa vua, khéo canh giữ cửa cung, khéo giữ gìn ngân khố. Lại đối với cờ bạc, kỹ nhạc, diễn tuồng, những trò vui chơi giải trí, không dùng quá lượng khiến hao tổn lãng phí tài bảo, cũng không quá chìm đắm vui thích... Như vậy gọi là vua khéo giữ gìn ngân khố không phóng dật.

Sao gọi là *vua chuyên tu pháp hạnh không*

*phóng dật*? Như có quốc vương rõ biết chỉ có những bậc Sa-môn, Bà-la-môn sở hữu tánh nhu hòa, thuần chất, thông huệ, biện tài, thông tường lý giải thoát, lạc vô hại, pháp vô hại. Vua năng đến lễ kính thỉnh hỏi việc làm này là thiện hay là bất thiện, việc làm kia gì là có tội, gì là không tội, thường làm những nghiệp gì dẫn đến an vui tốt lành, xa lìa các ác. Được nghe dạy rồi, vua khéo tác ý tinh cần như lời dạy mà tu hành, mọi thời đều năng tu phước, huệ thí, thọ trai, học giới. Như vậy gọi là vua chuyên tu pháp hạnh không phóng dật.

Nếu có quốc vương thành tựu 5 môn phương tiện như vậy, nên biết vua đây không mất nghĩa lợi hiện pháp, hậu pháp. Bốn môn trước khiến không mất nghĩa lợi hiện pháp, môn sau cùng khiến không mất nghĩa lợi hậu pháp.

Sao gọi là **pháp khả ái của vua**? Đại vương nên biết, lược có 5 pháp khả ái, khả lạc, khả hân, khả ý của vua. Những gì là năm? 1. Được người đời kính quý; 2. Tự tại tăng thượng; 3. Năng hàng phục oán địch; 4. Khéo nhiếp dưỡng thân; 5. Năng đến các đường thiện. Năm chủng như vậy là pháp

khả ái, khả lạc, khả hân, khả ý của vua.

Sao gọi là **năng dẫn phát pháp khả ái của vua**? Đại vương nên biết, lược có 5 chủng năng dẫn phát pháp khả ái của vua. Những gì là năm? 1. Ân dưỡng thế gian; 2. Đầy đủ anh dũng; 3. Khéo dùng quyền phương tiện; 4. Chân chánh thọ dụng cảnh giới; 5. Siêng tu tập pháp hạnh.

Sao gọi là *vua ân dưỡng thế gian*? Như có quốc vương bản tánh tri túc, cẩn trọng đối với tài bảo không khinh suất, không tà tham trước, đúng lý mà tích tập tài bảo, không mưu tính rộng cầu. Lại có quốc vương tánh không tham lam keo lẩn, thành tựu pháp bạch thanh tịnh không tham, đem tài sản kho báu của mình, tùy lược, tùy khả năng cấp thí cho tất cả người bần cùng, cô quả, lỡ đường. Lại có quốc vương nhu hòa nhẫn nhục, dùng lời nói nhu nhuyễn, ban chiếu lệnh dạy dẫn dân trong nước, tùy công trạng lớn nhỏ mà ban thưởng chức tước bổng lộc. Trọn không sai khiến quần thần gây tạo nghiệp ác, nghiệp nặng. Nếu quần thần phạm tội, có thể tha thứ tức liền rộng lượng tha thứ. Nếu phạm tội nặng thật chẳng thể tha thứ,

thì đúng lượng đúng lúc như lý trị phạt. Như vậy gọi là vua dùng chánh pháp giáo hóa ân dưỡng thế gian. Do vua thọ hành pháp ân dưỡng thế gian như vậy, nên cảm được sự quý kính của thế gian.

Sao gọi là *vua đầy đủ anh dũng*? Như có quốc vương võ lược viên mãn, kế sách không chậm chạp, kẻ chưa hàng phục thì hàng phục, kẻ đã hàng phục thì nhiếp hộ, rộng cai quản sự nghiệp cho đến chẳng đăm mê cờ bạc như trước đã nói. Lại khéo quán sát những việc nên làm, không nên làm. Người đáng dùng hình phạt thì trị phạt, người nên nhiếp dưỡng thì nhiếp dưỡng. Như vậy gọi là vua đầy đủ anh dũng. Do vua thọ hành đầy đủ pháp anh dũng như vậy, nên cảm được tự tại tăng thượng.

Sao gọi là *vua khéo dùng quyền phương tiện*? Như có quốc vương đối với việc nước nên hòa hảo để thành tựu nghĩa lợi lớn, thì năng chánh rõ biết phương tiện hòa hảo, cho đến phương tiện tập trung sức mạnh của các nước một cách thích hợp. Như vậy gọi là vua khéo dùng quyền phương tiện. Do vua thọ hành pháp khéo dùng quyền phương tiện như vậy, nên năng hàng phục các oán địch.

Sao gọi là *vua chân chánh thọ dụng cảnh giới*?

Như có quốc vương khéo năng thọ dụng tăng giảm ngân khố đúng lượng, sử dụng cân bằng, không phung phí, không keo lẩn; thọ dụng tịnh sạch chân chánh, thọ dụng các thứ tạp vật khác, thọ dụng thặng diệu, thọ dụng đúng thời hợp lẽ, thọ dụng cùng các quần thần, quyến thuộc; ở nơi tốt đẹp mà thọ dụng, tấu các kỹ nhạc mà thọ dụng, không mắc sai lầm mà thọ dụng. Không có sai lầm tức là lúc bệnh quá nhiều cần ăn thức ăn thích hợp, không ăn thức ăn không hợp. Khi đã hồi phục, đủ sức tiêu hóa mới ăn. Hoặc ăn chưa tiêu, hoặc ăn vì lợi dưỡng đều chẳng nên ăn. Nên cùng ăn với người đang có mặt lúc ấy, không được riêng ăn thượng vị tịnh diệu, dối đूर्đi người đi chỗ khác. Như vậy gọi là vua chân chánh thọ dụng cảnh giới. Do vua thọ hành pháp chân chánh thọ dụng cảnh giới như vậy, nên năng khéo léo nhiếp dưỡng tự thân.

Sao gọi là *vua siêng tu tập pháp hạnh*? Như có quốc vương đầy đủ tịnh tín, tịnh giới, tịnh văn, tịnh xả, tịnh huệ.

Vua đầy đủ tịnh tín: như tin hiểu có đời khác, tin hiểu nghiệp tịnh, bất tịnh và quả ái, phi ái dị thực ở đương lai. Như vậy gọi là vua đầy đủ tịnh tín.

Vua đầy đủ tịnh giới: như xa lìa sát sanh, chẳng cho mà lấy, tà hạnh dâm dục, vọng ngữ, uống rượu... những việc phóng dật. Như vậy gọi là vua đầy đủ tịnh giới.

Vua đầy đủ tịnh văn: như đối với nghĩa hiện pháp, đối với nghĩa hậu pháp, đối với nghĩa hiện pháp hậu pháp và nhiều pháp môn vi diệu, khéo lắng nghe, khéo thọ học, tập tụng thông lợi, ý chuyên nghiên cứu, khéo thấy khéo thông đạt. Như vậy gọi là vua đầy đủ tịnh văn.

Vua đầy đủ tịnh xả: như tuy ở nơi có nhiều người keo kiệt, cấu uế trói buộc, mà tâm thường thanh tịnh xa lìa cấu keo tham; ở tư gia thường hành hạnh xả ly, duỗi tay vui thí rộng khắp; lập đàn trai giới, phước, huệ xả viên mãn, thường vui bố thí bình đẳng. Như vậy gọi là vua đầy đủ tịnh xả.

Vua đầy đủ tịnh huệ: như thật rõ biết pháp thiện, bất thiện, có tội, không tội, nên tu tập, không nên tu tập, hắc, bạch, thắng diệu, thấp hèn. Phân biệt rộng pháp duyên sanh, cũng như thật biết nếu mặc tình thất niệm, mặc tình phóng dật sẽ sanh các ác tham dục, sân khuể, phẫn hận, phú não, khan, tật, huyễn, cuồng, siểm, khúc, không



tâm, không quý, ác dục, ác kiến. Giả sử các ác kia phát khởi, tâm liền nhận biết, không giữ kiên cố. Đây gọi là vua đầy đủ tịnh huệ.

Như vậy gọi là vua siêng tu pháp hạnh. Do vua thọ hành pháp hạnh đây nên năng đến các nẻo thiện.

Năm chủng như vậy năng dẫn phát pháp khả ái của vua, năng dẫn phát lợi ích cho vua ở hiện pháp và ở hậu pháp. Bốn chủng đầu năng dẫn lợi ích cho vua ở hiện pháp, một chủng sau năng dẫn lợi ích cho vua ở hậu pháp.

Đại vương nên biết, Ta đã lược nói lỗi lầm của vua, công đức của vua, môn suy tổn của vua, môn phương tiện của vua, pháp khả ái của vua và năng dẫn phát pháp khả ái của vua, đại vương cần phải tu học. Đối với lỗi lầm của vua, cần phải xa lìa. Đối với công đức của vua, phải nên tu tập. Đối với môn suy tổn của vua, phải nên xa lìa. Đối với môn phương tiện của vua, phải nên tu học. Đối với pháp khả ái của vua, phải nên nghĩ tưởng vui thích. Đối với năng dẫn phát pháp khả ái của vua, phải nên thọ hành. Đại vương! Nếu năng tu học như vậy sẽ thành tựu tất cả lợi ích an lạc.

Lại nữa, nay thuyết **sanh khổ** cho đến lược thuyết **năm thủ uẩn khổ**.

Sao gọi là *sanh khổ*? Nên biết khổ đây do 5 chủng tướng: 1. Do các thứ khổ tùy đuổi theo; 2. Do thô trọng tùy đuổi theo; 3. Do các thứ khổ nương gá; 4. Do phiền não nương gá; 5. Do pháp ly biệt, không thuận theo ý muốn.

Do các thứ khổ đuổi theo nên khổ: hoặc sanh ở địa ngục và trong đường ngạ quỷ một hướng khổ; hoặc lúc sanh ra từ thai sanh, noãn sanh bị sự đuổi theo của chủng chủng ưu khổ, cho nên gọi là các thứ khổ đuổi theo nên khổ.

Do thô trọng đuổi theo nên khổ: các hành của ba cõi bị sự đuổi theo của phiền não phẩm thô trọng, tánh không điều nhu, không tự tại chuyển, do đây sanh khởi các hành hữu tình triển chuyển trong ba cõi. Cho nên gọi là do thô trọng đuổi theo nên khổ.

Do các khổ nương gá nên khổ: vì sự nương gá của các thứ khổ sai biệt như suy lão... cho nên gọi là do các khổ nương gá nên khổ.

Do phiền não nương gá nên khổ: lúc đã thọ sanh, ở nơi cảnh ái phát khởi ái, nơi cảnh sân

phát khởi sân, nơi cảnh si phát khởi si. Do nhân duyên đây, không an trụ tịch tĩnh, thân tâm hôn muội, chẳng được an ổn. Cho nên gọi là do phiền não nương gá nên khổ.

Do pháp ly biệt không thuận theo ý muốn nên khổ: các hữu tình sanh ra rồi sẽ chết, có sanh ắt có tử. Sở hữu thọ mạng, tử là bờ mé, tử là cuối cùng. Hết thấy việc như vậy là điều chẳng đáng ưa thích. Do nhân duyên đây chỉ thọ các thứ khổ, nên lấy pháp ly biệt không thuận theo ý muốn thuyết sanh là khổ.

Sao gọi là *lão khổ*? Nên biết cũng có 5 tướng, tức là năm xứ bị suy thoái nên khổ: 1. Sắc đẹp, sức khỏe bị suy thoái; 2. Khí lực bị suy thoái; 3. Các căn bị suy thoái; 4. Cảnh giới thọ dụng bị suy thoái; 5. Thọ mạng bị suy thoái.

Sao gọi là *bệnh khổ*? Bệnh khổ cũng do 5 tướng: 1. Thân tướng biến hoại; 2. Trụ nhiều ưu khổ, tăng thêm ưu khổ; 3. Đối với cảnh vừa ý, không được vui thọ dụng; 4. Đối với cảnh không vừa ý, chẳng phải việc ưa thích mà lại thọ dụng mạnh mẽ; 5. Năng khiến mạng căn chóng hoại.

Sao gọi là *tử khổ*? Khổ đây cũng do 5 tướng: 1.

Vì tài bảo hưng thịnh thật đáng yêu thích mà phải xa lìa; 2. Vì bạn bè thật đáng yêu thích mà phải xa lìa; 3. Vì quyến thuộc thật đáng yêu thích mà phải xa lìa; 4. Vì thân mình thật đáng yêu thích mà phải xa lìa; 5. Vì lúc mạng chung phải thọ chủng chủng ưu khổ rất nặng.

Sao gọi là *ghét mà gặp nhau khổ*? Khổ đây cũng do 5 tướng: 1. Vì cùng kia gặp nhau sanh ưu khổ; 2. Vì sợ bị trị phạt; 3. Vì sợ tiếng ác; 4. Vì sợ hãi mạng chung nên khổ; 5. Vì trái vượt chánh pháp khiếp sợ đường ác.

Sao gọi là *thương nhau xa lìa khổ*? Khổ đây cũng do 5 tướng: 1. Vì kia không gặp nhau nên sanh sầu não; 2. Vì nhân duyên đây sanh oán thán; 3. Vì nhân duyên đây thân ưu não; 4. Vì nghĩ đến hình dáng của kia, nhớ nghĩ ưa thích là nhân duyên khiến ý nhiệt não; 5. Vì sự thọ dụng bị thiếu thốn.

Như ái biệt ly khổ, thì *cầu không được khổ* nên biết cũng vậy.

Sao gọi là *năm thủ uẩn khổ*? Khổ đây cũng do 5 tướng: 1. Vì khí sanh khổ; 2. Vì khí nương sanh khổ; 3. Vì khí khổ khổ; 4. Vì khí hoại khổ; 5. Vì tánh hành khổ.

Lại nữa, nương hành sai biệt mà kiến lập ba loại người bậc hạ, bậc trung và bậc thượng. Không hành tự lợi, không hành lợi tha, gọi là bậc hạ. Hành tự lợi, không hành lợi tha; hành lợi tha, không hành tự lợi, gọi là bậc trung. Hành tự lợi cũng hành lợi tha, gọi là bậc thượng.

Lại có bốn chủng bổ-đặc-già-la: 1. Có hành ác, chẳng phải vui ác; 2. Có vui ác, chẳng phải hành ác; 3. Có hành ác, cũng lại vui ác; 4. Chẳng hành ác, cũng chẳng vui ác.

Hoặc có người tin hiểu làm ác năng cảm quả báo phi ái ở đương lai, nhưng do thất niệm, hoặc do phóng dật, hoặc do gần bạn ác, nên tạo tác ác hạnh. Đây gọi là hành ác, chẳng phải vui ác, thuộc bậc hạ.

Hoặc có người đời trước đã thường xuyên tập quen làm ác, cảm thấy vui thích đối với việc ác, bị vui muốn ác dẫn dắt. Do kia được gần gũi thiện tri thức, nghe chánh pháp, như lý tác ý làm chỗ nương, biết các ác hạnh năng cảm quả báo phi ái ở đương lai, nên tự khuyến phát tinh cần xa lìa các ác. Đây gọi là vui ác, chẳng phải hành ác. Hoặc có người tánh vui với việc ác, không tự xa lìa, gọi là hành ác

cũng lại vui ác. Đây thuộc bậc trung.

Hoặc có người tánh không vui với việc ác, cũng nằng xa lìa, gọi là chẳng hành ác cũng chẳng vui ác. Đây thuộc bậc thượng.

Lại có ba loại người: 1. Trọng ái dục gọi là bậc hạ; 2. Trọng công việc gọi là bậc trung; 3. Trọng chánh pháp gọi là bậc thượng.

Lại có ba chủng bổ-đặc-già-la: 1. Lấy việc xấu làm việc mình gọi là bậc hạ; 2. Lấy việc mình làm việc mình gọi là bậc trung; 3. Lấy việc người làm việc mình gọi là bậc thượng. Hoặc hành ác hạnh để sinh sống gọi là lấy việc xấu làm việc mình. Hoặc sợ ác hạnh, tu hành thiện hạnh, gọi là lấy việc mình làm việc mình. Hoặc chư Bồ-tát gọi là lấy việc người làm việc mình.

Lại các quốc vương có 3 viên mãn: 1. Quả báo viên mãn; 2. Sĩ dụng viên mãn; 3. Công đức viên mãn.

Hoặc các quốc vương sanh nơi vương gia phú quý, trường thọ, ít bệnh, có dòng tộc lớn, thành tựu tuệ thông lợi. Đây gọi là vua có quả báo viên mãn.

Hoặc các quốc vương dụng phương tiện thâu

nhiep giữ gìn, khéo dùng uy lực làm phương tiện, thành tựu anh dũng viên mãn. Đây gọi là vua có sĩ dụng viên mãn.

Hoặc các quốc vương hộ trì giữ gìn chánh pháp gọi là pháp vương, an trụ chánh pháp gọi là đại vương. Hoặc trong cung có những vị vương tử, quần thần anh kiệt hào quý, trong nước có muôn dân cùng tu huệ thí, tu phước, thọ trai, kiên trì cấm giới. Đây gọi là vua có công đức viên mãn.

Quả báo viên mãn là thọ dụng quả báo tịnh nghiệp đời trước. Sĩ dụng viên mãn là thọ dụng quả khả ái ở hiện pháp. Công đức viên mãn là thọ dụng quả báo tịnh nghiệp viên mãn ở đương lai.

Hoặc có quốc vương đều không đầy đủ ba chủng viên mãn, gọi là bậc hạ. Hoặc có quốc vương thành tựu hoặc quả báo viên mãn, hoặc sĩ dụng viên mãn, hoặc hai chủng viên mãn, gọi là bậc trung. Hoặc có quốc vương thành tựu đầy đủ cả ba viên mãn, không viên mãn nào mà không đầy đủ, gọi là bậc thượng.

Lại có 3 loại thần: 1. Có trung tín, không kỹ năng, không trí huệ gọi là bậc hạ; 2. Có trung tín, có kỹ năng, không trí huệ gọi là bậc trung; 3. Có đầy đủ trung tín, kỹ năng, trí huệ gọi là bậc thượng.

Nếu không trung tín, không tài năng, cũng không trí huệ, thì loại thần này thuộc hạ của bậc hạ.

Lại có bốn loại lời: 1. Phi ái mà tợ như ái; 2. Ái mà tợ như phi ái; 3. Phi ái tợ như phi ái; 4. Ái tợ như ái. Hoặc có lời nói câu từ lành thiện thuận khéo nhưng chẳng hợp lẽ, gọi là lời thứ nhất. Hoặc có lời nói câu từ mạnh mẽ đối nghịch nhưng hợp lẽ, gọi là lời thứ hai. Hoặc có lời nói câu từ đối nghịch mạnh mẽ nhưng chẳng hợp lẽ, gọi là lời thứ ba. Hoặc có lời nói câu từ lành thiện thuận khéo cũng hợp lẽ, gọi là lời thứ tư.

Nếu có người tuyên nói lời phi ái tợ như phi ái, phi ái mà tợ như ái, gọi là bậc hạ. Nếu có người tuyên nói lời ái mà tợ như phi ái gọi là bậc trung. Nếu có người tuyên nói lời ái tợ như ái gọi là bậc thượng.

Lại có ba loại người thọ các dục: 1. Hoặc có người thọ dục phi pháp thô thiển, tích góp tài bảo, không thể an lạc chánh dưỡng thân mạng cùng với vợ con, nói rộng cho đến không theo các Sa-môn, Bà-la-môn mà tu tập sanh trưởng phước điền, gọi là bậc hạ; 2. Hoặc có người thọ dục như pháp, hoặc phi pháp thô thiển, hoặc không tích góp tài bảo,



năng khiến an lạc chánh dưỡng thân mình, vợ con, quyến thuộc cùng với bạn hữu, không theo các Sa-môn, Bà-la-môn mà tu tập sanh trưởng phước điền, gọi là bậc trung; 3. Hoặc có người thọ dục một hương như pháp và không thô thiển, tích tập tài bảo, năng đem an lạc chánh dưỡng thân mình, cho đến năng theo các Sa-môn, Bà-la-môn mà tu tập sanh trưởng phước điền, gọi là bậc thượng.

Lại có ba loại người: 1. Người tham nhiễm mà ăn, ái trước tham lam cho đến chìm đắm say mê mà ăn, không thấy lỗi lầm tai họa, không biết ra khỏi xa lìa, gọi là bậc hạ; 2. Có người cân nhắc mà ăn, không nhiễm, không trước cũng không tham lam, không ngốn nuốt mê muội, không trụ say đắm bền chắc mà ăn, thấy sâu lỗi lầm tai họa, khéo biết ra khỏi xa lìa, nhưng đối với ăn đây chưa biết chưa đoạn, gọi là bậc trung; 3. Có người cân nhắc mà ăn, không sanh tham nhiễm, nói rộng cho đến thấy sâu lỗi lầm tai họa, khéo biết ra khỏi xa lìa, lại đối với ăn đây đã biết đã đoạn, gọi là bậc thượng.

Lại nương vật thí mà nói có ba loại người: 1. Có người thí vật chỉ đủ diệu hương, không đủ diệu

mỹ vị và xúc, gọi là bậc hạ; 2. Có người thí vật đủ diệu hương vị mà không diệu xúc, gọi là bậc trung; 3. Có người thí vật đầy đủ diệu hương mỹ vị và xúc, gọi là bậc thượng.

Lại nương ruộng thí mà nói có ba loại người: 1. Loại người đối với chỗ yêu quý, chỗ có ân mà hành huệ thí gọi là bậc hạ; 2. Có người vì ruộng phước nghèo khổ mà hành huệ thí, gọi là bậc trung; 3. Có người vì ruộng phước đủ công đức tối thắng mà hành huệ thí, gọi là bậc thượng.

Lại có thí sai khác: 1. Thí vì yêu thương gọi là bậc hạ; 2. Thí vì có ân gọi là bậc trung; 3. Thí vì nghèo khổ, ruộng phước đủ đức thù thắng gọi là bậc thượng.

Lại nương tâm thí có ba loại người: 1. Có người sắp muốn huệ thí tâm hoan hỷ, khi đang huệ thí tâm không thanh tịnh, huệ thí rồi sau suy nghĩ hối hận, đây gọi là bậc hạ; 2. Có người trước tâm hoan hỷ, khi thí tâm tịnh, thí rồi hối hận, đây gọi là bậc trung. 3. Có người trước tâm hoan hỷ, khi thí tâm tịnh, thí rồi không hối hận, đây gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi sự nghiệp phước, thọ trì giới mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người chỉ lìa một phần,

chẳng phải ở tất cả thời thường năng xa lìa, chỉ tự mình xa lìa, không khuyến khích người xa lìa cũng không khen ngợi tán thán, thấy người đồng pháp tâm không hoan hỷ. Đây gọi là bậc hạ; 2. Có người tất cả phần, tất cả thời đều xa lìa, chỉ tự mình xa lìa, không khuyến khích người xa lìa cũng không khen ngợi tán thán, thấy người đồng pháp tâm không hoan hỷ. Đây gọi là bậc trung; 3. Có người hoàn thiện tất cả những điều trên gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi sự vui thích thọ trì cấm giới, mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người trụ pháp ác thuyết Tỳ-nại-da mà thọ trì cấm giới, gọi là bậc hạ; 2. Có người trụ pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, thọ trì cấm giới nhưng có khuyết lậu, gọi là bậc trung; 3. Có người trụ nơi thiện thuyết Tỳ-nại-da, thọ trì cấm giới không khuyết lậu, gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi tâm thọ trì cấm giới mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người vì mạng sống nên thọ trì cấm giới gọi là bậc hạ; 2. Có người vì sanh thiên nên thọ trì cấm giới gọi là bậc trung; 3. Có người vì Niết-bàn nên thọ trì cấm giới gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi thọ trì Biệt giải thoát luật nghi mà nói có 3 loại người: 1. Có người chỉ năng thọ trì

luật nghi Cận trụ gọi là bậc hạ; 2. Có người cũng năng thọ trì luật nghi Cận sự gọi là bậc trung; 3. Có người cũng năng thọ trì luật nghi Bí-sô gọi là bậc thượng.

Lại ở nơi thọ trì luật nghi Bí-sô mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người chỉ năng thành tựu thọ chi cụ túc, không thọ các chi học xứ tùy pháp, cũng không thọ chi tùy hộ tâm người khác, cũng không thọ chi tùy hộ các học xứ đã thọ, gọi là bậc hạ; 2. Có người thành tựu ba chi trước, không thọ chi sau cùng, gọi là bậc trung; 3. Có người thành tựu đầy đủ bốn chi, gọi là bậc thượng.

Lại có 3 loại người: 1. Có người chỉ thành tựu Biệt giải thoát luật nghi gọi là bậc hạ; 2. Có người thành tựu tinh lự Biệt giải thoát luật nghi gọi là bậc trung; 3. Có người thành tựu ba chủng tinh lự vô lậu Biệt giải thoát luật nghi gọi là bậc thượng.

Lại có 3 loại người: 1. Có người ở nơi luật nghi cấm giới chỉ năng thâm nhiếp lãnh thọ chẳng phải luật nghi, chẳng phải bất luật nghi, gọi là bậc hạ; 2. Có người năng nhiếp thọ, thành tựu luật nghi cấm giới tương ưng Thanh văn... gọi là bậc trung; 3. Có người năng nhiếp thọ, thành tựu luật nghi cấm

giới tương ứng Bồ-đề-tát-đỏa, gọi là bậc thượng.

Lại nương tu tập phương tiện tư duy mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người do được sức khích lệ mà nhậm vận tư duy gọi là bậc hạ; 2. Có người nhậm vận có gián đoạn, giả sử có gián đoạn thì phải dụng công mới năng chuyển vận, gọi là bậc trung; 3. Có người đã thành tựu nhậm vận tư duy gọi là bậc thượng.

Lại nương tu tập “đắc” sai biệt mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người nội tâm định Xa-ma-tha, chưa đắc pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na, gọi là bậc hạ; 2. Có người đã đắc pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na, chưa đắc nội tâm định Xa-ma-tha, gọi là bậc trung; 3. Có người đều đắc cả hai chủng, gọi là bậc thượng.

Lại có 3 loại người: 1. Có người đã đắc Có tâm có tứ tam-ma-địa gọi là bậc hạ; 2. Có người đã đắc Không tâm chỉ có tứ tam-ma-địa gọi là bậc trung; 3. Có người đã đắc Không tâm không tứ tam-ma-địa gọi là bậc thượng.

Lại nương tu sai biệt trụ mà kiến lập 3 loại người: 1. Có người trụ tĩnh lực nhiễm ô gọi là bậc hạ; 2. Có người trụ tĩnh lực thanh tịnh thế gian gọi

là bậc trung; 3. Có người trụ tĩnh lự vô lậu gọi là bậc thượng.

Lại nữa, có 10 chủng chúng hữu tình ở nơi 10 chủng pháp mà ái lạc, hỷ duyệt. Những gì là 10 pháp? 1. Thọ; 2. Sắc; 3. Tài; 4. Bạn; 5. Giới; 6. Văn; 7. Phạm hạnh; 8. Tuệ; 9. Pháp; 10. Sanh thiên.

Những gì gọi là 10 chúng hữu tình? 1. Bàng sanh; 2. Thiếu nữ; 3. Người thọ dụng dục; 4. Người cầu việc làm; 5. Người xuất gia; 6. Người lấy đa văn làm mạng; 7. Người chứng nhập; 8. Người tâm tư; 9. Người cần khổ; 10. Người bỏ thân.

Lại nữa, người lắng nghe chánh pháp lược có 6 chủng lỗi lầm do phiền não: 1. Lỗi lầm do kiêu mạn; 2. Lỗi lầm do không vui muốn; 3. Lỗi lầm do bất tín; 4. Lỗi lầm do thân tâm tổn não; 5. Lỗi lầm do tán loạn; 6. Lỗi lầm do mê hoặc. Do hết thấy lỗi lầm đây nên không thể cung kính ân trọng nghe pháp, như kinh đã nói rộng. Lỗi lầm do phiền não tán loạn lại có 2 chủng: 1. Khi thuyết tán loạn; 2. Thuyết xong rồi mới tán loạn. Mê hoặc tức là điên đảo.

Lại nữa, có 3 chủng phát nghiệp phiền não: 1. Tương ưng phát; 2. Thân cận sanh phát; 3. Tăng

thượng phát, vì dẫn phiền não khác khiến phát khởi.

Lại nữa, lược có 6 chủng pháp phi ái: 1. Oán địch; 2. Bệnh tật; 3. Cảnh không khả ái; 4. Các khổ như sanh...; 5. Khổ cay đắng vất vả; 6. Không thường xuyên tu tập thiện. Ở nơi 4 chủng trước cần phải xa lìa, ở nơi 2 chủng sau cần phải tu tập.

Lại nữa, lược có 5 chủng thọ dụng các dục: 1. Lãnh nạp thọ dụng; 2. Nhiếp hỷ thọ dụng; 3. Tầm tư thọ dụng; 4. Tham thọ dụng kia; 5. Tự nhiếp thọ dụng.

Lại nữa, lược có 8 tướng lỗi lầm của dục: 1. Tướng ít mùi vị, nhiều khổ não, nhiều họa hoạn; 2. Tướng nhân duyên phát sanh khổ do bị người khác bức bách; 3. Tướng nhân duyên vượt trội khiến tập nhiễm thọ dụng; 4. Tướng nhân duyên phát sanh khổ do đọa các đường ác; 5. Tướng nhân duyên phát sanh khổ do tầm tư nhiều loạn; 6. Tướng nhân duyên phát sanh khổ do thọ dụng bị hoại diệt; 7. Tướng nhân duyên vượt trội khiến phát sanh khổ do thân tan hoại; 8. Tướng nhân duyên vượt trội năng chướng thiện pháp.

Lại nữa, nhân duyên của các dục lược có 6

chủng biến hoại: 1. Do người bức bách khiến biến hoại; 2. Do các giới chống trái nhau khiến biến hoại; 3. Do những điều hữu tình yêu thích biến hoại; 4. Do thân biến hoại; 5. Do tâm biến hoại; 6. Do vô thường biến hoại.

Lại nữa, các dục do 5 chủng pháp tương trợ nên được gọi là rừng rậm: 1. Do pháp tương trợ nhiều nhóm; 2. Do pháp tương trợ tạp uế; 3. Do pháp tương trợ nuôi dưỡng chúng sanh; 4. Do pháp tương trợ ẩn giấu; 5. Do pháp tương trợ hiểm nạn.

Ta đã lược thuyết quyết trạch Có tâm có tứ địa, Không tâm chỉ có tứ địa, Không tâm không tứ địa. Văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.





## Quyển 62

### Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

#### Phần 1

Như vậy, Ta đã thuyết quyết trạch Có tâm có tứ... ba địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Tam-ma-hí-da địa**. Đó là bổ-đặc-già-la nhiều tùy phiền não nhiễm ô tương tục, không thể chân chánh chứng tâm tánh nhất cảnh.

Sao gọi là nhiều tùy phiền não? Đó là có siểm, cống, kiêu, trá, không tàm, không quý, bất tín, giải đãi, vọng niệm, bất định, ác huệ, trì trệ, tạp loạn, hành thú hướng làm tiền dẫn, xả ách viễn ly, không kham cung kính điều đã học, không đoái nghĩ đến việc của Sa-môn, chỉ vì cầu kế sống, không vì cầu Niết-bàn mà xuất gia.

Siểm: tự mình phạm lỗi trái vượt mà không thể đối trước Đại sư, người trí đồng phạm hạnh như thật phát lồ.

Cống: không chân thật hiển bản chất mình,

kẻ kia thật không có đức mà muốn khiến người khác, người trí đồng phạm hạnh... biết mình có đức.

Kiểu: ở nơi tăng thượng giới, hủy phạm giới luật; hoặc ở nơi quỳ phạm, hủy phạm quỳ phạm. Do người thấy, nghe, nghi và cử tội, kia liền dùng sự việc khác, giả dối nương gá sự việc khác, hoặc dùng lời khác để dẫn dụ, như kinh đã rộng thuyết. Đây do lực siểm cống tăng thượng vậy.

Trá: vì sợ người, hoặc vì đối với người có sự mong cầu, tuy đã hủy phạm nặng mà không phát lồ, cũng không hiện hạnh phát lồ, ý vui không thật. Đối trá hiện hành hai nghiệp thân ngữ khéo diệu, nhu nhuyễn, cung kính, thân ái đối với người có trí đồng phạm hạnh.

Không tâm không quý: vì quán mình, hoặc quán người không biết hổ thẹn, nên suy nghĩ việc hủy phạm. Phạm rồi không thể như pháp ra khỏi xa lìa, ham thích vô số đấu tranh kiện tụng.

Bất tín: đối với Phật Pháp Tăng, tâm không thanh tịnh; đối với khổ tập diệt đạo, không sanh khởi thuận theo.

Giải đãi: chấp ngủ nghỉ, nằm yên làm vui, để

ngày đêm trôi qua uổng phí, xả bỏ các phẩm thiện.

Vọng niệm: ở nơi việc làm, lời nói đã lâu, không thể tùy nhớ nghĩ, không thể khiến nhớ lại, không giữ gìn căn môn, không an trụ chánh biết.

Bất định: đối với định của địa dưới, đến tác ý cũng chẳng thể đắc.

Ác huệ: trụ kiến thủ của mình, chấp bất bình đẳng, khó xả nói năng luận bàn.

Trì trệ: không miễn tiện thông lợi, cũng không sáng suốt, cũng chẳng tự chủ hành vi, chẳng thể đem thân để hầu cận các bậc có trí đồng phạm hạnh.

Tạp loạn: vui sống hỗn tạp cùng chúng tại gia và xuất gia, lại vui tâm tư các ác bất thiện, tâm tư các dục... cho đến nhiều tâm tư, nhiều tùy tâm tứ, tùy quán sát tương ưng với thế tục.

Hành thú hướng làm tiền dẫn: sở hữu lợi dưỡng như y phục... hoặc thọ của đại chúng Tăng, hoặc thọ riêng của người, hoặc thỉnh cầu Tăng và thọ nhận riêng của người đều gọi là thú hướng. Nếu các Bí-sô phát khởi hiện hành những việc như vậy trước tiên, gọi là hành thú hướng làm tiền dẫn.

Xả ách viên ly: không sanh vui muốn nơi hạnh

xa lìa giới hạn ngoại cụ, xa lìa chúng ác, xa lìa người chỉ sống tương tự nơi thất tịch tịnh, xa lìa xả bỏ.

Không kham cung kính các học xứ: khi gặp nguy nạn liền xả bỏ học xứ, chẳng bỏ thân mạng, chí cầu vui thân và thọ mạng, không thể tùy hộ sở hữu các học xứ.

Không đoái nghĩ đến việc của Sa-môn: vì thói chuyển nên xả bỏ các học xứ thiện, hoặc hủy phạm các giới luật, hoặc hành các pháp ác; bên trong thói rửa, cho đến thật chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh, hà hưởng mong cầu tám Thánh đạo chi, chứng quả Sa-môn.

Chỉ vì kế sống, không vì cầu Niết-bàn mà xuất gia: hoặc bị vua bức bách, hoặc bị giặc cướp bức bách, hoặc bị người có sức mạnh hơn bức bách, hoặc bị khủng bố bức bách, hoặc vì thiếu thốn tiền của, e ngại sinh nhai khó mà cầu xuất gia; không vì tự điều phục, tự tĩnh lặng, tự Bát-niết-bàn mà cầu xuất gia.

Nên biết trong đây nương đồng phạm hạnh cùng sống chung mà có trái phạm, thì phát khởi bốn tùy phiền não đầu tiên. Nương tăng thượng giới mà có trái phạm, thì phát khởi không tám

không quý. Nương tăng thượng tâm và tăng thượng tuệ mà có trái phạm, thì phát khởi các tùy phiền não từ bất tín cho đến ác huệ. Trong đây bất tín, giải đãi nương phạm đủ cả ba tăng thượng mà khởi. Vọng niệm, tán loạn nương phạm tăng thượng tâm mà khởi. Ác huệ nương phạm tăng thượng tuệ mà khởi. Lực bất tín và giải đãi tăng thượng thì phát khởi trì trệ, tạp loạn, hành thú hướng làm tiền dẫn và xả ách viễn ly. Lực thất niệm, loạn tâm và ác huệ tăng thượng, thì phát khởi không kham cung kính các học xứ, không đoái nghĩ đến việc của Sa-môn, chỉ mong cầu kế sống, không vì Niết-bàn mà xuất gia.

Lại nữa, có 3 chủng bổ-đặc-già-la nương ba điều khiến dẫn phát các tùy phiền não.

Sao gọi là ba chủng bổ-đặc-già-la? 1. Kẻ nương chánh pháp mà xuất gia; 2. Kẻ tại gia thọ dụng dục; 3. Kẻ ngoài chánh pháp mà xuất gia.

Sao gọi là ba điều khiến dẫn phát tùy phiền não? 1. Bổ-đặc-già-la thứ nhất nương phóng dật khiến dẫn phát tùy phiền não. Đây lại có 2 chủng: hoặc vì nương y phục, lợi dưỡng, cung kính... mà bên trong hư vọng hiển mình có đức, tự nói đức

mình vượt hơn pháp người; hoặc lại nương người, bậc có trí đồng phạm hạnh... dùng thân ngữ ý bức bách gia hại, tổn não hủy nhục; 2. Bồ-đặc-già-la thứ hai nương đấm trước dục khiến dẫn phát tùy phiền não. Kẻ kia do nhân duyên thọ dụng các dục, đấm trước các dục, nương thân ngữ ý hành ba ác hạnh; 3. Bồ-đặc-già-la thứ ba nương tà hạnh khiến dẫn phát tùy phiền não, đây lược có 3 chủng: a. Đuối theo xa lìa; b. Đuối theo ồn náo; c. Đuối theo học xứ mà phát khởi tùy phiền não.

Đuối theo xa lìa mà phát khởi tùy phiền não: các ngoại đạo vì sở hữu vật chất mà đuối theo xa lìa, bị năm cái che đậy nơi tâm; hoặc vì trụ nơi khổ, thân tâm lãnh thọ các khổ não; hoặc vì xa lìa đối trị phiền não, do lìa năm căn là tín, tấn, niệm, định, tuệ. Do kẻ kia trụ nhiễm ô như vậy, trụ khổ não như vậy, không đối trị năng trừ nhiễm ô như vậy, gọi là đuối theo các tùy phiền não xa lìa.

Đuối theo ồn náo mà phát khởi tùy phiền não: mỗi mỗi tự kế chấp dị kiến dị dục, nói bàn chống đối lẫn nhau, kiến lập phẩm mình phẩm người sai khác, rộng khởi phần hận cho đến siểm cống. Đây gọi là đuối theo các tùy phiền não ồn náo.

Đuổi theo học xứ mà phát khởi tùy phiền não: quán mình, người hiện hành các tội mà không biết hổ thẹn, hủy phạm giới luật, trái vượt giới luật; đây gọi là đuổi theo các tùy phiền não tăng thượng giới học. Nếu nương theo đẳng chí thế gian, ở nơi thấp kém mà kế chấp cho mình là hơn, hoặc ngang bằng mà kế chấp cho mình là hơn, nên tâm sanh cao ngạo; đây gọi là đuổi theo các tùy phiền não tăng thượng tâm học. Nếu ít lắng nghe, không thể quán sát sở hữu thiện pháp, đây gọi là đuổi theo các tùy phiền não tăng thượng tuệ học. Tất cả như vậy gọi chung là hành phi pháp, hành không bình đẳng. Do nghĩa chẳng thiện gọi là hành phi pháp, nghĩa quả chẳng đáng yêu thích gọi là hành không bình đẳng.

Lại nữa, người quán hành tu tập mười biến xứ năng làm năm việc. Những gì là năm? 1. Do tu tập địa biến xứ cho đến bạch biến xứ, năng dẫn phát sự hóa hiện, sự biến hiện của các thánh thần thông; 2. Do tu tập Không vô biên xứ nhất thiết xứ, năng dẫn phát đến di vô ngại của các thánh thần thông; 3. Do tu tập Thức vô biên xứ nhất thiết xứ, năng dẫn phát các công đức thù thắng vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải...; 4. Do Thức vô biên xứ biến xứ

thành tựu viên mãn, năng thành tựu trọn vẹn Vô sở hữu xứ giải thoát và Phi tướng Phi phi tướng xứ giải thoát; 5. Do nhân thành tựu viên mãn đây, năng chứng nhập Tướng thọ diệt giải thoát, nhiếp thuộc trụ thù thắng hơn cả.

Lại do Thức vô biên xứ vô biên vô lượng hành chuyển biến hiện hoàn mãn, cho nên quá đây không lập biến xứ, thắng xứ biến xứ là các giải thoát năng thanh tịnh đạo. Lại các giải thoát là do chỗ hiển sở tri chướng giải thoát, do đây Thanh văn và Độc giác... ở nơi sở tri chướng, tâm được giải thoát.

Lại nữa, người tu đẳng chí có 3 tướng ái vị đẳng chí: 1. Hoặc đã chứng đắc đẳng chí, từ định xuất rồi kế chấp cho là đã thanh tịnh, nên khả hân khả lạc khả ái khả ý, tùy niệm ái vị; 2. Hoặc chưa chứng đắc, hoặc đã chứng đắc, vì vị lai lực ái vị tăng thượng, nên sanh khởi ái vị truy cầu hân lạc; 3. Hoặc đã chứng đắc mà kế chấp cho là thanh tịnh, nên khả hân khả lạc, nói rộng cho đến hiện hành ái vị. Hoặc từ định xuất năng sanh ái vị, hoặc đang tại định không có ái vị. Nói ái vị, tức ở trong đây sanh tham trước đây khắp.

Lại nữa, các pháp địa dưới nếu sanh địa cao



hơn thì không được hiện tiền. Nếu người ly dục sanh ở địa dưới, thì các pháp địa trên vẫn hiện tiền. Nếu người tâm bất định chưa ly dục sanh địa dưới mà khởi ái vị đối với địa trên, thì nói ái đây hệ buộc Dục giới. Nên biết ái đây hoặc là nhiễm ô, hoặc là không nhiễm ô.

Sao gọi là nhiễm ô? Hoặc sanh tâm: “Ta nay làm sao sẽ chứng đẳng chí hỷ lạc rộng lớn như thế, nếu chứng đắc rồi, ta sẽ ái vị như thế như thế...”. Hoặc: “Ta làm sao sẽ được sanh địa trên thường hằng bất biến?”. Nên biết đây là ái nhiễm ô.

Sao gọi là không nhiễm ô? Nếu có người khởi tâm chuyên cầu ly dục và vui thích tịch tĩnh chứng nhập địa trên, nên biết ái đây là không nhiễm ô.

Lại có ba chủng đoạn diệt các pháp: 1. Đoạn diệt đối trị; 2. Đoạn diệt hiện hành; 3. Đoạn diệt xả bỏ. Chỗ hiển hiện của các sự phiền não là đoạn diệt thứ nhất. Chỗ hiển hiện của các hành sanh diệt là đoạn diệt thứ hai. Hoặc sanh ở địa trên, hoặc nhập Vô dư y Niết-bàn giới, chỗ hiển xả bỏ các hành địa dưới và tất cả hành là đoạn diệt thứ ba.

Lại thoái có 3 chủng: 1. Chưa đắc pháp thoái; 2. Đã đắc pháp thoái; 3. Đang tập hành pháp thoái.

Lại nương các phần cận định thế gian, nếu là đạo phương tiện, nếu là đạo không gián đoạn, nếu là đạo giải thoát, hoặc vì đoạn diệt, hoặc vì chúng đắc mà tu tập, kia ở nơi sở duyên hoặc quán quá thất, hoặc quán tịch tĩnh, tức là quán quá thất của địa dưới, quán tịch tĩnh của địa trên. Nếu là đạo thẳng tiến, nên biết kia ở nơi sở duyên biến mãn, hoặc kia là duyên vô lậu.

Lại nữa, các phần cận nhiếp 6 chủng tác ý là tác ý liễu tướng cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh. Trong đây, tác ý thẳng giải và tác ý liễu tướng nhiếp thuộc đạo phương tiện; tác ý xa lìa và tác ý gia hạnh cứu cánh nhiếp thuộc đạo không gián đoạn; tác ý nhiếp lạc nhiếp thuộc bốn chủng đạo; tác ý quán sát nhiếp thuộc đạo thẳng tiến.

**Hỏi:** Duyên cơ nào thuyết: “Người tu tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự không thể nghĩ bàn?”.

**Đáp:** Người tu tĩnh lự đã khéo tu tập sửa trị gọt giũa tâm nên thành tựu tướng như vậy. Uy đức thế lực tùy chỗ muốn đều năng thành tựu trọn vẹn, không phải không như ý, vì pháp tánh lẽ vậy. Cho nên nói: “Đạo tâm tư của vị kia không thể nghĩ bàn”.

Lại có hai dạng người tu tĩnh lực, ở nơi một việc cùng hiển phát biến hiện thắng giải thần thông đều được tự tại. Nhưng hai thần thông đây bị chướng ngại lẫn nhau. Hai thần thông đây không sai lệch nhiều, không che khuất nhau. Một người ở nơi việc đây thần thông được vô ngại, như ý muốn đều năng biến chuyển, hiển phát thần thông về sau không bị gián đoạn. Thần thông của người còn lại bị chướng ngại. Trong đây nên biết nhân duyên thế nào? Do uy đức thế lực của hai người kia thấy đều như nhau, đồng thời phát khởi biến hiện thần thông, nhưng sở tác không giống nhau, tức là sở dụng tạo tác thần thông làm nên sự việc của họ không giống nhau nên có sự sai khác. Lúc hai thần thông đây cùng bị chướng ngại, bấy giờ một người tác ý tư duy: “Nhân duyên nào thần thông đây hiện đang bị chướng ngại, ta sắp thôi thất định vô ngã ư?”. Một trong hai người đang định ở nơi sự việc đây chuyển khởi tâm khác. Người đang định còn lại ở nơi sự việc đây khởi tâm lớp lớp chuyên chú không tán loạn, nên sở phát thần thông không bị chướng ngại, tùy lực thần thông chuyển biến như ý. Nếu hai thần thông uy đức không như nhau, tùy theo người có uy đức vượt

hơn sẽ thành tựu. Nếu hai thần thông uy đức như nhau, thì người giữ vững tác ý ban đầu thành tựu, chẳng phải người còn lại.

Lại người tu tĩnh lực có 4 chủng: 1. Người nương phần cận định mà tu tĩnh lực; 2. Người nương định nhiệm ô mà tu tĩnh lực; 3. Người nương định thế gian mà tu tĩnh lực; 4. Người nương định xuất thế gian mà tu tĩnh lực.

Lúc vận chuyển tu định, ở nơi sáu tác ý (từ tác ý liễu tướng cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh) nên biết người tu tĩnh lực thứ nhất có ái thượng tĩnh lực, nói rộng cho đến người tu tĩnh lực thứ hai có nghi thượng tĩnh lực. Nếu người tu tĩnh lực thứ ba trụ thiện tĩnh lực thế gian khác, đó là năng dẫn phát hiện pháp lạc trú, tác ý vô lượng công đức thế gian, lại năng dẫn phát du hý thần thông. Nếu người tu tĩnh lực thứ tư, chỗ hiển phát tĩnh lực thuận phần quyết trạch nhiếp thọ Không, Vô tướng, Vô nguyện giải thoát môn.

Lại nữa, Vô tướng đẳng chí phải nói chỉ là hữu lậu. Diệt tận đẳng chí phải nói là vô lậu, vì không tương ưng cùng phiền não, vì chẳng phải tương ưng với phiền não, vì không sở duyên cùng

phiền não, vì chẳng phải chỗ sanh khởi của các phiền não; là xuất thế gian, vì chẳng phải sở hành của tất cả dị sanh, chỉ trừ Bồ-tát đã nhập Viên ly địa. Bồ-tát tuy năng phát khởi pháp xuất thế khiến hiện tại tiền, nhưng do lực phương tiện thiện xảo nên không xả phiền não. Lại đấng chí đây phải nói nhiếp thuộc phi học phi vô học, vì chẳng phải chỗ hành, vì tợ như Niết-bàn.

Lại nữa, nay giải thích *Kinh Tỳ Thân Niệm*. Đó là Bí-sô hành tâm thanh tịnh có 4 chủng tùy phiền não: 1. Hủy phạm giới cấm; 2. Tán loạn tâm tư; 3. Giữ gìn dãm trước nội thân; 4. Giữ gìn dãm trước ngoại cảnh.

Hủy phạm giới cấm do môn ưu sầu hối hận năng chướng ngại đối với tam-ma-địa.

Tán loạn tâm tư do ba chủng môn: 1. Do môn tùy nhớ nghĩ cảnh quá khứ khiến tán loạn; 2. Do môn nương trọ cử lưu tán, thấy ác, nghe ác, nói ác, hành ác, chỉ thích nghe nghĩ khiến tán loạn; 3. Do môn thường xuyên tập, giữ gìn thế lực đây khiến tán loạn.

Giữ gìn dãm trước nội thân do môn ở nơi sanh

tử không thấy nhàm chán họa hoạn.

Giữ gìn đấm trước ngoại cảnh do môn ở nơi cảnh vị lai thấy hân lạc.

Trong đây vì muốn đối trị tùy phiền não đầu tiên, phải tu một tác ý là tác ý chánh biết. Vì muốn đối trị tùy phiền não thứ hai, phải tu ba tác ý: 1. Tác ý sở duyên tương ưng kia; 2. Tác ý phân biệt rõ ràng tương kia năng đối trị tâm tư kia; 3. Tác ý điều luyện tâm nương gá kia. Vì muốn đối trị tùy phiền não thứ ba, phải tác ý tu tập gom nhóm tụ rành mạch. Vì muốn đối trị tùy phiền não thứ tư, phải tác ý tu tập bất tịnh.

Lại vì tu tập, nhiều tu tập tác ý đầu tiên, năng đoạn trừ vọng niệm. Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ hai, năng đoạn trừ hai chủng tham dục là giữ gìn đấm trước nội thân và giữ gìn đấm trước ngoại cảnh. Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ ba, năng đoạn trừ sở hữu tán loạn do ác kiến... Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ tư, năng đoạn sở hữu tán loạn do thế lực thường xuyên giữ gìn các việc trước kia. Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ năm, năng đoạn tướng hữu tình thân tịnh. Vì tu tập, nhiều tu tập tác ý thứ sáu, năng đoạn bốn tham là tham

sắc, tham xúc, tham hình dáng và tham hầu hạ. Như vậy lấy tu tập tác ý làm chỗ nương sẽ đoạn trừ tùy phiền não, tâm đạt đến chánh định, chúng đắc phần cận sát căn bản định thù thắng. Lại năng chúng đắc có hỷ, ly hỷ, an lạc thanh tịnh.

Lại tâm nương chánh định như vậy, nên như thật rõ biết hữu tình địa trên tánh vô thường và các hành tánh vô thường.

Sao gọi là rõ biết hữu tình tánh vô thường? Vì đắc thiên nhãn thanh tịnh vượt hơn người nên thấy các hữu tình, cho đến nói rộng.

Sao gọi là rõ biết các hành tánh vô thường? Vì năng tác ý tùy nhập quá khứ, vị lai, hiện tại duyên sanh trí.

Lại tùy thân niệm đây nương ba xứ: 1. Nương tăng thượng tâm học, tăng thượng tuệ học mà tu tập sửa trị nghiệp địa; 2. Nương tăng thượng tâm học và nương tăng thượng tuệ học, vì muốn đoạn trừ dư tàn của các kiết; 3. Ý chỉ tu tập sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phần, đó là bốn niệm trụ..

Lại do ba nhân duyên nên không cùng chung với tất cả ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn: 1. Vì ở nơi tu trị nghiệp địa, tư lương viên mãn; 2. Vì ở tụ

Xa-ma-tha không có ái vị; 3. Vì đối với Bát-niết-bàn, là chỗ mà lửa phiền não không thể sanh khởi được, tâm theo đuổi vui thích.

Vì nhân duyên thứ nhất làm chỗ nương, nên cảm 4 quả thanh tịnh: 1. Ở nơi thôn xóm thế tục là chỗ phiền não phát sanh mà không nhiễm; 2. Ở nơi a-lan-nhã, chốn không nhà, chỗ phát sanh phiền não mà không nhiễm; 3. Ở nơi a-lan-nhã, thôn xóm, chỗ phát sanh phiền não mà không nhiễm; 4. Ở hai nơi ấy là nơi không thể kham nhẫn, khổ phiền não rỉ chảy... mà không nhiễm.

Vì nhân duyên thứ hai làm chỗ nương, nên cảm 5 quả thanh tịnh, đó là bốn chủng tĩnh lự thanh tịnh và tịch tĩnh giải thoát.

Vì nhân duyên thứ ba làm chỗ nương, nên cảm 9 quả thanh tịnh, đó là: ba quả ban đầu và sáu thần thông.

Lại tùy thân niệm đây nhiếp thuộc năm chủng thanh tịnh: 1. Vì bất định địa thanh tịnh; 2. Vì định địa thanh tịnh; 3. Vì nhiếp thanh tịnh; 4. Vì bất cộng thanh tịnh; 5. Vì quả bất cộng thanh tịnh. Lại vì đuổi theo thân chuyển, vì kia nhiếp thọ, nên gọi là tùy thân niệm.



Lại nữa, nay sẽ giải thích *Kinh Ma-ha Câu-sất-chỉ-la*: “Giải thoát có hai: một là tuệ giải thoát, hai là tâm giải thoát”.

Trong đây nương tuệ giải thoát đó là sở hành của tuệ thế gian, nên biết tức là kiến lập ác hạnh, thiện hạnh, kể cả nhân duyên của kia. Thể tánh của kia nên biết tức là chánh trí như thật về thể tánh thiện, bất thiện... sai khác của ác hạnh, thiện hạnh, kể cả nhân duyên của kia. Lại nương tâm giải thoát đó là chỗ nương của tâm nhiễm tịnh, nên biết tức là năng nắm giữ, liễu biệt cảnh giới sắc... Lại quả của tuệ giải thoát thế gian, tâm giải thoát nên biết tức vì ở nơi tương ứng xen lẫn nhau của kia, ra khỏi tạp nhiễm loại hạ, vì lực tuệ giải thoát tăng thượng.

Sở hành của tuệ xuất thế gian nên biết tức là do tuệ thế gian và do lực tâm giải thoát tăng thượng. Như thật rõ biết tất cả cảnh giới tức là quả của tuệ giải thoát xuất thế gian, tâm giải thoát nên biết tức vì vượt khỏi tất cả chủng loại tạp nhiễm. Trong đây, hoặc tuệ thế gian, hoặc tuệ xuất thế gian lược chung làm một gọi là chánh kiến. Nhân duyên có chánh kiến nên biết tức là có Phật ra đời, được

lắng nghe chánh pháp, tư duy không điên đảo.

Lại tướng quả chánh kiến xuất thế gian nên biết tức vì trước sau thường vậy, vì không chỗ đối ngại vậy. Hoặc pháp sở trị có sanh rồi không diệt, hoặc pháp sở trị không diệt rồi có sanh, pháp kia gọi là có chỗ đối ngại. Hoặc pháp sở trị hoặc có hoặc không, hoặc sanh, chẳng sanh, thường thời là có, pháp kia gọi là không chỗ đối ngại.

Lại tức quả đây do lực tâm giải thoát tăng thượng, cho nên ở nơi tự sở hành và sở y kia được thanh tịnh, nên biết tức là vì lực tâm thanh tịnh tăng thượng, vì đối với cảnh giới sở hành của các sắc căn không sanh tạp nhiễm và khiến các căn thuận thanh tịnh.

Lại trụ tâm giải thoát nên biết tức là thọ cùng với noãn triển chuyển nương nhau phụ thuộc nhau mà trụ.

Lại thế gian và xuất thế gian đây, hai chủng quả giải thoát sai biệt nên biết tức là trong các thọ và trong nhân duyên, kẻ có si ái về sau hậu hữu sẽ sanh, kẻ không si ái về sau hậu hữu không sanh.

Lại vì kia xen lẫn nhau mà cùng tương ưng, nên kia năng nương tựa tâm pháp thanh tịnh, nên

biết tức là vì chẳng phải kia lãnh thọ sự nhiễm ô của duyên hiện tại. Tức trụ hai giải thoát sai biệt nên biết tức là vì sáu sự tịch tĩnh. Đây do thức tịch tĩnh lặng yên bình đẳng, chẳng phải do sở y của kia bình đẳng. Vào lúc nhập định, không do gia hạnh khiến nhập tịch tĩnh. Lúc xuất định, không do gia hạnh khiến xuất tịch tĩnh, chỉ do thứ tự mà xuất. Lúc tại định thì do ba hành, không hành được tịch tĩnh.

Lại có ba thời xuất tâm tịch tĩnh được gọi là xa: 1. Ở chốn a-lan-nhã cùng đồng phạm hạnh cộng tướng tạp trụ; 2. Ở nơi thôn xóm cùng những người tại gia cộng tướng tạp trụ; 3. Ở nơi hai xứ kia hành tướng hiện hành.

Lại có ba thời xuất tâm tịch tĩnh được gọi là gần: 1. Vì ở thắng định Hữu sắc thế gian mà xuất; 2. Vì ở thắng định Vô sắc thế gian mà xuất; 3. Vì ở Hữu tâm định xuất thế gian mà xuất. Lại các định đây chẳng phải duy chỉ diệt định, xuất rồi mới đắc, trước cũng đã đắc, nay hiện tiền khởi.

Trong đây, hai xuất thắng định đầu do thứ lớp định nên triển chuyển thành tự thanh tịnh thắng định. Một xuất thắng định sau cùng không do thứ

lớp định, nhưng do thông đạt vô tướng giới nên triển chuyển thành tự thắng định thanh tịnh.

Lại hữu tướng định là do tác ý hữu tướng nhập, trụ, xuất định. Nếu vô tướng định là do tác ý vô tướng nhập định, trụ định và do tác ý hữu tướng nên biết xuất định.

Lại nữa, nay sẽ giải thích *Kinh Pháp Nhân Duyên*. Đó là ở trong A-tỳ-đạt-ma và A-tỳ Tỳ-nại-da, Bí-sô hoặc Cận sự nam thiện xảo muốn nương thông rõ mà thỉnh hỏi, phải nương tám tướng mà phát khởi sự thỉnh hỏi. Những gì là tám tướng? 1. Thông rõ sự; 2. Thông rõ sở trị; 3. Thông rõ quả; 4. Thông rõ tự tánh; 5. Thông rõ quả sai biệt; 6. Thông rõ sở y; 7. Thông rõ công đức; 8. Thông rõ chứng đắc.

Thông rõ sự: vì khéo hiểu rõ năm thủ uẩn.

Thông rõ sở trị: hiểu rõ ái tạp nhiễm và kiến tạp nhiễm. Do ái tạp nhiễm nên không sanh hân lạc đối với hậu hữu diệt. Do kiến tạp nhiễm nên tuy sanh hân lạc mà chẳng thể chứng đắc.

Thông rõ quả: hiểu rõ hai chủng tạp nhiễm trên vĩnh viễn đoạn.

Thông rõ tự tánh: hiểu rõ tám Thánh đạo chi, đây lại tuyên thuyết chủng chủng sai biệt. Vì đối trị các tà đạo của ngoại đạo, nên được gọi là tám Thánh đạo chi. Vì đối trị ba chủng tạp nhiễm, nên kiến lập ba uẩn, đó là: đối trị ác hành tạp nhiễm, đối trị các dục tạp nhiễm và đối trị các kiến tạp nhiễm. Đây là xuất thế gian nhiếp lấy hữu vi.

Thông rõ quả sai biệt: hiểu rõ các đoạn diệt là xuất thế gian nhiếp thuộc vô vi.

Thông rõ sở y: hiểu rõ tam-ma-địa, nên biết đây lại có 4 chủng: 1. Do chủng tánh, đó là sở hữu định tất cả đều do chủng tánh tinh lự, tùy chỗ tuyên thuyết các chi tinh lự đều năng hiểu rõ; 2. Do tướng; 3. Do tướng sở duyên sanh; 4. Do tướng nhân duyên thành tựu.

Thông rõ công đức: an trụ Diệt tận định bậc nhất gọi là hiểu rõ công đức. Nên biết tướng đây lại có 5 chủng: 1. Vì sự diệt; 2. Vì ảnh tượng tương tự tịch tĩnh; 3. Vì nhân duyên nhập định; 4. Vì nhân duyên xuất định; 5. Vì công đức xuất định.

Thông rõ chứng đắc: hiểu rõ ở nơi năm thủ uẩn, dùng 8 chủng tướng quán sát các thọ: 1. Quán sát tự tánh; 2. Quán sát nhân duyên hiện pháp

chuyển; 3. Quán sát nhân duyên hiện pháp chuyển diệt; 4. Quán sát nhân duyên đương lai chuyển; 5. Quán sát nhân duyên hai kia chuyển diệt; 6. Quán sát nhân duyên chuyển nhân duyên; 7. Quán sát nhân duyên hoàn lại nhân duyên; 8. Quán sát trở lại.

Trong đây đối trị đồng hành lạc, đó là ở tinh lự căn bản tối thắng. Đối trị đồng hành khổ, đó là đặc phần cận đồng hành xuất ly dục. Đối trị đồng hành không khổ không lạc, đó là ở tinh lự căn bản. Vì muốn hiển thị nhân duyên chuyển diệt, tức là nương các thọ để thuyết sở hữu thọ thấy đều là khổ. Vì ba thọ kia trong phạm vi đệ nhất nghĩa đều là khổ. Nói đối lẫn nhau, tức là do có đây nên thi thiết đối với kia, đây gọi là đối lẫn nhau. Trong đây, các thọ triển chuyển đối lẫn nhau vì tất cả kia nhiếp thuộc khổ. Lại do có đệ nhất nghĩa khổ đây mà thi thiết có vô trí. Do có đây nên thi thiết có tuệ xuất thế để đối trị kia. Do có đây nên thi thiết quả Niết-bàn tịch diệt kia. Cho nên các pháp kia kia, nói cùng các pháp kia đối lẫn nhau.

Lại nữa, nay sẽ giải thích *Kinh Thùỳ Miên*.

Đó là các Bí-sô vì muốn đoạn trừ các tùy phiền não nên siêng tu tập nội tâm hành Xa-ma-tha tịch tĩnh có 5 chủng tướng đối trị: 1. Xa lìa tướng ám; 2. Ở nơi nãng thuận theo pháp cử khiến hoan hỷ, phát khởi gia hạnh đạo lý cử chân chánh; 3. Tồn hại các kiến; 4. Dụng công các kiến; 5. Nương tựa công dụng của các kiến. Do đây tùy phiền não kia mới được đoạn diệt. Tùy phiền não đã đoạn diệt rồi, lại có 5 chủng nhậm trì pháp định. Những gì là năm? 1. Ở nơi các sự viễn ly, nơi chốn viễn ly, thuận theo ngôn thuyết định; 2. Đối với các vật nuôi thân, tâm thuận theo không nhiễm ô; 3. Thành tựu việc thuận theo ngôn thuyết mỹ diệu dạy trao dạy răn từ chỗ bậc có trí đồng phạm hạnh; 4. Ở nơi các đẳng trì đẳng chí thế gian, xa lìa ái vị; 5. Như lý tác ý hành vô lậu.

Lại nữa, các Bí-sô siêng tu tập tăng thượng tâm học, do 3 nhân duyên phải trừ khiến tâm tư nhiễm ô hiện hành: 1. Vì sở duyên xa lìa; 2. Vì tự tánh yếm hoạn; 3. Vì tự tánh xa lìa. Do ba nhân duyên tự tánh xa lìa: 1. Người có lực căn đối trị mãnh lợi nãng xa lìa ngay; 2. Người không có lực căn đối trị bậc trung nãng dần dần xa lìa tướng

thô; 3. Người không có lực căn đối trị bậc hạ liệt, thấy sâu quá hoạn đối với các nhân duyên tâm tư tiền của, vật thực.

Lại nữa, các Bí-sô có 6 điều thuận với xuất ly giới, tu tập chi tam-ma-địa, đó là các Bí-sô ở tịnh thất không nhàn siêng tu quán hành.

Nên biết có 3 chủng bồ-đặc-già-la thì có 3 tam-ma-địa: 1. Người siêng tu tập tăng thượng tâm, đối với bốn hữu tình là oán hạnh, ác hạnh, tịnh hạnh và ân hạnh, có định duyên chúng sanh; 2. Người siêng tu tập hướng đến cứu cánh, có định duyên pháp; 3. Người siêng tu tập hiện quán đế, có định duyên pháp.

Lại nữa, do 3 chủng tánh rộng lớn Đại tam-ma-địa năng khiến nhanh chóng thông đạt chân như, đã thông đạt rồi năng tận các lậu: 1. Do tánh sở duyên rộng lớn; 2. Do tánh tinh cần rộng lớn; 3. Do tánh phương tiện nhiếp lấy tác ý rộng lớn.

Lại có 2 xa lìa năng khiến nhanh chóng thông đạt chân như: 1. Ở hành xứ xa lìa huyên não; 2. Ở trụ xứ xa lìa tâm tư ác.



## *Quyển 63*

### **Thứ 6. TAM MA HÍ ĐA ĐỊA**

#### **Phần 2**

Lại có 5 chủng pháp trái định: 1. Hủy phạm giới cấm; 2. Gia hạnh gián đoạn; 3. Gia hạnh không ân trọng; 4. Bị chìm đắm; 5. Bị người nhiều não.

Lại có 3 chủng xa lìa: 1. Xa lìa trụ xứ; 2. Xa lìa thấy; 3. Xa lìa nghe.

Lại nữa, Bí-sô hành tâm thanh tịnh lược có 5 chủng quá thất trái với trọng yếu đẳng trì, năng chướng ngại định: 1. Phẫn; 2. Mạn; 3. Dục tham; 4. Thân kiến; 5. Không thể kham nhẫn.

Có 5 tướng trọng yếu tam-ma-địa. Sao gọi là năm tướng? 1. Tùy nghi thu được vật dụng liền sanh vui đủ; 2. Vui thích cầu các thiện pháp; 3. Không lòng luyến tiếc thân mạng, tài bảo; 4. Đối với sanh tử thấy lỗi lầm lớn và đối với Niết-bàn thấy công đức tối thắng; 5. Đối với gia hạnh kham nhẫn cần khổ.

Như vậy, do 5 chủng chướng ngại định kia

năng làm chướng ngại năm tướng trọng yếu, nên gọi là quá thất của trọng yếu.

Trong đây, *phần* vì ôm lòng oán giận. Vì có sao? Kẻ kia đến nhà người hoặc không được lợi dưỡng, hoặc được mà ít, hoặc nhanh, hoặc chậm, hoặc không được cung kính, liền sanh nhăn nhó, giận dữ, không hài lòng. Từ nhân duyên đây phát tâm tư khuể và tâm tư hại, cho đến theo đuổi nhiều tâm tứ. Do nhân duyên đây, nên thắng tam-ma-địa trước chưa sanh thì không thể sanh, giả sử kia đã sanh liền trở lại thối thất.

*Mạn*: vì ôm lòng mạn, bị mạn chế phục, lấy mạn làm tánh. Đối với pháp không sanh cung kính; đối với các thầy quý phạm, những vị có phước điền đáng tôn trọng, không thể thời thời thân tâm cung kính thưa hỏi điều này sao gọi là thiện, điều kia sao gọi là bất thiện; cũng không nỗ lực cần cầu sở hữu thiện pháp, do đây chẳng thể hiểu rõ nghĩa dẫn phát tam-ma-địa. Từ nhân duyên đây phát khởi tâm tư tương ưng khinh mạn, cho đến theo đuổi nhiều tâm tứ, cho nên thắng tam-ma-địa trước chưa sanh thì không thể sanh, giả sử đã sanh liền trở lại thối thất.

*Tham dục*: vì ôm lòng tham lam, nhiều các sự ái nhiễm, sanh sâu đắm luyến đối với thân mạng, tiền của, do đây nên ở nơi năm diệu dục bên ngoài sanh nhiều tán loạn. Lại phát sanh tâm tư dục, tâm tư quyến thuộc, tâm tư dất nước, tâm tư dòng họ tương ưng nhà thế tục, cho đến theo đuổi nhiều tâm tứ. Cho nên thắng tam-ma-địa trước chưa sanh thì không thể sanh, giả sử đã sanh liền trở lại thối thất. Lại bất tịnh năng là đối trị của kia, nên biết bất tịnh lược có ba tướng là: tướng phần uế, tướng đẳng lưu của kia và tướng năng y, sở y sai khác.

*Thân kiến*: do nhân duyên bị thân kiến chế phục nên lúc tiếp xúc các tướng pháp thế gian bị sự nhuốm bẩn của vui mừng và buồn bã... giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc ở nơi các tướng pháp thế gian bị sự chìm nổi của dòng chảy yêu thích, giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc ở nơi các tướng pháp thế gian bị sự nhiễu não của tâm tư bất chánh... giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc ở nơi các tướng pháp thế gian, trong lúc truy cầu bị chủng chủng nhiễu loạn của tán động

bức bách, giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc do nhân duyên thân kiến kia hằng thường chấp trước pháp thế gian, nương tựa các thủ vô thường, do đây nên bị sự bức nã của ưu bi, giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Hoặc lúc vì muốn khiến trừ cấu uế của địa dưới nên khéo siêng tu thiện, nhưng ở nơi gia hạnh kia không sanh vui thích đối trị, giả sử muốn xả bỏ liền bị thân kiến chống trái.

Như muốn khiến trừ cấu uế của địa dưới, thì muốn khiến trừ cấu uế của địa trên nên biết cũng vậy. Do nhân đây tuy khởi tâm “ta phải quán sanh tử có lỗi lầm lớn, quán Niết-bàn có công đức thù thắng”, mà cũng trở lại điên đảo. Do nhân duyên đây, tuy trước đã chứng đắc các tam-ma-địa, nhưng ở nơi hiện quán thánh đế, thắng tam-ma-địa chưa sanh không thể được sanh, giả sử kia đã sanh liền trở lại thối thất.

*Không kham nhẫn*: vì ôm lòng không nhẫn chịu, tuy đã chứng đắc hiện quán thánh đế thắng tam-ma-địa mà không thể kham nhẫn khổ nạn của ruồi, muỗi... nên xả bỏ xa lìa gia hạnh, sanh nhiều

giải đãi. Do nhân duyên đây đối với căn bản định chưa sanh khởi nhập vào thì không thể sanh khởi, giả sử đã sanh liền nhanh chóng thối thất.

Ba quá thất trước năng chướng ngại tam-ma-địa đầu tiên, một quá thất kế năng chướng hiện quán đế tam-ma-địa, một quá thất sau cùng năng chướng nhập căn bản tam-ma-địa.

Lại nữa, có 8 chủng nhân duyên xả bỏ đệ tử Cận trụ vì đệ tử kia có sự nhiễm ô tạp nhiễm. Do nhiễm ô nên kia xả bỏ đệ tử Cận trụ. Các bậc A-la-hán thường khéo trụ niệm, không còn phiền não, ắt không có việc như vậy. Sao gọi là tám? 1. Tánh của đệ tử Cận trụ kia có tâm ganh ghét, chỉ muốn riêng thân mình thọ sự cung kính; 2. Tánh của đệ tử Cận trụ kia có tâm ganh ghét, chỉ muốn riêng thân mình thọ lợi dưỡng; 3. Có nhiều sự hủy phạm, hành hạnh bất chánh; 4. Đối với sự nhiều ích và tổn giảm của các đệ tử Cận trụ khác, liền thấy điều đúng và điều không đúng; 5. Chẳng thể kham nhẫn đối với sự dạy trao chiết phục tăng thượng giới; 6. Chẳng thể kham nhẫn đối với sự dạy trao chiết phục tăng thượng tâm; 7. Chẳng thể kham nhẫn đối với sự dạy trao chiết phục tăng thượng

tuệ; 8. Chẳng thể kham nhẫn đối với các công việc trong chúng có nhiều nhiều nã.

Lại nữa, Ớt-Đà-Nam nói:

*Số cùng sở đối trị  
Rộng kiến lập chi phân  
Xa lìa khổ tán động  
Phân chi trên sai khác.*

**Hỏi:** Như trước đã thuyết về bốn chủng tính lự, nhân duyên gì chỉ thuyết bốn tính lự không thêm không bớt?

**Đáp:** Do năng rất ráo vượt thoát khổ lạc vậy. Vì cố sao? Bởi lẽ từ Sơ tính lự cho đến đệ tứ tính lự, phải thứ lớp vượt qua khổ lạc mới đến rất ráo vậy.

Sở trị của Sơ tính lự là gì? Có năm chủng: 1. Tham dục; 2. Ba chủng tâm tư dục, khuể, hại; 3. Ưu khổ; 4. Phạm giới; 5. Tán loạn.

Sở trị của Đệ nhị tính lự là gì? Cũng có năm chủng: 1. Tham Sơ tính lự; 2. Tâm tứ; 3. Khổ; 4. Trạo; 5. Tánh định hạ liệt.

Sở trị của Đệ tam tính lự là gì? Có bốn chủng: 1. Tham Đệ nhị tính lự; 2. Hỷ; 3. Xao động; 4. Tánh định hạ liệt.

Sở trị của Đệ tứ tinh lự là gì? Có năm chủng:

1. Hơi thở vào, hơi thở ra; 2. Tham Đệ tam tinh lự;
3. Lạc; 4. Ở nơi lạc phát ngộ; 5. Tánh định hạ liệt.

**Hỏi:** Sơ tinh lự có bao nhiêu chi ?

Đáp: Có năm chi. Những gì là năm? 1. Tâm; 2. Tứ; 3. Hỷ; 4. Lạc; 5. Tâm tánh nhất cảnh.

**Hỏi:** Đệ nhị tinh lự có bao nhiêu chi?

Đáp: Có bốn chi. Những gì là bốn? 1. Nội tịnh; 2. Hỷ; 3. Lạc; 4. Tâm tánh nhất cảnh.

**Hỏi:** Pháp nào là tự tánh của nội tịnh?

Đáp: Niệm, chánh biết, xả là tự tánh.

**Hỏi:** Đệ tam tinh lự có bao nhiêu chi?

Đáp: Có năm chi. Những gì là năm? 1. Niệm; 2. Chánh biết; 3. Xả; 4. Lạc; 5. Tâm tánh nhất cảnh.

**Hỏi:** Đệ tứ tinh lự có bao nhiêu chi?

Đáp: Có bốn chi. Những gì là bốn? 1. Xả thanh tịnh; 2. Niệm thanh tịnh; 3. Không khổ không lạc; 4. Tâm tánh nhất cảnh.

Trong Sơ tinh lự, niệm, chánh biết và xả do chỗ dẫn phát của môn tâm tứ, cho nên tuy có mà không tuyên thuyết. Ở Đệ nhị tinh lự, do tự tánh kia năng tạo tác nghiệp, lại do chỗ trói buộc của

tùy phiền não tâm xao động, nên gọi là nội tịnh. Ở Đệ tam tĩnh lự, do đã xa lìa tâm tùy phiền não, hiển tự tướng kia, nên nói kia lìa hỷ, tham.

Ở Sơ tĩnh lự lìa dục tham, không phải lìa hỷ tham. Ở Đệ nhị tĩnh lự lìa tầm tứ tham, chẳng phải lìa hỷ tham. Ở Đệ tứ tĩnh lự tức hiển thị kia tối cực thanh tịnh. Cho nên phải biết ở tất cả tĩnh lự, tùy theo chỗ thích hợp kia đều tùy chuyển.

**Hỏi:** Nhân duyên nào ở bốn tĩnh lự kiến lập năm chi, bốn chi như vậy?

**Đáp:** Vì trụ sở y, vì trụ nhiều ích và vì trụ tự tánh.

Lại có cách giải thích khác: vì tư duy sở duyên, vì thọ dụng sở duyên và vì ở nơi sở duyên không bị phân tán.

Lại có cách giải thích khác: vì chỗ nương của nhiều ích, vì chỗ nương của tăng thượng tâm và vì chỗ nương của tăng thượng tuệ.

Lại có cách giải thích khác: vì đối trị ba trụ tạp nhiễm sở đối trị. Ba trụ tạp nhiễm sở đối trị là gì? 1. Trụ nhiễm ô; 2. Trụ khổ não; 3. Trụ ngu si.

Lại có cách giải thích khác: pháp tương tự những kẻ thọ dụng dục. Các kẻ thọ dụng lược có ba



việc làm căn bản năng hiển kia là kẻ thọ dụng dục: 1. Truy cầu tài bảo; 2. Đã cầu tài bảo rồi, năng thọ dụng; 3. Ở tự tánh kia, tùy ý hành động. Như vậy, người tu tập các tĩnh lự cũng có ba việc làm căn bản, vì nương kia tùy chỗ thích hợp mà kiến lập chi phân.

Lại có cách giải thích khác: vì đối trị hạnh tự hành khổ não, nên kiến lập các chi tĩnh lự. Lược có ba chủng đối trị: 1. Đối trị sự khuyết giảm đối trị; 2. Đối trị sự bức não thân tâm; 3. Đối trị ở nơi ngoại cảnh tâm lưu tán, không tịch tĩnh.

**Hỏi:** Nhân duyên nào trong Sơ tĩnh lự nói là đã ly dục, mà lại thuyết: “Xa lìa pháp ác bất thiện”?

**Đáp:** Vì muốn hiển thị tự tướng các dục và vì hiển thị tướng quá hoạn của các dục. Tướng quá hoạn: do các dục kia khiến phát khởi ác hạnh, đọa vào xứ ác cực thấp, nên thuyết danh là ác. Do trái với thiện sanh, nên lại được danh là bất thiện.

Lại có cách giải thích khác: vì muốn hiển thị đoạn phiền não tạp nhiễm và hiển thị đoạn nghiệp tạp nhiễm tích tập trước kia.

Lại có cách giải thích khác: vì muốn hiển thị người tại gia đoạn thọ dụng dục nhờ môn sự của

các dục, vì hiển thị người xuất gia đoạn các dục nhờ môn tâm tư.

Lại có cách giải thích khác: vì muốn hiển thị đoạn tâm tư dục và hiển thị đoạn tâm tư khuể hại.

Lại có cách giải thích khác: vì muốn hiển thị tướng sở đắc của tiên ngoại đạo, lại vì hiển thị kia đã lìa pháp thối, hành thệ nguyện.

**Hỏi:** Nhân duyên nào mà biết ở Sơ tinh lự chưa đoạn căn khổ?

**Đáp:** Vì ở kia chưa xa lìa phẩm thô trọng. Nếu trong xứ đây đã đoạn căn khổ, thì tương ứng với trụ Đệ nhị tinh lự không sai khác. Cho nên biết được ở Sơ tinh lự chưa đoạn căn khổ.

**Hỏi:** Nếu tâm tư... ở Sơ tinh lự... đều năng nhiếp ích thắng tam-ma-địa, lại năng nhiếp thọ tự địa tinh lự khiến thanh tịnh, nhân duyên nào Thế Tôn ở nơi kia hiển thị danh là động.

**Đáp:** Đây so với địa khác, không so với tự địa.

**Hỏi:** Nhân duyên nào từ Dục giới trở lên, ở Sơ tinh lự càng về sau kiến lập các chi phần càng thù thắng hơn?

**Đáp:** Nên biết lược có ba nhân duyên: 1. Vì sở trị, năng trị; 2. Vì chứng đắc lợi ích thù thắng; 3.

Vì sở chúng đắc. Nên biết ba chủng nhân duyên như vậy tùy chỗ thích hợp nhiếp vào năm chi trong bốn tĩnh lự.

**Hỏi:** Sơ tĩnh lự và Đệ nhị tĩnh lự có gì sai khác?

Đáp: Ở Đệ nhị tĩnh lự tam-ma-địa viên mãn.

**Hỏi:** Đệ nhị và Đệ tam tĩnh lự có gì sai khác?

Đáp: Ở Đệ tam tĩnh lự nhiều ích viên mãn.

**Hỏi:** Đệ tam và Đệ tứ tĩnh lự có gì sai khác?

Đáp: Ở Đệ tứ tĩnh lự thanh tĩnh viên mãn.

Lại có bốn chủng tu tam-ma-địa: 1. Vì đắc hiện pháp lạc trú; 2. Vì đắc trí kiến thù thắng; 3. Vì đắc tuệ phân biệt; 4. Vì chúng các lậu vĩnh viễn tận. Nên biết nương bốn bổ-đặc-già-la mà kiến lập bốn chủng tu tam-ma-địa trên.

Bốn chủng bổ-đặc-già-la: 1. Có hạng nhanh chóng thông các khổ, đã đắc dấu tích hành và đã kiến đế; 2. Có hạng dị sanh chưa đắc dấu tích hành, đã ly dục và đã đắc sở duyên vô lượng hữu tình; 3. Có hạng chậm thông các lạc, đã đắc dấu tích hành và đã kiến đế; 4. Có hạng nhanh chóng thông các lạc, đã đắc dấu tích hành và đã kiến đế. Trong đây có dị sanh đã đắc vô lượng và đã ly dục,

hoặc đã chứng đắc sanh tử trí thông gọi là trí kiến thanh tịnh. Hoặc chậm thông các lạc, khi dấu tích hành chuyển, tuy đã kiến đế nhưng do căn yếu kém mà gọi là thối pháp. Do nhân duyên đây, lại ở nơi tâm tư thọ tưởng của Dục giới trụ chánh niệm hơn nữa, phát khởi chánh trí hơn nữa.

Lại nữa, nay hiển ly dục của các tĩnh lự, nên biết lược có 6 chủng ly dục: 1. Tự tánh ly dục; 2. Tổn giảm ly dục; 3. Nhậm trì ly dục; 4. Thăng tiến ly dục; 5. Ngu si ly dục; 6. Đối trị ly dục.

Tự tánh ly dục: ở nơi tự tánh bất tịnh, chẳng phải ở nơi sự thọ dụng, tánh nhằm chán trái lìa. Lại ở nơi thọ khổ, tánh nhằm chán trái lìa. Lại nếu đã lìa nhiễm ở trụ Sơ tĩnh lự, trong Đệ nhị tĩnh lự... tánh nhằm chán trái lìa đối với tâm tứ. Đây gọi là tự tánh ly dục.

Tổn giảm ly dục: như hai bên giao hội, tập quen pháp dâm dục... khi đã trừ nhiệt não rồi, tánh nhằm chán trái lìa pháp dâm dục kia. Hết thấy loại còn lại như vậy đều gọi là tổn giảm ly dục.

Nhậm trì ly dục: như đã thọ dụng ăn uống thượng vị cực no đủ rồi, tánh nhằm chán trái lìa đối với các thức ăn uống khác. Hết thấy loại còn

lại như vậy đều gọi là nhậm trì ly dục.

Thăng tiến ly dục: ví như đã thành tựu tài bảo thù thắng vi diệu hoặc địa vị tôn quý, tánh nhàm chán trái lìa đối với các loại thấp kém khác. Hết thấy loại còn lại như vậy đều gọi là thăng tiến ly dục.

Ngu si ly dục: vì không hiểu rõ công đức thâm sâu của Niết-bàn, nên phát khởi tánh nhàm chán trái lìa đối với Niết-bàn. Hết thấy loại còn lại như vậy đều gọi là ngu si ly dục.

Đối trị ly dục: hoặc do đối trị yếm hoại, hoặc do đối trị đoạn, hoặc do đối trị trì, hoặc do đối trị phần xa, hoặc do đạo thế gian, xuất thế gian đoạn các phiền não. Như vậy đều gọi là đối trị ly dục.

**Hỏi:** Nhân duyên nào nói: “Các tĩnh lự được gọi là trụ”?

**Đáp:** Vì ở nơi nội cảnh giới sở duyên buộc tâm khiến an trụ, vì ở nơi ngoại cảnh giới sở duyên buộc tâm khiến không lưu tán.

**Hỏi:** Nhân duyên nào nói: “Các tĩnh lự được gọi là Tam-ma-địa”?

**Đáp:** Vì ở nơi sở duyên tất cả ảnh tượng đồng phạm sự việc sở tri, tâm nhậm trì bình đẳng.

**Hỏi:** Nhân duyên nào nói: “Các tĩn lự đợc gọi là Xa-ma-tha”?

**Đáp:** Vì muốn tất cả phiến não đợc tịch tĩn, lặng yên và dừn dứt.

**Hỏi:** Nhân duyên nào nói: “Các tĩn lự đợc gọi là tâm tánh nhất cảnh”?

**Đáp:** Lợc có 2 chủng cảnh giới sở duyên: 1. Cảnh giới sở duyên bất định địa; 2. Cảnh giới sở duyên định địa. Trong đây nhất cảnh đợc gọi là cảnh giới sở duyên định địa, vì buộc tâm ở nơi chỉ một cảnh sở duyên đây, chẳng phải cảnh thứ hai, cho nên gọi là tâm tánh nhất cảnh.

Lại nữa, trong đây từ ly dục mà thối thất lợc có 10 chủng:

1. Vì thân sở y không điều hòa nên từ ly dục mà thối. Như có người mắc phải trọng bệnh, thối chí nói rằng: “Ta ở nơi định đây chẳng thể chứng nhập, ta sắp thối thất định vô ngã ư”.

2. Do có người tánh nhiều thô trọng, trước không xuyên suốt tu tập tam-ma-địa, do có nhiều thô trọng như vậy nên thành pháp thối. Hoặc vì có cảnh giới sở duyên thù thắng hơn, nên từ ly dục mà thối. Như có người chứng đắc cảnh giới thắng

diệu hiện tiền như tiên ngoại đạo, cho đến chứng đắc Phi tướng phi phi tướng xứ, nhưng do nhìn thấy thiếu niên dung sắc mỹ diệu, hoặc nhìn thấy thiếu nữ khả ái, nên từ ly dục mà thối.

3. Do thu được cung kính, lợi dưỡng nên thối. Như có người thu được lợi dưỡng cung kính từ người khác nên bị thối đạo, như Đề-bà-đạt-đa.

4. Do bị khinh hủy nên thối. Đó là người bị người khác hoặc sân, hoặc hại, hoặc hủy nhục, nên từ ly dục mà thối, như tiên ngoại đạo do tức giận nên hiện hành nguyên rửa, thối tam-ma-địa.

5. Do mạn nên thối. Như có người tự cậy đã đắc định mà hành động lấn hiếp người.

6. Do tăng thượng mạn nên thối. Đó là người chứng các thắng định sai khác, nên khởi tăng thượng mạn.

7. Do không tác ý nên thối. Đó là người ở nơi hành tướng tác ý năng nhập định không lại tư duy.

8. Do chưa xuyên suốt tu tập nên thối. Đó là người mới tu nghiệp, bắt đầu tu thiện pháp.

9. Do tự địa phiền não lớp lớp hiện khởi nên thối. Đó là người ái thượng tinh lự cho đến nghi thượng tinh lự.

10. Do thọ tận, phước tận, nghiệp tận nên thối. Đó là người sanh ở cõi trên, từ đây chết đi hoàn sanh lại cõi dưới.

Lại nữa, trong đây hoặc có bồ-đặc-già-la phiền não phẩm hạ, thiện pháp phẩm hạ, nhiều niệm khó khăn nhưng sau mới thối, nhiều niệm khó khăn mới có thể nhập định. Hoặc có bồ-đặc-già-la phiền não phẩm hạ, thiện pháp phẩm thượng, nhiều niệm khó khăn nhưng sau mới thối, trải qua một niệm nhanh chóng năng nhập định. Hoặc có bồ-đặc-già-la phiền não phẩm thượng, thiện pháp phẩm hạ, trải qua một niệm nhanh chóng thối, nhiều niệm khó khăn mới năng nhập định. Hoặc có bồ-đặc-già-la phiền não phẩm thượng, thiện pháp phẩm thượng, trải qua một sát-na nhanh chóng liền thối, một khoảnh sát-na nhanh chóng nhập định.

Lại có bồ-đặc-già-la đã đắc ly dục, từ định khởi rồi, hoặc có lúc tác ý gián đoạn xen kẽ tam-ma-địa mà chuyển, hoặc có lúc không gián đoạn xen kẽ. Nếu lúc không gián đoạn, gặp duyên âm thanh từ định mà khởi, nhĩ thức khác sanh cùng định tương ưng ý thức đồng chuyển, chẳng phải tức ở định tương ưng với ý thức kia năng nhận lấy tiếng đây.



Nếu chẳng như vậy, ở nơi âm thanh đây vì không có sự lãnh thọ, nên không xuất định. Chẳng phải lúc nhận lấy tiếng tức liền xuất định. Lãnh thọ tiếng rồi, nếu có mong cầu, lúc sau mới xuất.

Ở trong địa đây, vẫn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

## Thứ 7. PHI TAM MA HÍ ĐA ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Tam-ma-hí-đa địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Phi tam-ma-hí-đa địa**.

1. Hoặ do tự tánh nên gọi là bất định địa, đó là năm thức thân.

2. Hoặ thiếu sự khinh an nên gọi là bất định địa, đó là các tâm, tâm pháp ở tại Dục giới.

3. Hoặ chưa phát khởi hướng đến nên gọi là bất định địa, đó là những kẻ thọ dục.

4. Hoặ tán loạn nên gọi là bất định địa, đó là kẻ mới bắt đầu sự nghiệp tu tập định, tâm bị lưu

tán nơi ngũ dục.

5. Hoặc tích chứa quá nhiều nên gọi là bất định địa, đó là kẻ mới bắt đầu sự nghiệp tu tập, ở nơi nội cảnh giới trong tâm thâu nhiếp gom nhóm nên sanh chìm đắm.

6. Hoặc chưa đắc nên gọi là bất định địa, đó là tâm lưu tán tương ưng các pháp.

7. Hoặc chưa viên mãn nên gọi là bất định địa, đó là chưa chứng đắc tác ý gia hạnh cứu cánh.

8. Hoặc tạp nhiễm nên gọi là bất định địa, đó là tuy chứng đắc tác ý quả gia hạnh cứu cánh, mà ở định kia sanh nhiều ái vị.

9. Hoặc không tự tại nên gọi là bất định địa, đó là do tâm nhiễm ô nên không được tự tại.

10. Hoặc không thanh tịnh nên gọi là bất định địa, đó là chưa vĩnh viễn hại diệt phiền não tùy miên.

11. Hoặc xuất định nên gọi là bất định địa, đó là từ tam-ma-địa đã đắc mà khởi nhưng không thối thất.

12. Hoặc bị thối nên gọi là bất định địa, đó là từ tam-ma-địa đã đắc mà hoàn thối.

Lại nữa, trong đây hoặc nương vào bất định

địa đầu tiên, vì an trụ tâm nên chánh nắm giữ tướng, đó là tướng xanh bầm, hoặc tướng máu mủ thối rữa... nói rộng như trước.

Hoặc nương vào bất định địa thứ hai, vì được tác ý nên siêng tu tập.

Hoặc nương vào bất định địa thứ ba, vì đắc căn bản nên siêng tu tập.

Hoặc nương vào bất định địa thứ tư hiện tại tiền, ban đầu nên chánh an trụ nơi niệm, vì không tán loạn nên thâm nhiếp nơi tâm, vì chánh biết nên nhanh chóng nhiếp thọ.

Hoặc nương vào bất định địa thứ năm hiện tại tiền, cần phải tư duy tướng tịnh diệu, lại nên khéo thông đạt tướng chìm đắm.

Hoặc nương vào bất định địa thứ sáu hiện tại tiền, để chẳng quên mất lời thầy dạy trao, cần phải an trụ mạnh mẽ, như lý hộ niệm phương tiện, cần phải tu tập ân trọng không gián đoạn.

Hoặc nương vào bất định địa thứ bảy hiện tại tiền, nên ở nơi định thấp kém đã đắc không sanh vui đủ.

Hoặc nương vào bất định địa thứ tám hiện tại tiền, ở nơi các tạp nhiễm nên quán quá thất. Giả

sử sanh khởi tạp nhiễm ái vị, thoát hiện liên trừ bỏ không nên luyện trước.

Hoặc nương vào bất định địa thứ chín hiện tại tiền, nên tu tam-ma-địa không gián đoạn, lại nên thiện xảo thông đạt tướng của kia.

Hoặc nương vào bất định địa thứ mười hiện tại tiền, phải nên tu để thiện xảo sâu xa.

Hoặc nương vào bất định địa thứ mười một hiện tại tiền, vì khiến không thối lui nên không phóng dật.

Hoặc nương vào bất định địa thứ mười hai hiện tại tiền, tức vì việc kia nên tu xa lìa, như lý tác ý, nên tùy thuận phương tiện tu tập ân trọng, không gián đoạn như trước.

Ở trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

## Thứ 8. HỮU TÂM ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Phi tam-ma-hí-da địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Hữu tâm địa**.

Nên biết các tâm chuyển sai biệt lược do 5 tướng: 1. Do đạo lý thế tục mà kiến lập; 2. Do đạo lý thắng nghĩa mà kiến lập; 3. Do sở y, năng y mà kiến lập; 4. Do đồng có mà kiến lập; 5. Do nhiễm tịnh mà kiến lập.

Sao gọi là do đạo lý thế tục mà kiến lập? Đó là nương đạo lý thế tục mà kiến lập nghĩa các tâm chuyển sai biệt, nên biết như trong phần *Ý địa* đã thuyết.

Sao gọi là do đạo lý thắng nghĩa mà kiến lập sai biệt? Lược có 2 thức: 1. A-lại-da thức; 2. Chuyển thức. A-lại-da thức là sở y, chuyển thức là năng y. Đây lại có 7 chủng, chỗ gọi là nhãn thức cho đến ý thức. Thí như sóng nước nương dựa dòng chảy, hoặc giống như ảnh tượng nương dựa gương sáng. Như vậy gọi là nương thắng nghĩa đạo lý mà kiến lập sở y năng y sai biệt.

Lại nữa, trong đây các thức đều gọi là tâm, ý, thức. Nhưng vượt trội hơn cả thì A-lại-da thức gọi là tâm. Vì có sao? Do thức đây năng chứa nhóm tất cả chủng tử pháp, ở tất cả thời duyên cảnh lãnh thọ giữ gìn, duyên một loại cảnh khí không thể biết. Mạt-na gọi là ý, ở tất cả thời chấp ngã, ngã

sở và ngã mạn... suy lường làm tánh. Thức còn lại gọi là thức, đó là ở nơi cảnh giới liễu biệt làm tướng. Ba chủng tâm, ý, ý thức như vậy ở vị Hữu tâm, trong tất cả thời đồng có mà chuyển. Hoặc chuyển thức như nhãn thức... chẳng khởi, nếu kia khi khởi nên biết kia tăng thêm đồng có mà chuyển. Như vậy hoặc có lúc bốn thức đồng chuyển, cho đến hoặc có lúc tám thức đồng chuyển.

Lại cùng một thời gian thì một ý thức phân biệt hoặc một cảnh, hoặc hai cảnh, hoặc nhiều cảnh, hoặc tự cảnh, hoặc tha cảnh. Cho nên nói ý thức không thể nghĩ bàn.

**Hỏi:** Nếu Mạt-na kia ở tất cả thời suy lường làm tánh tương tục mà chuyển, như Thế Tôn thuyết “xuất thế mạt-na”, kiến lập thế nào?

**Đáp:** Danh đây chỉ giả thi thiết, không hẳn như nghĩa. Lại vì đối trị kia, xa lìa điên đảo mà chân chánh suy lường vậy, tức là Mạt-na đây giữ gìn ý thức khiến phân biệt nhậm vận chuyển, cho nên thuyết là chỗ nương của ý thức.

Lại các chuyển thức hoặc có lúc tất cả chỉ tương ưng thọ lạc đồng có mà chuyển, hoặc có lúc cũng cùng với thọ khổ, hoặc có lúc cũng cùng thọ

không khổ không lạc... tương ưng đồng chuyển. A-lại-da thức tương ưng với thọ, ở tất cả thời chỉ là không khổ không lạc, chỉ là dị thực sanh. Ở đây, khi tất cả thức lưu chuyển hoặc đồng hành lạc, hoặc đồng hành khổ, hoặc đồng hành chẳng phải khổ lạc, hằng lưu chuyển tương tục như vậy cho đến mạng chung cũng không đoạn dứt. Ngoài ba thọ ra, nên biết chỗ dẫn phát của tư duy, chẳng phải là thời thời đồng sanh với chỗ dẫn phát của tác ý hiện tiền, vì kia đồng sanh với thọ cực vi tế nên khó có thể phân biệt. Hết thấy loại như vậy, nên biết gọi là ở nơi thắng nghĩa đạo lý mà kiến lập các thức đồng có sai biệt.

Lại nữa, A-lại-da thức không có phiền não cùng cộng tương ưng. Mạt-na hằng cùng tương ưng bốn chủng phiền não nhậm vận triển chuyển, ở tất cả thời đồng khởi không dứt, đó là: ngã, ngã sở hành, thân kiến, ngã mạn và ngã ái, không cùng vô minh. Đây là các phiền não cùng với thức thiện, bất thiện, vô ký mà không chống trái nhau. Nơi tánh đây chỉ là vô ký ẩn chìm nhậm vận mà khởi. Nên biết chỗ khởi các phân biệt còn lại tùy thuộc các lực duyên sai khác mà chuyển.

Lại bốn chủng phiền não tương ưng đồng có, nhậm vận biến hành cùng với Mạt-na, dụng đạo thế gian để đối trị không thể làm tổn phục. Vì cơ sao? Người tuy đã ly dục mà phiền não vẫn còn hiện hành, thì các phiền não đây nhiếp vào địa tùy theo nơi sanh đến. Nên biết ở địa đây, người tuy đã ly dục mà phiền não của địa ấy hiện hành không dứt. Vì cơ sao? Chủng tử của các phiền não đây được A-lại-da thức dẫn dắt, nên ở tất cả thời nhậm vận mà sanh, chẳng phải do lực duyên cảnh giới của sở đối trị và năng đối trị sai biệt chuyển vậy.

Nếu người ly dục dụng đạo thế gian đối trị, hoặc lúc hiện tại tiền, hoặc lúc không hiện tại tiền, các phiền não đây cũng hiện hành chẳng dứt.

Nếu bậc hữu học đã kiến tích, lúc đạo xuất thế gian hiện tại tiền, các phiền não đây chẳng được hiện hành. Nhưng khi ra khỏi kia rồi, phiền não hiện hành trở lại, vì chỉ khéo thông đạt mà chưa vĩnh viễn đoạn tận.

Nếu bậc vô học thì tất cả chủng đây đều không hiện hành. Các phiền não đây nên biết chỉ ly dục ở Phi tướng phi phi tướng xứ thì cùng lúc đoạn



ngay, chẳng phải như các hoặc khác phải đoạn dần dần. Hết thấy loại như vậy nên biết gọi là kiến lập thanh tịnh tạp nhiễm sai biệt.

Ở trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

### Thứ 9. VÔ TÂM ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Hữu tâm địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Vô tâm địa**.

**Hỏi:** Phàm có bao nhiêu chủng nhân tâm không sanh? Do bao nhiêu chủng nhân mà tâm không được sanh?

**Đáp:** Nhân tâm không sanh lược có 7 chủng, do nguyên nhân đây tâm không được sanh. Những gì là bảy? 1. Vì khuyết duyên; 2. Vì khuyết tác ý; 3. Vì chưa đắc; 4. Vì trái nhau; 5. Vì đoạn trừ; 6. Vì diệt tận; 7. Vì đã sanh.

*Sao gọi là vì khuyết duyên nên tâm không được sanh?* Do nội nhân xứ bị hư hoại, hoặc ngoại

sắc xứ không hiện tại tiền, nói rộng cho đến nội ý xứ bị hư hoại, hoặc ngoại pháp xứ không hiện tại tiền. Bấy giờ chỗ sanh khởi nhân thức cho đến ý thức trọn chẳng được sanh. Như vậy gọi là vì khuyết duyên nên tâm không được sanh.

*Sao gọi là vì khuyết tác ý nên tâm không được sanh?* Tuy có nội nhân xứ không bị hư hoại, ngoại sắc xứ hiện tiền, nói rộng cho đến nội ý xứ không bị hư hoại, ngoại pháp xứ hiện tiền. Nhưng tác ý không năng sanh khởi đúng lúc, bấy giờ do nguyên nhân kia mà chỗ sanh nhân thức cho đến ý thức trọn chẳng được sanh. Như vậy gọi là vì khuyết tác ý, nên tâm không được sanh.

*Sao gọi là vì chưa đắc nên tâm không được sanh?* Như có người vì muốn chứng đắc Sơ tĩnh lự, nên tư duy tướng thô của hạ Dục giới, tư duy tướng tinh của Sơ tĩnh lự. Nếu ở nơi đạo dây không cực tác ý, hoặc tu hoặc tập hoặc nhiều tu tập, mà lại tập quen bất thiện, thì không thể chứng đắc Sơ tĩnh lự. Do chưa đắc nên Sơ tĩnh lự tâm chẳng được sanh.

Lại như người đối với Sơ tĩnh lự, Đệ nhị tĩnh lự, Đệ tam tĩnh lự, Đệ tứ tĩnh lự, Không vô biên

xú, Thức vô biên xú, Vô sở hữu xú, tư duy tướng thô; đối với Đệ nhị tinh lự cho đến Phi tướng phi phi tướng xú, tư duy tướng tinh như trước đã nói rộng nên biết cũng vậy.

Lại như có người vì muốn đoạn tất cả thân, nên ở trong khắp thân tư duy tướng khổ, vì muốn chứng đắc Niết-bàn giới, nên ở nơi thân diệt Niết-bàn giới tư duy tướng tĩnh. Nếu ở nơi đạo đây không cực tác ý, hoặc tu hoặc tập hoặc nhiều tu tập, mà lại tập quen bất thiện thì không thể tận chứng tất cả Niết-bàn. Do chưa chứng, nên ở nơi vĩnh viễn giải thoát các kiết phược, tùy miên, tùy phiền não triền, tâm liền chẳng được sanh. Như vậy gọi là vì chưa đắc nên tâm không được sanh.

*Sao gọi là vì trái nhau nên tâm không được sanh?* Như có một xúc năng thuận theo các xúc thọ lạc, khi lãnh thọ thọ lạc, tâm tương ưng thọ lạc hiện tại tiền. Ngay liền đó lấy tâm tương ưng thọ khổ, thọ không khổ không lạc tâm không thể sanh, vì trái nhau vậy. Như vậy nếu xúc năng thuận các xúc thọ khổ, thọ không khổ không lạc, như trước nói rộng. Ngay liền đó lấy tâm tương ưng thọ lạc, thọ không khổ không lạc tâm không thể sanh, vì

trái nhau vậy.

Lại có một sự trói buộc của tham triền, tâm tương ưng tham triền hiện tại tiền. Ngay lúc ấy lấy tâm tương ưng sân triền, tâm không được sanh vì trái nhau vậy. Như vậy, hoặc có sự trói buộc của sân triền, nói rộng cho đến ngay lúc ấy lấy tâm tương ưng tham triền, tâm không được sanh vì trái nhau vậy. Như vậy gọi là vì trái nhau nên tâm không được sanh.

*Sao gọi là vì đoạn nên tâm không được sanh?* Như có người do khéo tu tập tám Thánh đạo chi, nên chứng đắc tham dục, sân khuể, ngu si vĩnh viễn tận không sót thừa. Lúc bấy giờ tâm kia có tham, có sân, có si... tùy một tâm pháp trong số các tùy phiền não làm nhiễm ô tâm sanh khởi. Do kia đã đoạn, đã biết khắp, nên tâm đều chẳng sanh. Như vậy gọi là vì vĩnh viễn đoạn nên tâm không được sanh.

*Sao gọi là vì diệt tận nên tâm không được sanh?* Như có người sanh trời Vô tưởng, nhập Vô tưởng định, nhập Diệt tận định. Kia ở trong ấy không gián đoạn, bấy giờ do đoạn diệt nên tâm không sanh khởi. Lại như có người ở trong Vô dư

y Niết-bàn giới đã Bát-niết-bàn, bấy giờ kia rốt ráo diệt nên tâm chẳng được sanh. Như vậy gọi là vì diệt tận nên tâm không được sanh.

*Sao gọi là vì đã sanh nên tâm không được sanh?* Chỗ gọi tắt cả tâm đã sanh ở hiện tại sanh khởi, sát-na lùi về sau tắt thành pháp diệt. Kia ở hiện tại vì đã sanh, nên lại chẳng thể sanh. Nếu kia đã diệt, cũng đã sanh, nên trọn chẳng thể sanh. Như vậy gọi là vì đã sanh nên tâm không được sanh.

Nên biết do 7 nhân duyên đây nên tâm không được sanh. Trái với 7 nhân duyên đây, tùy chỗ thích hợp mà các tâm được sanh: 1. Vì không khuyết duyên; 2. Vì không khuyết tác ý; 3. Vì đã chứng đắc; 4. Vì không trái nhau; 5. Vì chưa đoạn trừ; 6. Vì chưa diệt tận; 7. Vì chưa đã sanh.

Ở trong đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

## Quyển 64

### Thứ 10. VĂN SỞ THÀNH TUỆ ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Vô tâm địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Văn sở thành tuệ địa**.

Đó là do 5 điều mà quán sát chỗ quay về cho đến năng quy y: 1. Do thân nghiệp thanh tịnh; 2. Do ngữ nghiệp thanh tịnh; 3. Do ý nghiệp thanh tịnh; 4. Do đối với các hữu tình sanh khởi đại bi; 5. Do thành tựu pháp vô thượng.

**Hỏi:** Có bao nhiêu chủng quy y? Duyên nào chỉ có chỗ như vậy là nên quy y? Duyên nào ngang đâu mà nói là năng quy y? Tu hành những gì gọi là hạnh quy y? Quy y có được những công đức gì?

**Đáp:** Quy y có ba chủng là Phật, Pháp, Tăng. Do bốn duyên nên có chỗ quy y: 1. Vì tánh Như Lai cực điều thiện; 2. Vì dụng phương tiện khéo năng điều thiện tất cả chúng cần điều phục; 3. Vì đầy đủ đại bi; 4. Vì dùng tất cả tài bảo để cúng dường vẫn

chưa phải là điều cần yếu khiến sanh hoan hỷ, dùng chánh hạnh để cúng dường tất sanh hoan hỷ. Do vậy nên kiến lập pháp kia. Các chúng đệ tử đều năng quy y.

Ngang 4 duyên nên nói là năng quy y: 1. Vì biết công đức; 2. Vì biết sai biệt; 3. Vì tự phát thệ nguyện; 4. Vì chẳng nêu những lỗi sót thừa của Đại sư.

Nên biết quy y có 4 chánh hành: 1. Thân cận bậc thiện sĩ; 2. Lắng nghe chánh pháp; 3. Như lý tác ý; 4. Tùy pháp hành pháp. Nếu thành tựu bốn chánh hành đây liền được gọi là quy y. Nên biết lại có 4 chủng chánh hành: 1. Các căn không trạo loạn; 2. Thọ học học xứ; 3. Bi mẫn đối với hữu tình; 4. Mọi lúc đều siêng tu tập cúng dường Tam Bảo.

Người thọ quy y sẽ thành tựu 4 công đức: 1. Thu được phước rộng lớn; 2. Thu được đại hoan hỷ; 3. Thu được tam-ma-địa; 4. Thu được đại thanh tịnh.

Lại thu được 4 đức: 1. Được sự hộ trì rộng lớn viên mãn; 2. Ở nơi tất cả chủng tà tín giải chướng ngại đều được hóa giải mỏng nhẹ, hoặc vĩnh viễn tận diệt; 3. Được nhập trong chúng thông duệ chánh

hạnh chánh chí thiện sĩ, chỗ gọi là bậc Đại sư, bậc đồng phạm hạnh; 4. Vì tịnh tín đối với thánh giáo, nên chư thiên hoan hỷ nhớ nghĩ. Như thiên chúng kia sanh tâm hoan hỷ xướng lời như vậy: “Chúng ta vì thành tựu tam quy y, nên từ chốn kia mất sanh đến cõi này. Các người này nay thành tựu nhiều an trụ quy y, đương lai cũng sẽ sanh đồng phạm trong chúng ta”.

Lại nữa, do 6 chủng tướng nên biết Phật, Pháp, Tăng bảo có sự sai khác: 1. Do tướng; 2. Do nghiệp; 3. Do tín giải; 4. Do tu hành; 5. Do tùy niệm; 6. Do sanh phước.

Do tướng, nên Tam Bảo có sự sai khác: tướng tự nhiên giác ngộ là Phật bảo; tướng quả giác ngộ là Pháp bảo; tướng chánh tu hành theo lời người dạy là Tăng bảo.

Do nghiệp, nên Tam Bảo có sự sai khác: nghiệp chuyển chánh giáo là Phật bảo; nghiệp xả cảnh sở duyên phiền não khổ là Pháp bảo; nghiệp dũng mãnh tăng trưởng là Tăng bảo.

Do tín giải, nên Tam Bảo có sự sai khác: đối với Phật bảo, phải trông tín giải thân cận thừa sự; đối với Pháp bảo, phải trông tín giải hy cầu chứng



đắc; đối với Tăng bảo, phải trồng tín giải hòa hợp, đồng một pháp tánh cộng trú.

Do tu hành, nên Tam Bảo có sự sai khác: đối với Phật bảo, nên tu chánh hạnh cúng dường thừa sự; đối với Pháp bảo, nên tu chánh hạnh phương tiện Du-già; đối với Tăng bảo, nên tu chánh hạnh cùng thọ tài pháp.

Do tùy niệm, nên Tam Bảo có sự sai khác: nên dùng tướng khác tùy niệm Phật bảo; nên dùng tướng khác tùy niệm Pháp bảo; nên dùng tướng khác tùy niệm Tăng bảo. Đó là Thế Tôn cho đến rộng thuyết...

Do sanh phước, nên Tam Bảo có sự sai khác: ở Phật bảo, nương một hữu tình mà được sanh phước tối thắng; ở Pháp bảo, tức nương pháp mà được sanh phước tối thắng; ở Tăng bảo, nương nhiều hữu tình mà được sanh phước tối thắng.

Lại nữa, do 5 pháp nên Sa-môn và Bà-la-môn có sự hơn kém sai khác. Những gì là năm? 1. Pháp được nghe; 2. Pháp giới luật; 3. Pháp nhiếp thọ; 4. Pháp thọ dụng; 5. Pháp chứng đắc.

Pháp được nghe của Bà-la-môn là hạ liệt vì nghĩa hư ảo thấp kém, vì không soi tỏ được cho

người, vì văn cú mờ tối. Sở hữu pháp được nghe của Sa-môn trái với tướng trên, cho nên thắng diệu.

Lại pháp giới luật của Bà-la-môn thuận theo cái gì? Thuận theo phần gì? Thuận theo khai, hứa, hại... sai biệt, cho nên hạ liệt. Pháp giới luật của Sa-môn trái với tướng đây, cho nên thắng diệu.

Lại pháp nhiếp thọ của Bà-la-môn vì là nhiếp thọ chương đạo, như việc ruộng, việc nhà, việc tài bảo... lại thêm nhiếp thọ các loại như vợ con, nô tỳ, đầy tớ... cho nên hạ liệt. Pháp nhiếp thọ của Sa-môn là pháp đoạn trừ xa lìa khổ, lại vô sở hữu, cho nên thắng diệu.

Lại pháp thọ dụng của Bà-la-môn là thọ dụng chương đạo, như những vật dụng trang điểm, hương xoa, hoa cài tóc... lại hiện thọ dụng các trò vui chơi giải trí như ca múa, hát xướng... lại hiện thọ dụng pháp dâm dục... cho nên hạ liệt. Pháp thọ dụng của Sa-môn là thọ dụng không tội, chánh văn tư tu thành tựu trí tuệ, nên thắng diệu.

Lại pháp chứng đắc của Bà-la-môn chỉ lấy Phạm thế làm rốt ráo, lại vì hoàn thối, vì tạp nhiễm ô, vì có khổ não, nên là hạ liệt. Pháp chứng đắc của Sa-môn vì lấy Bát-niết-bàn làm rốt ráo, vì

không còn thối chuyển, vì nhất hướng là cầu, vì nhất hướng an lạc, nên là thắng diệu.

Lại nữa, cầu dục có năm: 1. Cầu nhiếp thọ; 2. Cầu thọ dụng; 3. Cầu hý lạc; 4. Cầu hiểu biết bị thiếu thốn; 5. Cầu thanh danh.

Cầu hữu cũng có năm: 1. Cầu pháp nhĩ; 2. Cầu kỳ nguyện; 3. Cầu ngu si; 4. Cầu yểm hoạn; 5. Cầu tư trạch.

Cầu phạm hạnh cũng có năm: 1. Cầu duy chỉ mong cầu; 2. Cầu hướng đến được; 3. Cầu được hiện tiền; 4. Cầu được về sau; 5. Cầu suy nghĩ chọn lựa làm sao phải được. Lại có cách giải thích khác: 1. Cầu giả danh; 2. Cầu đệ nhất nghĩa; 3. Cầu quán sát kia; 4. Cầu không phương tiện; 5. Cầu có phương tiện. Như trong phần *Bản địa* đã thuyết.

Trong năm minh xứ thì nội minh xứ thù thắng hơn so với các luận, các tông, các minh xứ khác. Vì có sao? Do bốn thanh tịnh mà có nghĩa thanh tịnh: 1. Thanh tịnh vì thâm nhiếp tất cả nghĩa nhiễm tịnh; 2. Thanh tịnh vì ở nơi nghĩa đây luận khác chẳng thể chế phục; 3. Thanh tịnh vì nghĩa đây dễ nhập; 4. Thanh tịnh vì đã được nhập chánh hành rồi, không bị hoại mất.

Lại nữa, nếu muốn tóm lược giải thích thánh giáo của chư Phật, phải nương sáu chủng môn lý mà theo đó quyết liễu: **1.** Môn lý chân nghĩa; **2.** Môn lý chứng đắc; **3.** Môn lý dạy dẫn; **4.** Môn lý xa lìa hai biên; **5.** Môn lý không thể nghĩ bàn; **6.** Môn lý ý thú.

Trong đây, do 3 môn lý sau mà theo đó quyết liễu 3 môn lý trước. Do môn lý xa lìa hai biên mà theo đó quyết liễu môn lý chân nghĩa. Do môn lý không thể nghĩ bàn mà theo đó quyết liễu môn lý chứng đắc. Do môn lý ý thú mà theo đó quyết liễu môn lý dạy dẫn. Trong đây, chân nghĩa tức là môn lý, cho nên gọi là môn lý chân nghĩa, cho đến ý thú tức là môn lý, cho nên gọi là môn lý ý thú. Nghĩa môn lý tức là ở nơi kia tánh không điên đảo, tánh như thật, tánh lìa điên đảo.

### **1. Môn lý chân nghĩa:**

Chân nghĩa lược có 6 chủng: **1.** Chân thật thành tựu thế gian; **2.** Chân thật thành tựu đạo lý; **3.** Chân thật do phiền não chướng thanh tịnh; **4.** Chân thật thành tựu sở tri chướng thanh tịnh; **5.** Chân thật an lập; **6.** Chân thật phi an lập.

Bốn chân thật trước: như phần *Chân thật nghĩa* trong *Bồ tát địa* đã rộng phân biệt .

Chân thật an lập: là bốn Thánh đế, tức là khổ do khổ cho đến đạo do đạo. Vì cơ sao? Tóm lược lấy 3 chủng an lập thế tục: 1. Thế gian thế tục: chỗ gọi an lập nhà, quán, bình, bồn, quân, rừng, số... lại an lập ngã, hữu tình...; 2. Đạo lý thế tục: chỗ gọi an lập uẩn, giới, xứ...; 3. Chứng đắc thế tục: chỗ gọi là an lập quả Dự lưu... chỗ nương tựa kia.

Lại an lập lược có 4 chủng: đó là ba chủng thế tục như trước đã thuyết và an lập thắng nghĩa thế tục, tức là thắng nghĩa đế. Do nghĩa đế đây chẳng thể an lập, chỉ do tự chứng đắc bên trong, theo đó phát sanh trí đây, cho nên giả lập.

Chân thật phi an lập: là các pháp chân như.

## **2. Môn lý chứng đắc:**

Nếu nói lược thì có 4 chứng đắc: 1. Chứng đắc các nghiệp quả hữu tình; 2. Chứng đắc Thanh văn thừa; 3. Chứng đắc Độc giác thừa; 4. Chứng đắc Đại thừa.

- Chứng đắc nghiệp quả hữu tình: do sự tạo tác nghiệp tịnh, bất tịnh và tự tạo tác nghiệp là

nhân y nương mà các loại hữu tình ở trong biển năm thú sanh tử cảm quả dị thực, thọ quả dị thực.

- Chứng đắc Thanh văn thừa: vì trước thọ quy y, cho đến vật trang nghiêm Sa-môn là nhân y nương, nên có 5 chủng chứng đắc:

1. Chứng đắc địa có ba: kiến địa, tu địa, cứu cánh địa.

2. Chứng đắc trí có chín: pháp trí, chủng loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí, sở đắc hậu thế tục trí, tận trí, vô sanh trí.

3. Chứng đắc tịnh: là bốn chứng tịnh.

4. Chứng đắc quả: là bốn quả Sa-môn.

5. Chứng đắc công đức: là vô lượng giải thoát, thắng xứ, biến xứ, vô tránh, nguyện trí, vô ngại giải, thần thông. Tất cả như vậy nên biết trước đã rộng phân biệt.

Lại chứng đắc nhân Thanh văn thừa: đó là đắc đạo ly dục thế gian, sở hữu thiện căn thuận phần giải thoát, thuận phần quyết trạch.

- Chứng đắc Độc giác thừa lược có 3 chủng: 1. Chứng đắc thiện căn thuận phần quyết trạch trước đã đắc; 2. Chứng đắc điều chứng đắc trước đã đắc; 3. Chứng đắc điều chứng đắc trước chưa đắc. Hai

chúng đắc trước gọi là Độc thắng, chúng đắc sau gọi là Lân giác dụ.

- Chúng đắc Đại thừa: là chúng đắc phát tâm, chúng đắc đại bi, chúng đắc Ba-la-mật-đa, chúng đắc nhiếp sự, chúng đắc địa, chúng đắc năm vô lượng tùy đến chân như, chúng đắc uy đức tín giải không thể nghĩ bàn, chúng đắc pháp Phật bất cộng... Tất cả như vậy như trong *Bồ-tát địa* đã rộng phân biệt.

### 3. Môn lý dạy dẫn:

Dạy dẫn nhiếp thuộc 3 xứ: 1. Do Tạng nhiếp lấy; 2. Do Bản mẫu nhiếp lấy; 3. Do cả hai kia nhiếp lấy.

Do Tạng nhiếp lấy: là do tạng Thanh văn và tạng Đại thừa.

Do Bản mẫu nhiếp lấy: là mười bảy địa và bốn chủng nhiếp.

Do cả hai kia nhiếp lấy lược có 10 chủng là: dạy tướng đế; dạy biến tri; dạy vĩnh viễn đoạn trừ; dạy chúng đắc; dạy tu tập, tức là dạy phẩm loại sai biệt của kia, tức là dạy nhiếp lấy sở y, năng y phụ thuộc lẫn nhau; dạy hết thấy pháp chương ngại

biến tri; dạy hết thầy pháp thuận biến tri; dạy công đức, lỗi lầm của hết thầy biến tri, không biến tri... Như vậy năng nhiếp tất cả Tạng nhiếp và Bản mẫu nhiếp. Đây gọi là lược chung Bản mẫu.

Lại, dạy dẫn lược có 12 chủng: 1. Dạy sự; 2. Dạy tướng sai biệt; 3. Dạy quán tông mình; 4. Dạy quán tông khác; 5. Dạy bất liễu nghĩa; 6. Dạy liễu nghĩa; 7. Dạy thế tục đế; 8. Dạy thắng nghĩa đế; 9. Dạy ẩn mật; 10. Dạy hiển liễu; 11. Dạy sự việc có thể ký; 12. Dạy sự việc không thể ký.

Dạy sự: dạy các pháp thế, mỗi mỗi có sự riêng biệt, gọi là sắc... nhân...

Dạy tướng sai biệt: rộng tuyên thuyết các uẩn, giới, xứ, duyên khởi, xứ, phi xứ, căn, đế... gọi là tướng sai biệt. Lại thuyết rộng các niệm trụ... gọi là tướng sai biệt. Lại thuyết rộng hữu sắc, vô sắc; không thể thấy, có thể thấy; không đối ngại, có đối ngại... gọi là tướng sai biệt. Như vậy, chư Phật Thế Tôn thuyết dạy vô lượng các pháp tướng sai biệt.

Dạy quán tông mình: nương vào Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... để giải thích tuyên thuyết khai thị.



Dạy quán tông khác: đó là nương vào 7 chủng tướng nhân minh để bẻ gãy luận người, kiến lập luận mình. Bảy chủng tướng trong nhân minh là: luận tánh thể, luận xứ sở, luận sở y, luận trang nghiêm, luận rơi vào chỗ thua cuộc, luận xuất ly, luận nhiều sở tác pháp... như trước đã rộng thuyết.

Dạy bất liễu nghĩa: trong Khế kinh, Ứng tụng, Ký biệt... Thế Tôn ẩn thật nghĩa và thuyết phương tiện, chẳng khai hiển nghĩa pháp tánh một cách rõ ràng.

Dạy liễu nghĩa: nên biết trái với tướng trên.

Dạy thế tục đế: tất cả các sở hữu ngôn đạo có thể tuyên nói đều nhiếp thuộc thế tục đế. Lại các sở hữu danh tướng ngôn thuyết tăng thượng hiển hiện các tướng, danh, phân biệt như vậy gọi là nhiếp thuộc thế tục đế.

Dạy thắng nghĩa đế: dạy bốn Thánh đế và dạy chân như, thật tế, pháp giới...

Dạy ẩn mật: dạy nhiều phần từ tạng Thanh văn.

Dạy hiển rõ: dạy nhiều phần từ tạng Đại thừa.

Dạy việc có thể ký: dạy bốn chủng pháp Ốt-

Đà-Nam, đó là tất cả hành vô thường cho đến Niết-bàn tịch tĩnh, chỗ có hết thủy loại ngôn giáo như vậy...

Dạy việc không thể ký: như có kẻ hỏi: “Thế gian là thường chăng?”. Đây không nên ký, chỉ nói: “Ta nói đây chẳng thể ký”. Cho đến có kẻ hỏi: “Như Lai diệt rồi về sau có chăng, không có chăng?”. Đây chẳng nên ký, chỉ nói: “Ta nói đây chẳng thể ký”. Trong đây nên biết vì bốn nhân duyên nên tuyên thuyết việc không nên ký như vậy:

1. Vì có-không nên chẳng thể ký biệt. Như có kẻ hỏi: “Ở nơi các uẩn, ngã là khác, là chẳng khác, là thường là vô thường?”.

2. Năng dẫn nghĩa không lợi ích, nên không thể ký biệt. Như trong *Kinh Thăng-Nhiếp-Ba-Diệp Du*, Như Lai tự nói: “Ta đã chứng pháp”, tất có sự việc như vậy mà không tuyên nói. Vì có sao? Vì pháp kia chẳng thể dẫn nghĩa lợi ích.

3. Vì thẳm sâu nên không thể ký biệt. Như có kẻ hỏi: “Ngã là có chăng?”. Đây không nên ký, chớ để kia hoặc ở nơi các uẩn mà chấp ngã, hoặc lìa các uẩn mà chấp có ngã. Lại có kẻ hỏi: “Ngã là không chăng?”. Đây không thể ký, chớ để kia ở nơi ngôn

thuyết thể tục sĩ phu mà khởi chấp tổn giảm. Như vậy từ Như Lai diệt rồi về sau hoặc có hoặc không, cho đến chẳng phải có, chẳng phải không... đều thật thắm sâu, không thể ký biệt.

4. Vì kiến lập tướng pháp nhĩ thì không thể ký. Như có kẻ hỏi: “Các pháp chân như so với các pháp kia là khác, hay không khác?”. Đây chẳng nên ký. Vì cố sao? Vì tướng pháp nhĩ kia chẳng thể kiến lập khác-chẳng khác vậy.

Nên biết lại có 4 chủng nhân duyên mà Như Lai tuyên thuyết là sự việc chẳng thể ký, đó là: các ngoại đạo vì tuyên nói hư vọng, vì không như lý, vì dẫn vô nghĩa, vì là chỗ nương cho sự tranh luận. Có hai nhân duyên năng dẫn vô nghĩa: 1. Vì xa lìa suy nghĩ về nhân quả; 2. Vì xa lìa suy nghĩ về nhiệm tịnh.

#### **4. Môn lý xa lìa hai biên:**

Lược có 6 chủng: 1. Xa lìa biên tăng ích đối với những việc chẳng thật có; 2. Xa lìa biên tổn giảm đối với những việc chân thật có; 3. Xa lìa biên vọng chấp thường; 4. Xa lìa biên vọng chấp đoạn; 5. Xa lìa biên thọ dụng dục lạc; 6. Xa lìa biên

tự thọ dụng khổ. Tất cả chúng như vậy trước đã rộng phân biệt.

### **5. Môn lý không thể nghĩ bàn:**

Nên biết lược có 6 chủng không thể nghĩ bàn: 1. Nghĩ bàn về ngã; 2. Nghĩ bàn về hữu tình; 3. Nghĩ bàn về thế gian; 4. Nghĩ bàn về nghiệp quả hữu tình; 5. Nghĩ bàn về những người tu tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự; 6. Nghĩ bàn về chư Phật Thế Tôn, cảnh giới chư Phật. Trong đây nghĩ bàn về ngã, nghĩ bàn về hữu tình, nghĩ bàn về thế gian, hoặc nương kiến mà nghĩ bàn, hoặc không nương kiến mà nghĩ bàn.

Nghĩ bàn về ngã: như có người nương thân kiến nghĩ bàn như vậy: “Ở quá khứ, ta đã từng có chãng, hay từng không có chãng?”, nói rộng cho đến ở ba đời. Lại nghĩ bàn: “Ngã là hữu sắc, sau sẽ là hữu tướng, sau sẽ là vô tướng, sau sẽ là phi hữu tướng phi vô tướng”. Như ngã hữu sắc thì ngã vô sắc cũng vậy. Nếu tuyên nói rộng thì như trong *Kinh Phạm Võng* đã thuyết. Như luận thường kiến, thì tùy chỗ thích hợp luận đoạn kiến, luận hiện pháp Niết-bàn kiến, kế chấp biên tiền tế, kế chấp

biên hậu tế nên biết cũng vậy. Lại nghĩ bàn mạng tức là thân, mạng khác, thân khác. Lại nghĩ bàn ngã đây là ngã khắp tất cả xứ, không hai, không riêng, không có khuyết giảm.

Nghĩ bàn về hữu tình: như có người nương thân kiến nghĩ bàn như vậy: “Nay hữu tình đây từ đâu mà sanh? Cái gì tạo ra hữu tình đây? Cho đến hữu tình đây chết rồi sẽ đi về đâu? Các hữu tình đây diệt tận ở đâu?”.

Nghĩ bàn về thế gian: như có người nương thân kiến nghĩ bàn như vậy: “Thế gian là thường”, cho đến rộng thuyết. Hoặc nương pháp tánh nghĩ bàn như vậy: “Pháp tánh ngã, pháp tánh hữu tình, pháp tánh thế gian đây từ đâu mà sanh? Chẳng thể chỉ nương đạo lý pháp nhĩ?”. Cho nên đây gọi là nghĩ bàn điều không thể nghĩ bàn.

Nghĩ bàn về nghiệp quả hữu tình: do 4 chủng không thể nghĩ bàn, đó là: do xứ sở sai biệt, do sự sai biệt, do nhân sai biệt và do quả dị thực sai biệt.

Nghĩ bàn về người tu tĩnh lự, cảnh giới tĩnh lự: do 3 chủng tướng không thể nghĩ bàn, đó là: vì nghĩa chân như thẳm sâu, vì tự tại chuyển, vì chứng

đắc vô lậu giới.

Nghĩ bàn về chư Phật Thế Tôn, cảnh giới chư Phật: do 5 chủng tướng không thể nghĩ bàn, đó là do 3 tướng đã thuyết ở trước và thêm 2 tướng là vì vô chướng và vì thành lập các việc tạo tác của hữu tình.

### **6. Môn lý ý thú:**

Ý thú lược có 16 chủng: 1. Ý thú thị hiện; 2. Ý thú chia lìa; 3. Ý thú khuyến khích dẫn dụ; 4. Ý thú khích lệ; 5. Ý thú khánh hỷ; 6. Ý thú khiến nhập; 7. Ý thú đoạn nghi; 8. Ý thú thành thực; 9. Ý thú đẳng trì; 10. Ý thú giải thoát; 11. Ý thú tương ưng nghĩa riêng; 12. Ý thú phát sanh không tội, hoan hỷ đối với người khéo chứng đắc; 13. Ý thú phát sanh tôn trọng đối với người khéo nghe và đối với người khéo thuyết; 14. Ý thú hàng chuyển pháp nhãn; 15. Ý thú tu nhiều pháp thiện; 16. Ý thú hàng phục các tướng.

***Sao gọi là do môn lý xa lìa hai biên mà theo đó quyết liễu môn lý chân nghĩa?***

- Ở nơi an lập sở hữu khổ để cho đến đạo đế

lược có 4 chủng biên tăng ích hư vọng: 1. Biên tăng ích ngã; 2. Biên tăng ích thường; 3. Biên tăng ích tịnh; 4. Biên tăng ích lạc. Như đây tức là bốn chủng điên đảo. Vì đối trị kia nên thuyết bốn niệm trụ và bốn định trí. Do nhân duyên đây sở hữu ngã kiến đều là biên chấp tăng ích ngã hư vọng. Nên biết đã thuyết rộng trong *Có tâm có tứ địa*, do kể luận kia biện rộng chấp có ngã nên không đúng đạo lý. Lại nếu lược thuyết, vì là các uẩn sanh kia, vì tướng, vì nghiệp dụng mà riêng có tánh ngã, điều này chẳng thể có được. Lại khác tướng an trụ các hành mà sở hữu tánh ngã, nên biết rất ráo quyết định không chỗ có. Do đây nên biết biên tăng ích ngã không đúng đạo lý.

Lại kia tánh thường, đây trước đã rộng phân biệt. Do đây nên biết biên tăng ích thường không đúng đạo lý.

Lại có sáu chủng tánh bất tịnh, như trong *Thanh văn địa* đã hiển thị rộng. Do đây nên biết biên tăng ích tịnh không đúng đạo lý.

Lại có ba chủng tánh khổ, như trong *Có tâm có tứ địa* đã hiển thị rộng. Do đây nên biết biên tăng ích lạc không đúng đạo lý.

- Ở nơi an lập sở hữu khổ đế cho đến đạo đế mà kế chấp biên tổn giảm: tức là ở trong các Thánh đế kia, tùy chỗ an lập tướng trạng của các đế mà kế chấp cho là tánh Không, hiển là tánh Không. Vì có sao? Nếu ở nơi các đế mà phát khởi kế chấp tổn giảm, thì ở nơi ba lượng là hiện lượng, tỷ lượng và thánh giáo lượng cũng sanh phỉ báng, cũng phỉ báng cả nhiễm tịnh. Cho nên thuyết đây gọi là biên tổn giảm.

Tóm lại, nếu không rơi vào hai biên như vậy, người kia ở nơi các đế năng sanh tín giải, quyết định thông đạt, dần dần năng chứng rốt ráo thanh tịnh.

Sao gọi là Khổ đế? Là sanh khổ... như trước đã nói rộng. Nếu nói lược thì tất cả sự sanh tạp nhiễm đều gọi là Khổ đế.

Sao gọi là Tập đế? Như đã nói thì tất cả phiền não tạp nhiễm và nghiệp tạp nhiễm đều gọi là Tập đế. Đức Thế Tôn là bậc thành tựu tối thắng, chỉ hiển bày tham ái là nhân duyên vượt trội hơn cả, nên biết như trước.

Sao gọi là Diệt đế? Là tất cả phiền não vĩnh viễn đoạn trừ. Lại vĩnh viễn đoạn trừ đây do tám



chúng tướng nên biết như trước. Trong đây, ly dục diệt tận ái tức hiển Hữu dư y Bát-niết-bàn giới. Vĩnh viễn diệt Niết-bàn tức hiển Vô dư y Niết-bàn giới.

Sao gọi là Đạo đế? Là tư lương đạo, hoặc phương tiện đạo, hoặc thanh tịnh đạo, tất cả đều lược chung làm một gọi là Đạo đế. Thế Tôn là bậc thành tựu tối thắng chỉ lược hiển thị tám Thánh đạo chi gọi là Đạo đế. Chỉ cần nương đây năng nhiếp thọ chứng quả Sa-môn.

Tư lương đạo: có 13 chủng như trong *Thanh văn địa* đã thuyết.

Phương tiện đạo: nếu vượt trội thù thắng hơn cả đó là ở trong vị Noãn, Đảnh, Nhân, Pháp thế đệ nhất, sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phần như các niệm trụ...

Thanh tịnh đạo: ở trong kiến đạo, tu đạo và cứu cánh đạo, tức kia nhiếp lấy sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phần. Trong đây cứu cánh đạo là sở hữu năng dẫn các đạo công đức. Kia cũng đều nhập trong số Đạo đế.

Phương tiện đạo của chư Bồ-tát nhiếp thuộc sáu Ba-la-mật-đa. Thanh tịnh đạo của Bồ-tát nhiếp

thuộc Ba-la-mật-đa.

Tóm lại, ở nơi sở hữu tất cả pháp Bồ-đề phân phải đầy đủ tu tập, chẳng thể không tu tập. Như Thế Tôn đã nói tóm lược “năm thủ uẩn đều là khổ”. Năm thủ uẩn đây nếu phân biệt rộng thì như trước đã quyết trạch ở *Ý địa*, trong phần *Uẩn thiện xảo*.

Lại Khổ đế, Tập đế lược có 3 chủng: đó là hệ buộc Dục, hệ buộc Sắc, hệ buộc Vô sắc sai khác. Lại vì ở mười phương vô biên thế giới sai biệt, nên lượng ấy cũng vô biên. Vì đối trị đây, nên biết Diệt đế, Đạo đế có sự sai khác. Lại kiến lập thứ lớp các đế đây, nghĩa rộng phân biệt nên biết như trước.

Lại các đế đây là chỗ tựa, là chỗ nương, là nơi kiến lập 13 chủng bổ-đặc-già-la. Sao gọi là 13 chủng bổ-đặc-già-la? 1. Kế dị sanh Dục giới; 2. Kế dị sanh Sắc giới; 3. Kế dị sanh Vô sắc giới; 4. Bậc hữu học Dục giới; 5. Bậc hữu học Sắc giới; 6. Bậc hữu học Vô sắc giới; 7. Bậc vô học Dục giới; 8. Bậc vô học Sắc giới; 9. Bậc vô học Vô sắc giới; 10. Bậc Độc giác Dục giới; 11. Chư Bồ-tát Dục giới; 12. Chư Bồ-tát Sắc giới; 13. Chư Như Lai bất khả tư nghì.

Lại tức bổ-đặc-già-la như vậy hoặc tạo tác,

hoặc chướng, hoặc tâm, hoặc phiền não, hoặc nghiệp, hoặc căn, hoặc giới, hoặc tín giải, hoặc ý lạc, hoặc tùy miên, hoặc sanh, hoặc tập khí, hoặc tụ, đều phải rõ biết.

Tạo tác có 12 chủng: 1. Tạo tác thiện; 2. Tạo tác bất thiện; 3. Tạo tác vô ký; 4. Tạo tác xuất gia; 5. Tạo tác thắng lưu kia; 6. Tạo tác phòng hộ kia; 7. Tạo tác sanh; 8. Tạo tác ly dục; 9. Tạo tác giải thoát; 10. Tạo tác điều luyện căn; 11. Tạo tác dẫn phát thần thông; 12. Tạo tác phát khởi nghĩa còn lại.

Chướng có 12 chủng: 1. Nghiệp chướng: vì gây tạo năm nghiệp vô gián; 2. Tập khí chướng: vì trước đã lớp lớp tập làm nghiệp ác; 3. Phóng dật chướng: vì lúc thọ dụng các dục hiện tại, phát khởi mạnh mẽ; 4. Cái chướng: trong năm chủng cái, tùy một cái hiện tiền, tâm liền bị che lấp; 5. Giải đãi chướng: do giải đãi nên ít phần phiền não triền quấy nhiều tâm; 6. Chướng ngại chướng: trong mười hai chủng chướng ngại, tùy có một chướng hiện tiền; 7. Sanh chướng: sanh xứ không yên ổn; 8. Không sanh chướng: Phật Thế Tôn không xuất hiện ở đời; 9. Tín giải chướng: tuy có Phật Thế

Tôn hiện ở thế gian mà kia sanh tà kiến; 10. Phiền não chướng: do kia nên thuyết bậc có tuệ giải thoát, tâm đặc giải thoát; 11. Định chướng: do kia nên thuyết câu phần giải thoát, tâm đặc giải thoát; 12. Sở tri chướng: do kia nên thuyết chư Như Lai tâm đặc giải thoát.

Tâm lược có 2 chủng: tâm có chướng và tâm không chướng.

Phiền não có 2 chủng: triền và tùy miên.

Nghiệp có 2 chủng: tư và đã tư.

Căn có 2 chủng: phần thuận tịnh và phần thuận bất tịnh.

Như căn thì giới, tín giải, ý lạc nên biết cũng vậy. Nhưng sai khác ở chỗ: căn là tánh quả; giới là tánh nhân; tín giải là tánh nhân; ý lạc là tánh quả.

Tùy miên cũng lược có 2 chủng: có thể hại và không thể hại.

Sanh cũng lược có 2 chủng: sanh yên ổn và sanh không yên ổn.

Tập khí cũng có 2 chủng: tập khí sanh không gián đoạn và tập khí trước sanh.

Tụ có 3 chủng: 1. Tụ tà tánh định; 2. Tụ chánh

tánh định; 3. Tu bất định. Tu tà tánh định lại có 2 chủng: bản tánh tà tánh định và phương tiện tà tánh định. Tu chánh tánh định cũng có 2 chủng: bản tánh chánh tánh định và phương tiện chánh tánh định. Tu bất định cũng có 2 chủng: bản tánh bất định và phương tiện bất định.

Lại do tạo tác 13 chủng pháp, nên tùy chỗ thích hợp mà rộng thuyết 13 chủng bồ-đặc-già-la.

**Hỏi:** Nếu người kia có tạo tác thiện, thì tất cả tạo tác không tương ứng với bất thiện ư? Giả sử tạo tác của kia không tương ứng với bất thiện, thì tất cả tạo tác của kia là thiện ư?

**Đáp:** Nên tác bốn câu. Hoặc có tạo tác thiện, chẳng phải không tương ứng với tạo tác bất thiện, đó là chỗ có tạo tác thiện của kẻ năng tạo nghiệp hắc bạch, dị thực hắc bạch. Hoặc có tạo tác bất thiện, chẳng phải không tương ứng với tạo tác thiện, đó là tạo tác vô ký. Hoặc có tạo tác thiện, cũng không tương ứng với tạo tác bất thiện, đó là chỗ có tạo tác của người năng tạo tác nghiệp bạch dị thực bạch, cùng nghiệp dị thực không hắc không bạch, năng tận các nghiệp. Hoặc không phải tạo tác thiện, cũng chẳng phải không tương ứng với

tạo tác bất thiện, đó là chỗ có tạo tác của kẻ năng tạo tác nghiệp hắc, dị thực hắc.

Như vậy, tạo tác bất thiện, tạo tác vô ký nên biết tất cả tùy chỗ thích hợp cũng vậy.

**Hỏi:** Nếu thành tựu nghiệp chướng, cũng thành tựu tập khí chướng ư? Giả sử thành tựu tập khí chướng, cũng thành tựu nghiệp chướng ư?

**Đáp:** Nên tác bốn câu. Hoặc có thành tựu nghiệp chướng, không phải tập khí chướng, đó là như có người ở trong hiện pháp cũng gây tạo cũng tăng trưởng năm nghiệp vô gián, nhưng đời trước không gây tạo không tăng trưởng chủng loại nghiệp ác bất thiện đây, ở trong hiện pháp kia năng chướng Thánh đạo. Hoặc có thành tựu tập khí chướng không phải nghiệp chướng, đó là trái với tướng trên. Hoặc đều thành tựu, đó là như có người ở trong hiện pháp cũng gây tạo cũng tăng trưởng năm nghiệp vô gián, ở đời trước cũng gây tạo cũng tăng trưởng chủng loại nghiệp ác bất thiện đây, ở trong hiện pháp năng chướng Thánh đạo. Hoặc đều chẳng thành tựu, đó là trái với tướng trên.

**Sao gọi là chân thật phi an lập?** Là các

pháp chân như, tự tánh viên thành thật, sở hành thánh trí, cảnh giới thánh trí, sở duyên thánh trí.

*Biên tăng ích*: tự tánh các pháp lược có 3 chủng:

1. Tự tánh biến kế sở chấp: các sở hữu danh ngôn an lập tự tánh các pháp, vì nương giả danh ngôn lớp lớp vọng chấp xoay vần trái khắp mà kiến lập vậy; 2. Tự tánh y tha khởi: nương tha lực của các duyên sanh mà khởi, tự tánh các pháp chẳng phải tự nhiên có, nên thuyết là vô tánh. 3. Tự tánh viên thành thật: như trước đã thuyết.

Hoặc ở nơi tự tánh y tha khởi, hoặc ở nơi tự tánh viên thành thật như vậy mà lại kế chấp hư vọng tự tánh biến kế sở chấp, gọi là biên tăng ích. Vì sao? Trong tự tánh đây có tự tánh kia thì không đúng lý. Không đúng lý đây như trong *Bồ tát địa* đã lược hiển thị, nay sẽ quyết trạch phân biệt rộng.

Lại nếu nói lược do ba nhân duyên không đúng đạo lý: 1. Vì chẳng phải một mà chủng chủng phẩm loại danh ngôn được an lập; 2. Vì lìa danh ngôn thì chẳng sanh hiểu biết kia; 3. Vì danh ngôn kia nương nghĩa mà chuyển.

*Biên tổn giảm*: ở trong các pháp tự tánh y tha

khởi và tự tánh viên thành thật là có, mà phỉ báng nói rằng tự tướng vô sở hữu.

Như vậy, do môn lý xa lìa hai biên nên theo đó quyết liễu môn lý chân nghĩa. Như chỗ thích hợp thì do nương hai chủng môn lý là không thể nghĩ bàn và ý thú mà theo đó quyết liễu hai chủng môn lý là chứng đắc và dạy dẫn.

**Hỏi:** Như trước thuyết ý thú tương ưng nghĩa riêng, đây có nghĩa gì?

**Đáp:** Chẳng phải ý thú tương ưng nghĩa ngôn âm, danh thân, cú thân, văn thân. Chỉ cần khiến trừ ngôn âm... còn lại là thắng nghĩa. Đây gọi là ý thú tương ưng nghĩa riêng.

Lại nữa, trong đây do nương môn lý xa lìa hai biên mà theo đó quyết liễu môn lý chân nghĩa, liền năng chứng đắc nghĩa nên chứng đắc. Do năng chứng đắc nghĩa nên đắc, nên môn lý chứng đắc còn lại, do môn lý không thể nghĩ bàn mà theo đó quyết liễu. Lại môn lý dạy dẫn của tất cả chư Phật Thế Tôn do môn lý ý thú cũng theo đó quyết liễu. Tất cả loại như vậy đều tùy chỗ thích hợp mà quyết liễu.

Lại nữa, nếu ở nơi kia mà theo đó quyết liễu



môn lý chân nghĩa, nên biết năng nhập năm chủng ly sanh: 1. Năng nhập chưa ly dục ly sanh; 2. Năng nhập tín ly dục ly sanh; 3. Năng nhập đã ly dục ly sanh; 4. Năng nhập Độc giác ly sanh; 5. Năng nhập Bồ-tát ly sanh.

**Hỏi:** Nếu an lập đế kiến lập là đế, nhân duyên nào lại hiển thị phi an lập đế?

**Đáp:** Nếu lìa phi an lập đế mà đắc hai chủng giải thoát thì không đúng đạo lý, đó là ở nơi tướng phược giải thoát và ở nơi thô trọng phược giải thoát. Vì cố sao? Nếu ở nơi an lập đế mà có hành, thì tất cả hành kia đều là hành có tướng. Vì hành có tướng, nên ở nơi các tướng phược không được giải thoát. Vì ở nơi các tướng phược không được giải thoát, thì ở nơi thô trọng phược cũng không được giải thoát. Nếu ở nơi phi an lập đế mà có hành thì chẳng hành nơi tướng. Vì chẳng hành nơi tướng, nên ở nơi các tướng phược liền đắc giải thoát. Vì ở nơi các tướng phược được giải thoát, nên ở nơi thô trọng phược cũng được giải thoát.

**Hỏi:** Nếu chỉ do phi an lập đế kia mà ở nơi tất cả phược đắc giải thoát thanh tịnh, duyên nào hiển thị an lập đế?

Đáp: Vì khiến tư lương đạo và phương tiện đạo được thanh tịnh.

**Hỏi:** Nếu do người kia hành tâm có tướng, ở nơi hai chủng phược mà đắc giải thoát thanh tịnh thì có lỗi lầm gì?

Đáp: Nếu có người tâm cực thiện định, nương Đệ tứ tinh lự triển chuyển thiện pháp thuận phần quyết trạch duyên các cảnh đế, thì những người hành kia ở nơi hai chủng phược lẽ được giải thoát rốt ráo thanh tịnh. Nhưng không thanh tịnh, nên không đúng lý. Lại lẽ chẳng thể lập sự sai biệt của hai chủng đạo thế gian và đạo xuất thế gian, nhưng vì hai đạo kia có hữu tướng và vô tướng sai biệt, cho nên kia cũng không đúng đạo lý.

Sao gọi là tướng thô trọng? Nếu lược thuyết thì tướng không kham năng, không điều nhu là tướng thô trọng. Tướng không kham năng, không điều nhu đây lại có năm tướng: 1. Hiện tướng nặng nề; 2. Tướng cương cường; 3. Tướng chướng ngại; 4. Tướng yếu kém; 5. Tướng không tự tại chuyển, không kham năng. Do tướng đây trụ tương tục thuận theo phẩm tạp nhiễm trái với phẩm thanh tịnh, cho nên nói là tướng không kham năng, không

điều nhu.

Lại nữa, trưởng dưỡng các căn đại chủng có năm: 1. Trưởng dưỡng thực; 2. Trưởng dưỡng mộng; 3. Trưởng dưỡng ngăn chặn sự không quân bình giữa các giới; 4. Trưởng dưỡng phạm hạnh; 5. Trưởng dưỡng đẳng chí.

Trưởng dưỡng đây tóm gọn có 2 chủng: 1. Trưởng dưỡng giữ gìn; 2. Trưởng dưỡng không tổn hại. Trong đây trưởng dưỡng đầu tiên là trưởng dưỡng giữ gìn, bốn trưởng dưỡng sau là trưởng dưỡng không tổn hại.

Trưởng dưỡng giữ gìn lược có 4 chủng: 1. Giữ gìn sự biến hoại; 2. Giữ gìn sự vui thích; 3. Giữ gìn sự mong cầu; 4. Giữ gìn sự nhiếp thọ chấp thủ.

Lại nữa, có 5 chủng hành: 1. Thân hành; 2. Ngữ hành; 3. Ý hành; 4. Nghiệp hành; 5. Thọ hành.

Lại nữa, có 5 chủng không phóng dật: 1. Nương phẩm tại gia không phóng dật; 2. Nương phẩm xuất gia không phóng dật; 3. Năng xa lìa bất thiện không phóng dật; 4. Năng nhiếp thọ các thiện không phóng dật; 5. Tu tập tương tục không phóng dật.

Nương phẩm tại gia không phóng dật có 5 chủng như trước đã thuyết. Nương phẩm xuất gia không phóng dật lại có 10 chủng, như đã rộng thuyết ở *Thanh văn địa* trong phần tương ưng Tỳ-nại-da, nay Ta sẽ thuyết. Năng xa lìa bất thiện không phóng dật, nên biết tức là hai chánh đoạn trước. Năng nhiếp thọ các thiện không phóng dật, nên biết tức là hai chánh đoạn sau. Tu tập tương tục không phóng dật, tức là ở nơi thiện pháp siêng tu tập không gián đoạn, tu tập ân trọng.

Lại nữa, danh có 5 chủng: 1. Tâm; 2. Pháp sở hữu của tâm; 3. Thiện; 4. Bất thiện; 5. Vô ký. Sắc có 5 chủng: 1. Các đại chủng; 2. Đại chủng sở tạo; 3. Có thể thấy, có đối ngại; 4. Không thể thấy, có đối ngại; 5. Không thể thấy, không đối ngại.

Lại nữa, vô minh có năm: 1. Ngu nghĩa; 2. Ngu kiến; 3. Ngu phóng dật; 4. Ngu chân thật nghĩa; 5. Ngu tăng thượng mạn.

Lại nữa, hữu ái có 5 chủng: 1. Ái pháp tánh; 2. Ái thế nguyen; 3. Ái ngu si; 4. Ái chán lìa; 5. Ái tư trạch.

Lại nữa, do 5 chủng tướng kiến lập không tầm không quý: 1. Ở nơi nhiễm ô hiện hành mà không

hổ thẹn; 2. Ở nơi thiện không hiện hành mà không hổ thẹn; 3. Ở nơi pháp đã thọ hoàn xả mà không hổ thẹn; 4. Thân cận bạn ác mà không hổ thẹn; 5. Ở nơi việc làm không thể thành tựu trọn vẹn mà không hổ thẹn. Nên biết trái với 5 tướng đây kiến lập 5 chủng diệu tướng tà quý.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên biết kiến lập kẻ tánh ác thuyết: 1. Không có hạnh; 2. Tà hạnh; 3. Bất nhẫn; 4. Không hổ thẹn; 5. Bất luật nghi. Do năm chủng tướng mà kiến lập bạn ác: 1. Không hổ thẹn; 2. Có tà kiến; 3. Có giải đãi; 4. Có tà hạnh; 5. Tánh nhu nhược thấp kém. Nên biết trái với 5 tướng đây kiến lập 5 chủng diệu tướng của người thiện thuyết và bạn lành.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên kiến lập Xa-ma-tha: 1. Xa-ma-tha do phần cận định nhiếp lấy thế gian; 2. Xa-ma-tha do căn bản định Sắc nhiếp lấy thế gian; 3. Xa-ma-tha do căn bản định Vô sắc nhiếp lấy thế gian; 4. Xa-ma-tha do tác ý Thanh văn, Độc giác nhiếp lấy xuất thế gian; 5. Xa-ma-tha do tác ý Bồ-tát nhiếp lấy xuất thế gian.

Lại nữa, do 5 chủng tướng nên kiến lập Tỳ-bát-xá-na: 1. Tỳ-bát-xá-na tận sở hữu tánh; 2. Tỳ-

bát-xá-na như sở hữu tánh; 3. Tỳ-bát-xá-na hữu tướng; 4. Tỳ-bát-xá-na tư cầu; 5. Tỳ-bát-xá-na quán sát.

Lại nữa, do 5 tướng nên kiến lập dục lậu: 1. Vì sự sanh tùy miên bất định địa; 2. Vì thuận theo ác hạnh; 3. Vì trái với tướng thiện; 4. Vì chìm đắm nơi các dục; 5. Vì năng sanh quả hoại khổ, khổ khổ. Các phiền não kia thuyết danh là dục lậu.

Lại nữa, do 5 tướng nên kiến lập hữu lậu: 1. Năng sanh các phiền não cảnh giới hạ liệt; 2. Năng sanh các phiền não cảnh giới trung; 3. Năng sanh các phiền não cảnh giới diệu; 4. Năng sanh các phiền não không vui muốn; 5. Năng sanh các phiền não có vui muốn.

Lược do 5 chủng tướng nên kiến lập dục tà giải thoát vô minh lậu: 1. Kế luận hữu tướng, do môn luận hữu tướng mà sanh khởi vô minh; 2. Kế luận vô tướng, do môn luận vô tướng mà sanh khởi vô minh; 3. Kế luận phi hữu tướng phi vô tướng, do môn luận phi hữu tướng phi vô tướng mà sanh khởi vô minh; 4. Kế luận đoạn kiến, do môn luận đoạn kiến mà sanh khởi vô minh; 5. Kế luận hiện pháp Niết-bàn, do môn luận hiện pháp Niết-bàn mà

sanh khởi vô minh.

Lại nữa, do 5 tướng nên biết đạo lý các pháp có sự sai khác: 1. Do tướng: do sở y và do đi đứng; 2. Do thể: do tướng tự thể và tướng sai biệt; 3. Do nghiệp: do tự tác dụng và hạnh tà chánh; 4. Do pháp: do nhiễm tịnh và do thắng nghĩa đế, thế tục đế; 5. Do nhân quả: do xa, gần và do ái, phi ái.

Lại nữa, có 3 chủng luận: 1. Luận lắng nghe rốt ráo: là các chú thuật ác của Bà-la-môn; 2. Luận tranh tụng rốt ráo: là nhân minh luận của các ngoại đạo; 3. Luận chánh hạnh rốt ráo: là thánh giáo của chư Phật.

Lại có 3 luận: 1. Luận vô nghĩa; 2. Luận tà nghĩa; 3. Luận đệ nhất nghĩa. Ba luận như vậy tùy chỗ thích hợp nên biết như trước.

Lại có 3 luận: 1. Luận kiêu loạn xảo trá; 2. Luận hư ngụy; 3. Luận xuất ly quả khổ. Ba luận như vậy tùy chỗ thích hợp nên biết như trước.

Lại nữa, nếu muốn tạo luận, trước phải quy lễ cung kính hai điều mới có thể tạo luận. Cung kính pháp: trước nên quy lễ luận gốc của Đại sư. Cung kính nghĩa: lại nên quy lễ nghĩa mà thầy đã khai thị, xiển dương.

Người muốn tạo luận cần yếu phải đủ 6 nhân mới nên tạo luận: 1. Muốn pháp nghĩa được lưu bố rộng; 2. Muốn vô lượng hữu tình tin hiểu, do nhân duyên đây hữu tình tùy theo một luận năng nhập chánh pháp; 3. Vì muốn khai hiển chủng chủng nghĩa môn trọng yếu bị thất lạc; 4. Vì muốn tóm lược nghĩa phân tán rộng; 5. Vì muốn hiển phát nghĩa thâm sâu; 6. Muốn dùng chủng chủng ngôn từ chính xác vi diệu để trang nghiêm pháp nghĩa khiến người sanh tịnh tín.

Muốn tạo luận cần đủ bốn đức, trước phải tự an tịnh sau mới tạo luận: 1. Đối với các thầy đi trước phải lìa kiêu mạn; 2. Đối với các loại hữu tình sanh khởi đại bi; 3. Đối với bạn đồng pháp thâm sanh quý kính; 4. Không muốn biểu hiện văn chương của mình có tài năng vượt hơn.

Sao gọi là đối với các thầy đi trước phải lìa kiêu mạn? Khi tạo luận không có tâm như vậy: “Các thầy đi trước còn tạo luận, huống chi ta nay chẳng tạo ư?”. Phải lìa nhiễm tâm kiêu mạn như vậy mới nên tạo luận.

Sao gọi là đối với các loại hữu tình sanh khởi đại bi? Khi tạo luận nên quán như vậy: “Nếu không



tạo luận thì vô lượng hữu tình nhất định sẽ thối thất thiện pháp. Lại các hữu tình khác sẽ đọa trong sanh lão bệnh tử... cho đến nói rộng. Nhân ta tạo luận đây, năng giải thích rõ ràng, nhấn đến khéo nói diệu nghĩa của một câu thiện như vậy, cần phải phụng hành như vậy, thì hữu tình kia trong đêm dài tất thu được nghĩa lợi ích an lạc rộng lớn”. Phải phát tâm tăng thượng như vậy rồi mới tạo luận.

Sao gọi là đối với bạn đồng pháp thâm sanh quý kính? Khi tạo luận nên quán như vậy: “Nếu ta không tạo luận, các bạn đồng pháp đối với việc lợi tha nhất định sẽ bị thối thất”.

Sao gọi là không muốn biểu hiện mình có tài năng vượt hơn? Khi tạo luận không khởi tâm như vậy: “Sẽ khiến thế gian đều gọi ta là bậc thông tuệ minh triết, là bậc năng tạo luận khai hiển xiển dương diệu nghĩa, nên sanh sâu tịnh tín. Nhân đây ta thu được nhiều lợi dưỡng cung kính”. Lúc tạo luận đây chỉ vì muốn tăng trưởng thiện căn của mình và người, nên dùng tâm vô nhiễm mà năng tạo luận.

Lại nữa, trong đây khai hiển như thật hiển

bày nghĩa kinh mà Như Lai sở thuyết, gọi là trang nghiêm kinh. Thí như hoa sen hồng chưa nở, tuy sanh hoan hỷ cũng không như lúc hoa đã nở tươi tốt. Lại như chân kim chưa làm thành đồ trang sức, tuy sanh hoan hỷ cũng không như lúc thành đồ trang sức. Lại như thức ăn ngon mà chưa được ăn, tuy sanh hoan hỷ cũng không như đã được ăn. Lại như thư mừng, tuy sanh hoan hỷ cũng không như đã mở ra xem. Lại như trân bảo đang hiện có được, tuy sanh hoan hỷ cũng không như hiện tiền được thọ dụng. Như vậy nghĩa kinh mà Như Lai sở thuyết, nếu chưa khai triển hiển bày, tuy sanh hoan hỷ cũng không như đã được rộng khai thị nghĩa. Cho nên nói: “Tạo luận gọi là trang nghiêm kinh”.

Lại nữa, lược có 7 chủng thông đạt: 1. Thông đạt chữ là thông đạt thường; 2. Thông đạt nghĩa chữ là thông đạt vô thường; 3. Thông đạt năng thủ là căn, thức... thông đạt an lập đế hay phi an lập đế; 4. Thông đạt nghĩa năng thủ như thông đạt năng thủ; 5. Thông đạt hệ phược là thông đạt tướng phược, hoặc thô trọng phược; 6. Thông đạt giải thoát trái với tướng thông đạt hệ phược; 7.

Thông đạt pháp tánh là năng thông đạt pháp tánh an trụ, pháp giới an trụ, không phải từ tự tánh Tự tại thiên, sĩ phu... mà có.

Lại nữa, do 10 tướng nên đầy đủ đa văn: 1. Vì thuyết của bậc thiện thuyết; 2. Vì thuyết hiển rõ văn câu; 3. Vì thuyết tận sở hữu nghĩa, như sở hữu nghĩa; 4. Vì thuyết phương tiện gia hạnh an lạc; 5. Vì thuyết lia các khổ. Lại có thêm 5 chủng: 1. Vì không xét tìm lỗi lầm mà lắng nghe pháp; 2. Vì chỉ cầu Niết-bàn mà nghe pháp; 3. Vì khéo nghe pháp; 4. Vì nghe pháp sâu xa; 5. Vì ở nơi nghĩa danh, cú, văn thân, quán sát sâu xa mà nghe pháp.

Ở trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.



## *Quyển 65*

### **Thứ 11. TƯ SỞ THÀNH TUỆ ĐỊA**

#### **Phần 1**

Như vậy đã thuyết quyết trạch Văn sở thành tuệ địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Tư sở thành tuệ địa**.

Nếu nói tóm lược thì ở địa đây có 4 chủng nghi bàn: 1. Nghi bàn sự: nương sáu sự, đó là sự uẩn cho đến sự căn; 2. Nghi bàn có, chẳng phải có: như phần *Bản địa* đã thuyết; 3. Nghi bàn nhân quả: như *Có tâm có tứ địa* đã thuyết; 4. Nghi bàn thừa: như phần *Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát địa* đã thuyết.

Lại nữa, lược có 2 chủng nghi bàn tư duy: 1. Nghi bàn tư duy ác: như phần *Bản địa* đã thuyết. Nếu nương phẩm hắc, như có người ở nơi vô minh... không nên tư duy mà lại khởi nghi bàn tư duy. 2. Nghi bàn tư duy thiện: trái với tướng trên.

Như tư duy ác, tư duy thiện, thì chỗ dẫn phi pháp, chỗ dẫn pháp; chỗ dẫn phi Tỳ-nại-da, chỗ

dẫn Tỳ-nại-da; phi thánh, thánh; bất thiện, thiện; không nên tu, nên tu; không tốt, tốt; hắc, bạch; dẫn vô nghĩa, dẫn có nghĩa; hạ liệt, vi diệu; có tội, không tội; nên xa lìa, không nên xa lìa... nên biết cũng vậy.

Lại nữa, như Thế Tôn nói: “Các thánh đệ tử có biết là có, chẳng có biết là chẳng có”. Trong đây sao gọi là có? Sao gọi là chẳng có? Lược do 2 tướng nên biết là có. Những gì là hai? 1. Vì hiện tại sanh, đã sanh nên biết là có; 2. Vì thật vật, vì sự, vì nghĩa, vì viên thành thật nên biết là có.

Sao gọi là nên biết lược thuyết tướng thật có và tướng giả có? Nếu có các pháp không chờ đợi cái khác, không nương cái khác thì thiết tự tướng, nên biết lược thuyết là tướng thật có. Nếu có các pháp chờ đợi nơi cái khác, nương vào cái khác mà thì thiết tự tướng, nên biết lược thuyết là tướng giả có, chẳng phải thật vật có. Đó là lấy tướng sự các uẩn như sắc... làm chỗ chờ đợi, làm chỗ nương mà thì thiết có ngã và hữu tình... cho đến nói rộng. Trong đây tướng sự các uẩn như sắc... là thật vật có. Ngã và hữu tình, mạng giả, sanh giả, số thủ thú... chẳng phải thật vật có, chỉ là giả có. Như ở nơi

tưởng sự các uẩn như sắc... giả lập ngã... thì tức ở nơi tưởng sự sắc... giả lập sắc... cũng vậy.

Lại ở nơi tưởng sự sắc, hương, vị, xúc mà giả lập uống, ăn, xe, nhà, quân, rừng, các vật dụng khác...

Lại ở nơi có tưởng sự các pháp hữu vi mà giả lập chủng tử sanh, lão, trụ, vô thường, có chỗ nương, không chỗ nương, đắc, mạng căn, chúng đồng phạm, danh thân, cú thân, văn thân, tánh dị sanh, hòa hợp, không hòa hợp, lưu chuyển, quyết định khác, tương ưng, thế tộc, thứ lớp, thời, phương, và số.

Lại chỉ lấy các sắc không chuyển động làm chỗ chờ đợi, làm chỗ nương mà giả lập hư không, hư không vô vi. Lại chỉ lấy danh trung gian không chuyển làm chỗ chờ đợi, làm chỗ nương mà giả thi thiết có Vô tướng đẳng chí, Diệt tận đẳng chí...

**Hỏi:** Ở trong nhân thành đạo lý, nương đạo lý nào có thể quyết định biết ngã chẳng phải thật có?

**Đáp:** Vì chẳng thể có được, vì chẳng thể thấy vậy.

Sao gọi là chẳng thể có được? Hoặc trong, hoặc ngoài, hoặc ở giữa hai, hoặc lìa các uẩn đều

chẳng thể có được.

Sao gọi là chẳng thể thấy? Vì như mắt... thật có các xứ mỗi mỗi riêng khác, nên có nghiệp dụng có thể thấy. Nhưng chỗ kế chấp ngã riêng có nghiệp dụng đều chẳng thể thấy. Như vậy vì tự tướng chẳng thể đắc, vì nghiệp dụng riêng chẳng thể thấy, nên biết chỗ kế chấp ngã chẳng phải thật có.

**Hỏi:** Nếu như vậy ngã bên trong, bên ngoài... đều chẳng thể có được, cũng chẳng thể thấy. Có sao các ngoại đạo xuất gia... cũng có được, cũng thấy được, do nhân duyên đây vui thích hiển thị kiến lập thật có?

**Đáp:** Chẳng có được, chẳng thấy được. Chỉ do thân kiến cùng với ngã mạn làm chỗ nương mà khởi tà phân biệt, khởi tà kế chấp, không như chánh lý, vui thích hiển thị kiến lập là có.

**Hỏi:** Sao nói vì biết ngã chẳng phải thật có, vì chẳng phải hiện có, nên chẳng thể đắc cũng chẳng thể thấy?

**Đáp:** Các kẻ kế chấp ngã là thật có đây là cực xa bờ kia, không vượt qua bốn chủng: 1. Kế chấp cho ngã tức là các uẩn; 2. Kế chấp cho ngã khác với

các uẩn, trụ trong các uẩn; 3. Kế chấp cho ngã chẳng phải tức các uẩn mà khác các uẩn, chẳng phải trụ trong uẩn mà trụ khác uẩn, trong lìa pháp uẩn; 4. Kế chấp cho ngã chẳng phải tức các uẩn mà khác các uẩn, chẳng phải trụ trong uẩn, cũng chẳng trụ nơi khác; ở trong các uẩn lìa pháp uẩn; không có uẩn, đều chẳng tương ưng tất cả pháp uẩn.

Kẻ nương ngã phân biệt kế chấp là có đều nhiếp vào trong bốn chủng kế chấp đây. Ngoài đây ra không có kế chấp nào hoặc thêm hoặc hơn. Tất cả kế chấp tánh ngã thật có như vậy đều không đúng đạo lý. Vì cơ sao?

Nếu kế chấp “ngã tức là các uẩn, chẳng phải khác các uẩn”, vậy thì ngã đây chỉ ở nơi các uẩn mà giả kiến lập, điều này thành có lỗi. Vì cơ sao? Các uẩn vô thường, cùng tương ưng với mỗi tự tướng. Vì ngã tức kia nên tánh chẳng phải thường, chẳng phải một, chẳng phải thật có. Cho nên kế chấp đây không đúng đạo lý.

Lại, nếu kế chấp “ngã khác các uẩn”, thì ở nơi kế chấp đây ngã ấy là vô thường, hay ngã ấy là thường?

Nếu vô thường, thì chỗ kế chấp ngã đây sát-



na khởi khác, sát-na diệt khác, xứ đây sanh khác, xứ kia chết khác, làm khác, thọ khác, điều này thành có lỗi. Lại khác các uẩn riêng có một ngã, hoặc trong hoặc ngoài hoặc ở giữa hai, có sanh có diệt đều chẳng thể có được. Cho nên kế chấp đây không đúng đạo lý.

Nếu ngã là thường, tức không có biến đổi, vì tướng thường vậy. Sự kế chấp đây tức là ngã không biến đổi. Vậy thì hai nhân duyên ngã bị biến đổi đều không đúng lý, đó là ở hiện tại và ở vị lai. Ở vị lai nếu ngã không biến đổi, liền lẽ không sanh, không lão, không bệnh, không tử, không tổn hoại; cũng lại chẳng nên có lúc làm trời, có lúc làm người, có lúc làm bàng sanh, có lúc làm quỷ thú, có lúc làm chúng sanh ở địa ngục... Ở hiện pháp nếu ngã không biến đổi, liền lẽ ở nơi chủng chủng cảnh giới ái, phi ái kia... không lạc, không khổ, không ái, không khuể, cũng không có si. Nói tóm lại chẳng lẽ do khổ lạc... mà bị biến đổi, cũng chẳng lẽ tùy theo một tham... phiền não và tùy phiền não... mà bị biến đổi. Như vậy vì ngã ở hiện pháp, đương lai không biến đổi, thì chẳng nên chịu sự nhiều ích của lạc, cũng không nên bị phụ thuộc bởi

sự nhiễm ô của các phiền não kia, chẳng nên nhân đây hành pháp, phi pháp; chẳng nên chịu sự tổn hại của khổ, cũng chẳng nên bị phụ thuộc bởi sự nhiễm ô của các phiền não kia, chẳng nên nhân đây hành pháp, phi pháp.

Như vậy, ngã đây vì trong hiện pháp chẳng tương ưng cùng pháp, phi pháp; vì đời vị lai không nhân duyên có thân ái, phi ái, nên chẳng được sanh. Do đạo lý đây, ông không nên kể chấp “ngã đây thường trụ”, bởi trong mỗi thân riêng có sự biến đổi và ở đời đương lai chủng chủng sanh, lão, tử... biến đổi. Như vậy, ngã đây nếu thường trụ như ông nói, liền trong mỗi thân không có lúc sanh, lão, bệnh, tử... không có lúc lạc, không có lúc khổ và không có lúc nhiễm ô, lẽ phải rốt ráo giải thoát thanh tịnh. Cho nên kể chấp đây không đúng đạo lý.

Lại nếu kể chấp “có ngã khác với các uẩn, trụ khác các uẩn, trong lìa pháp uẩn” thì điều hiển rõ rằng: nếu xa lìa các uẩn thì tự tướng ngã còn chẳng thể đắc, hà huống có chỗ cho ngã an trụ! Thí như có người nói: “Tôi biết thạch nữ không hoa cài tóc”, nên biết kể chấp kia cũng lại như vậy. Cho

nên kế chấp đây không đúng đạo lý.

Lại nếu kế chấp “vì có ngã chẳng tương ưng cùng tất cả pháp uẩn nên không có uẩn”, chỗ kế chấp ngã đây nếu không có uẩn liền không có sắc, chẳng phải tương ưng thân; cũng chẳng phải tương ưng thọ khổ lạc...; cũng chẳng phải tương ưng các nhóm tướng sai biệt; cũng chẳng phải tương ưng tư duy thiện, bất thiện, vô ký; cũng chẳng phải tương ưng với thọ dụng ý phân biệt cảnh giới sắc... Như vậy ngã đây ứng với không chỗ nương, không thọ, không tưởng, không tư lường, cũng không phân biệt. Vậy thì ngã đây chẳng cần dụng công liền không có nhiệm ô, rốt ráo giải thoát. Cho nên kế chấp đây không đúng đạo lý.

Lại, tất cả kẻ nương ngã phân biệt hư vọng kế chấp ngã kia không thành tựu, nên biết ngã... ở trong các uẩn chỉ là giả kiến lập, chẳng phải thật có vật. Do ngã chẳng phải có, duy chỉ có uẩn, nên tất cả đạo lý tạp nhiễm thanh tịnh đều được thành tựu. Đó là vì có nội ngoại các xứ sanh, nên ở trong hiện pháp khởi vô minh xúc, do đây nơi thân liền có lãnh thọ nhiều ích, tổn giảm. Do đây làm duyên phát khởi ái hòa hợp, chia lìa... và hữu nương tất cả

phiền não, tùy phiền não đây mà chuyển. Do nghĩa đây nên nghiệp tịnh, bất tịnh sanh khởi có được. Vì nghiệp phiền não sanh khởi như vậy, đương lai lại có tất cả pháp khổ sanh lão tử... đều tất được sanh. Như vậy, ở trong uẩn vô thường vì không có thật ngã, nên đạo lý tạp nhiễm đều được thành tựu.

Lại do từ người được nghe chánh pháp, bèn trong chánh tác ý làm nhân duyên, nên xa lìa vô minh, phát khởi minh. Do không ngu si, nên liễu đạt các thọ đều là khổ. Do đây năng đoạn sở hữu tham ái ở trong các thọ và đoạn tất cả phiền não hoặc tùy phiền não nương trong ấy. Do nhân duyên đây năng cảm nghiệp hậu hữu tịnh, bất tịnh chẳng lại sanh khởi. Như vậy do nghiệp phiền não đoạn diệt, nên tất cả hậu hữu và các khổ như sanh... vĩnh viễn chẳng sanh trở lại. Như vậy, vì không có ngã, duy chỉ có uẩn, tất cả đạo lý thanh tịnh tạp nhiễm đều được thành tựu.

Lại nữa, trong đây giả lập tất cả hữu tình, chỗ gọi là hữu tình không chân, hai chân, bốn chân, nhiều chân, hữu sắc, vô sắc, hữu tướng, vô tướng, phi tướng phi phi tướng xứ. Nên biết 9 chủng hữu

tình như vậy lược do 3 chủng nhân duyên mà được kiến lập, tổng nhiếp tất cả loài hữu tình, đó là: 1. Nương thân chuyển động đến đi sai biệt kiến lập hữu tình không chân cho đến nhiều chân; 2. Nương thân sai biệt kiến lập hữu tình hữu sắc, vô sắc; 3. Nương tâm sai biệt kiến lập hữu tình hữu tướng, vô tướng, phi tướng phi phi tướng xứ.

Lại có ngoại đạo xuất gia tên là Ly Hệ nói lời như vậy: Tất cả cây... thảy đều có mạng, vì thấy bên trong kia và pháp số mạng cùng tăng trưởng.

Nên bảo kia rằng: Ông muốn thế nào, cây... tăng trưởng là mạng làm nhân, hay nhân khác khiến tăng trưởng? Nếu kia chỉ dụng mạng làm nhân, thì kia chưa xả mạng mà có lúc không tăng trưởng, nên đây không đúng đạo lý. Nếu có nhân khác khiến tăng trưởng, thì kia tuy không có mạng mà do tự nhân duyên cũng được tăng trưởng, nên đây cũng không đúng đạo lý.

Lại nên bảo kia rằng: Ông muốn thế nào, các vật... không mạng, không được tăng trưởng là nói có nhân hay nói không nhân? Nếu nói có nhân, vì nói nhân duyên đây chẳng thể có được, nên đây không đúng đạo lý. Nếu nói không nhân, thì không

nhân mà nói, mà tất lẽ vậy, thì không đúng đạo lý.

Lại nên bảo kia rằng: Ông muốn thế nào, các vật như cây... cùng với vật có mạng là một hương giống nhau, hay chẳng một hương giống nhau? Nếu nói một hương giống nhau, thì vật như phần dưới rễ cây đâm sâu xuống đất, phần thân trên tăng trưởng, chẳng thể tự nhiên thân cây dao động. Lại chẳng từng thấy các cây có cùng ngôn ngữ mà lại không hỏi thăm qua lại, vật có mạng thì chẳng vậy. Lại chẳng từng thấy các cây có nghiệp tịnh, bất tịnh chuyển, vật có mạng thì chẳng vậy. Lại chẳng từng thấy chặt cành cây này rồi ở xứ khác lại sanh, vật có mạng thì chẳng vậy. Cho nên đây không đúng lý. Nếu nói chẳng một hương giống nhau, vậy thì do giống nhau mà năng có thọ mạng, do chẳng giống nhau nên không có thọ mạng, thì không đúng đạo lý.

Như vậy, vì nhân khác tăng trưởng hoặc có hoặc không có; vì vật không thọ mạng chẳng tăng trưởng, nói nhân hoặc có hoặc không có; vì một hương, không phải một hương giống nhau, chỗ kế chấp của kia đều không đúng đạo lý.

**Hỏi:** Duyên nào nên biết sắc, hương, vị, xúc

như vậy như vậy an lập riêng khác, các tướng sự vật như uống ăn, xe cộ, bình bồn, y phục, vật trang nghiêm... đều là giả có?

Đáp: Do tướng vật kia hoặc ở trong xứ tướng tụ vật sắc... đây có tướng vật này chuyển, hoặc ở trong xứ tướng tụ vật sắc... đây có tướng vật kia chẳng chuyển. Nếu ở trong xứ tướng tụ sắc... có tướng ăn chuyển, thì chẳng phải ở xứ ấy có tướng uống... chuyển. Nếu ở xứ có tướng xe cộ chuyển, chẳng phải ở xứ ấy có tướng y phục... chuyển. Như vậy, xứ còn lại cho đến rộng thuyết các tướng giả có hoặc chuyển, không chuyển nên biết cũng vậy. Tất cả tướng sự sắc, hương, vị, xúc khắp ở trong tất cả các tướng sự uống ăn, xe cộ, bình bồn, y phục, vật trang nghiêm... không sai biệt mà chuyển. Cho nên biết uống ăn, xe cộ, bình bồn, y phục, vật trang nghiêm... đều là giả có. Sắc, hương, vị, xúc là thật vật có.

Lại nương các pháp có kiến lập giả tướng vật, chẳng phải một mà nhiều chủng chủng phẩm loại, nên biết lược chung có hai chủng: 1. Nương một tụ; 2. Nương chẳng phải một tụ. Riêng mỗi một uống, ăn, bình bồn, y phục, vật trang nghiêm... gọi là

nương một tụ. Các nghề nghiệp như họa trên lụa, điêu khắc, nặn tượng... các nghiệp như nhà cửa, quán trọ, cung điện, quân, rừng... gọi là nương chẳng phải một tụ.

Lại nữa, sao gọi *các pháp hữu sắc*? Nếu nói lược có mười sắc xứ và sắc nhiếp thuộc pháp xứ. Do các sắc kia đầy đủ tự tướng sắc, tức lấy sự đây trở lại thuyết sự đây, cho nên gọi là các pháp có sắc. Pháp có sắc đây do 5 chủng tướng sai biệt kiến lập. Những gì là năm? 1. Do sự; 2. Do tự tướng; 3. Do cộng tướng; 4. Do giới; 5. Do nghiệp.

Do sự: Tất cả các sở hữu sắc kia hoặc là bốn đại chủng, hoặc là bốn đại chủng sở tạo, nên biết gọi là lược nhiếp sự sắc. Ngoài đây ra không có hoặc hơn hoặc thêm.

Do tự tướng: Tự tướng của các sắc có 3 chủng: 1. Sắc thanh tịnh; 2. Sắc do thanh tịnh nắm lấy; 3. Sắc do ý nắm lấy. Đó là năm sắc thanh tịnh do bốn đại chủng tạo thành, năm thức nương tựa nhiếp thuộc nhãn xứ... gọi là sắc thanh tịnh. Năm cảnh sắc... đồng phạm với cảnh giới của sắc thanh tịnh, gọi là sắc do thanh tịnh nắm giữ. Nếu các sắc thanh tịnh cùng thức và đồng cảnh của thức, gọi là



sắc đồng phạm. Nếu các sắc thanh tịnh lia thức, trước sau tự loại tương tục mà chuyển, gọi là sắc kia đồng phạm. Sắc của ảnh tượng sở hành tam-ma-địa gọi là sắc do ý nắm giữ.

Do cộng tướng: Cộng tướng của các sắc cũng có 3 chủng: 1. Tất cả sắc nương dựa phương xứ riêng biệt mà được an lập, có thể tuyên thuyết phương xứ sai biệt, gọi là cộng tướng thứ nhất; 2. Tất cả sắc hoặc thanh tịnh, hoặc nắm lấy tướng tăng giảm thanh tịnh, gọi là cộng tướng thứ hai; 3. Tất cả sắc đây nếu tiếp xúc với sự xúc chạm tức liền biến hoại, hoặc do dùng tay chân, khối cục, dao gậy... hoặc do lạnh nóng, đói khát, muỗi mòng, nắng gió, rắn rít... gọi là cộng tướng thứ ba.

Do giới: Nếu do sự sanh khởi của các nghiệp thuộc Sắc ái định địa, gọi là sắc của Sắc hành. Nếu do sự sanh khởi của các nghiệp thuộc Sắc ái bất định địa, gọi là sắc của Dục hành. Các sắc như vậy do giới sai biệt lược có 2 chủng. Trong Vô sắc giới không có sắc như vậy.

Do nghiệp: Như trước đã thuyết các sắc cộng tướng, đó là lúc tiếp xúc với các sự xúc chạm tức liền biến hoại, cộng tướng như vậy chẳng phải

khắp tất cả. Các sở hữu sắc của Dục giới, trừ cõi trời Dục giới, còn lại thì khắp tất cả. Sở hữu các sắc ở cõi trời Dục giới chỉ do sự xúc chạm của tay chân, dao gậy, khối cục... mới bị biến hoại, không do sự xúc chạm của lạnh nóng, đói khát... mà bị biến hoại. Do ở cõi trời kia các vật nuôi thân, các thức uống ăn... tùy muốn mà hiện ra, cho nên cõi trời kia không bị sự tổn hại bởi đói khát... Các sở hữu sắc Sắc giới không do sự xúc chạm của tay chân, khối cục, dao gậy... tiếp xúc, cũng chẳng do các xúc chạm khác mà khiến bị tổn hoại. Nếu thân nghiệp, ngữ nghiệp hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký là nghiệp sắc, nên biết gọi là nghiệp sắc sai biệt.

Sao gọi là *các pháp vô sắc*? Cũng do 5 tướng sai biệt kiến lập, nên biết tướng ấy trái với tướng các pháp hữu sắc.

Lại nữa, lược do 2 chủng tụ sắc mà kiến lập các tụ: 1. Tụ bất cộng đại chủng; 2. Tụ chẳng phải bất cộng đại chủng.

Tụ bất cộng đại chủng: ở bên trong chỉ có một loại đại chủng. Tụ chẳng phải bất cộng đại chủng: ở bên trong có hai loại đại chủng, hoặc nhiều loại

đại chủng.

Lại ở trong tụ bất cộng đại chủng, từ cực vi trở lên các đại chủng hợp lại, nên biết các đại chủng sắc mới có lẫn tạp không lìa nhau, các đại chủng sắc không có cùng một xứ không lìa nhau.

Ở trong tụ chẳng phải bất cộng đại chủng, đó là đại chủng cực vi, như sắc sở tạo và đại chủng khác, nên biết cũng có cùng một xứ không lìa nhau.

Nhưng đại chủng kia chẳng phải sắc sở tạo, vì xoay vần không nương lẫn nhau mà được chuyển, vì mỗi mỗi có công năng nương tựa xứ riêng. Lại một xứ không lìa nhau đó là các đại chủng và sắc sở tạo đồng trụ một xứ. Như cái rương bên trong đựng ngọc châu phát ánh sáng xanh, vàng, đỏ trắng... vô số ánh sáng đan xen lẫn nhau không lìa nhau. Lẫn tạp không lìa nhau, chỗ có thí dụ nên biết như trước. Lại nếu có tụ hoặc lúa, hoặc đậu, hoặc tụ đường cát mịn... đem trộn lẫn với nhau. Nên biết đây chẳng phải cùng một xứ không lìa nhau, cũng chẳng phải lẫn tạp không lìa nhau, mà là hòa hợp không lìa nhau. Bởi kia chỉ do nhiều tụ tụ tập lại, chẳng phải tương một tụ. Nên biết còn lại là tương một tụ. Lại lẫn tạp không lìa nhau nên biết nương

một xứ không lìa nhau. Đây nếu chẳng vậy thì không đúng đạo lý.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp có thể thấy*? Do 5 chủng tướng kiến lập các pháp có thể thấy sai biệt. Những gì là năm? 1. Do hiển sắc; 2. Do hình sắc; 3. Do biểu sắc; 4. Do cảnh giới nhãn; 5. Do sở duyên nhãn thức.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không thể thấy*? Cũng do 5 tướng sai biệt kiến lập, nên biết tướng ấy trái với tướng các pháp có thể thấy.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp có đối ngại*? Do 5 chủng tướng kiến lập các pháp có đối ngại sai biệt. Những gì là năm? 1. Do mỗi mỗi nương tựa xứ riêng mà an trụ; 2. Do ở nơi các tụ sắc khác dung thọ nghiệp qua lại... làm chướng ngại; 3. Do chịu sự xúc chạm của tay chân, dao gậy, đá sỏi... tiếp xúc liền bị biến hoại; 4. Do tất cả đều là các sắc do thanh tịnh nắm giữ; 5. Do tất cả đều nương sở duyên thức sắc thanh tịnh.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không đối ngại*? Cũng do 5 tướng sai biệt kiến lập, nên biết tướng ấy trái với tướng các pháp có đối ngại.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không thể thấy*,

*không đối ngại?* Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp không thể thấy, không đối ngại sai biệt. Những gì là năm? 1. Do nhân duyên; 2. Do nương tựa nơi chốn; 3. Do hiển hiện; 4. Do không biến đổi; 5. Do sở duyên.

Đó là các sắc do thắng giải cùng tam-ma-địa có đầy đủ uy đức, nên biết gọi là nhân duyên sanh sắc không thể thấy, không đối ngại. Kia đã sanh rồi nơi chốn mới có được cho nên gọi là sắc, tuy không tương ưng cùng tự tướng của mười hữu sắc xứ kia, nhưng được hiển hiện giống như tự tánh kia, ở nơi tự sắc khác dung thọ nghiệp qua lại... chẳng bị chướng ngại. Lại chẳng phải tất cả sắc của thanh tịnh cùng nương cảnh giới của thức nắm giữ, cũng chẳng phải sở duyên, cho nên gọi là không thể thấy không đối ngại. Tay chân... xúc chạm chẳng năng tổn hoại, cho nên gọi là không có biến đổi. Lại căn bản định gọi là tam-ma-địa đầy đủ uy đức, sắc đây là sở duyên của kia, chẳng phải sắc khác. Thí như chẳng phải tất cả tâm đều năng biến hóa, chỉ sở hữu tâm đầy đủ đại uy đức mới có thể được, chẳng phải tâm khác. Đây cũng như vậy. Cần yếu tâm đủ uy đức cực định tĩnh mới năng làm duyên

sanh các sắc không thể thấy không đối ngại đây. Như hóa sắc đây cũng không phải tâm chẳng đủ đại uy đức và cảnh giới sở duyên của tâm bất định, chỉ là cảnh giới sở duyên của tâm cực định tĩnh.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp có thể thấy, có đối ngại*? Cũng do 5 tướng sai biệt kiến lập, nên biết tướng ấy trái với tướng các pháp có thể thấy, có đối ngại.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp hữu lậu*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp hữu lậu sai biệt. Những gì là năm? 1. Do sự; 2. Do tùy miên; 3. Do tương ưng; 4. Do sở duyên; 5. Do sanh khởi.

Do sự: là nội sắc thanh tịnh hoặc cùng nương nhau, hoặc không cùng nương nhau với ngoại sắc, hoặc các tâm tâm sở nhiễm ô, hoặc các tâm tâm sở thiện, vô ký... Sự hữu lậu đây tùy chỗ thích hợp do bốn tướng khác nên gọi là hữu lậu, đó là do tùy miên, do tương ưng, do sở duyên và do sanh khởi.

Do tùy miên: hoặc ở nơi các sắc thanh tịnh và ở trong tất cả tâm tâm sở như trước đã thuyết, chủng tử phiền não chưa đoạn trừ, chưa bị tổn hại, gọi là tùy miên, cũng gọi là thô trọng. Hoặc kia cho đến chưa đoạn không sót thừa, nên biết tất cả

do tùy miên, gọi là hữu lậu.

Do tương ưng: hoặc do các tâm tâm sở nhiễm ô tương ưng lẫn nhau, gọi là hữu lậu.

Do sở duyên: hoặc các hữu sự, hoặc sở hành hiện lượng, hoặc hữu lậu phát sanh do tăng thượng sanh khởi. Như vậy tất cả lậu vì sở duyên gọi là hữu lậu. Trong đây, hiện tại gọi là hữu sự, quá khứ vị lai gọi là phi hữu sự. Hoặc nương sở hành thức sắc thanh tịnh, gọi là sở hành hiện lượng. Hoặc sở hành khác nên biết gọi là sở hành phi hiện lượng. Hoặc nội các xứ tăng thượng sanh khởi tất cả ngoại xứ, gọi là hữu lậu phát sanh do tăng thượng sanh khởi. Chỉ những sở duyên nêu trên mới được gọi là hữu lậu. Vì cơ sao? Hoặc vì duyên quá khứ vị lai phát khởi các phiền não, mà quá khứ vị lai chẳng phải hiện hữu sự việc, nên không do sở duyên mà được gọi là hữu lậu. Hoặc sự việc hiện tại chẳng phải sở hành hiện lượng, như sắc thanh tịnh cùng tất cả tâm tâm sở nhiễm ô, thiện, vô ký kia cũng chẳng phải sở duyên phiền não mà được gọi là hữu lậu. Chỉ do tự nó phân biệt khởi mà các phiền não khởi qua lại lẫn nhau, vì chẳng phải các pháp kia làm cảnh sở hành phân minh của đây.

Do sanh khởi: vì các tùy miên chưa vĩnh viễn đoạn trừ, vì thuận theo cảnh phiền não hiện tại tiền, vì ở nơi kia hiện khởi không như lý tác ý. Do nhân duyên đây các sở hữu pháp đang sanh, đã sanh, hoặc lại sẽ sanh, tất cả như vậy do sanh khởi nên gọi là hữu lậu. Lại từ các quả dị thực của tất cả phiền não bất thiện, cùng với các quả dị thực tăng thượng dẫn dắt ngoại sự sanh khởi, như vậy vì tất cả cũng được sanh khởi nên gọi là hữu lậu. Lại do sắc vô ký hệ thuộc vô sắc, nên tất cả phiền não tiếp nối sanh, vì kia tiếp nối sanh cũng sanh khởi, gọi là hữu lậu.

Như vậy gọi là do 5 tướng nên kiến lập các pháp hữu lậu sai biệt, đó là: do sự, do tùy miên, do tương ưng, do sở duyên và do sanh khởi.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp vô lậu*? Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp vô lậu sai biệt. Những gì là năm?

1. Vì có các pháp do lia các triền nên gọi là vô lậu. Đó là các sắc của tất cả tâm tâm sở thiện vô ký sở y, sở duyên cùng các tâm tâm sở thiện vô ký.

2. Vì có các pháp do tùy miên đoạn, nên gọi là vô lậu. Đó là chỗ có các thiện đã vĩnh viễn đoạn



trừ tất cả phiền não kiến tu sở đoạn, cùng một phần sắc sở tạo vô ký, hoặc các vô ký, hoặc các tâm tâm sở thiện thế gian.

3. Vì có các pháp do đoạn diệt, nên gọi là vô lậu. Đó là tất cả tâm tâm sở nhiễm ô kia chẳng chuyển nên gọi là vô lậu. Do kia không chuyển, hiển rõ Niết-bàn, tức Niết-bàn đây gọi là vô lậu.

4. Có các pháp là kiến sở đoạn, vì đối trị đoạn trừ nên giải thoát khỏi tự tánh kia, gọi là vô lậu. Đó là tất cả kiến đạo.

5. Có các pháp là tu sở đoạn, vì đối trị đoạn trừ nên tương tục giải thoát khỏi tự tánh của kia, nên gọi là vô lậu. Đó là tất cả tu đạo và đạo vô học xuất thế gian.

Như vậy nên biết do 5 tướng mà kiến lập các pháp vô lậu sai biệt.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp hữu tránh*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp hữu tránh sai biệt. Những gì là năm? 1. Do sự; 2. Do nhân duyên; 3. Do tự tánh; 4. Do trợ bạn; 5. Do đẳng khởi.

Trong đây, năm thủ uẩn gọi là sự của pháp hữu tránh. Hoặc ái vị nhiễm trước, ái vị say mê ưa thích, gọi là nhân duyên tránh. Hoặc tánh vô

thường, tánh khổ, tánh pháp biến hoại, gọi là tự tánh hữu tránh. Tức ở nơi tránh đây mà vô trí ngu si gọi là trợ bạn tránh. Do nhân duyên đây, năm phẩm hắc chuyển gọi là đẳng khởi. Đó là do đấu tranh kiện tụng đảo lộn, đấm trước các dục, các kiến, hoặc là các chủng loại khác sanh khởi, là phẩm hắc đầu tiên. Hoặc thuận theo các phiền não triền không biết tầm quý, nhiều an trụ tánh kia, là phẩm hắc thứ hai. Hoặc có Sa-môn, hoặc Bà-la-môn trái nghịch chánh đạo, vui muốn khổ hạnh cùng tín giải khác, như tự nhịn đói, nhảy vào lửa, nhảy từ núi cao xuống... là phẩm hắc thứ ba. Hoặc thân ngữ ý hiện hành tất cả ác hạnh là phẩm hắc thứ tư. Vui muốn hậu hữu là phẩm hắc thứ năm.

Trong đây, phẩm hắc ban đầu do tâm sanh oán hận phát khởi giận dữ, nên trụ không an ổn. Phẩm hắc thứ hai do các phiền não thiêu đốt bên trong, nên trụ không an ổn. Phẩm hắc thứ ba do tự thề nguyện chịu khổ lao nhọc hão huyền vô nghĩa, nên trụ không an ổn. Phẩm hắc thứ tư do sanh vào đường ác, nên trụ không an ổn. Phẩm hắc thứ năm do các khổ sanh lão tử... tụ tập, nên trụ không an ổn.

Trong đây năm thủ uẩn là sự của hữu tránh. Sự đây cùng tự tánh tránh, lại cùng với nhân duyên, trợ bạn, đẳng khởi nương tựa nhau, nên gọi là pháp hữu tránh.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp vô tránh*? Do 5 tướng kiến lập các pháp vô tránh sai biệt, đó là trái với năm tướng hữu tránh ở trên. Trong đây năm thủ uẩn không, gọi là sự của pháp vô tránh. Do tự tánh tránh cùng với nhân duyên, trợ bạn, đẳng khởi ở trong các pháp kia chẳng thể được, nên gọi là pháp vô tránh.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp có nhiễm*? Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp có nhiễm sai biệt. Những gì là năm? Đó là do sự, do nhân duyên... năm tướng sai biệt như trước nói rộng.

Do sự: là năm hữu thủ uẩn.

Do nhân duyên: các pháp nhân duyên là ái vị hỷ lạc.

Do tự tánh: tức đây làm duyên sanh khởi, nhiếp thuộc ái vị hỷ lạc.

Do trợ bạn: ở nơi ái vị lại thêm tham trước.

Do đẳng khởi: là năm phẩm hắc nên biết như trước. Sự do năm thủ uẩn cùng tự tánh có nhiễm,

lại cùng với nhân duyên, trợ bạn, đẳng khởi nương tựa nhau, gọi là có nhiễm.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không nhiễm*? Do 5 tướng kiến lập các pháp không nhiễm sai biệt, đó là trái với 5 tướng trên. Như vô tránh ở trước, tùy theo đó mà biết.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp nương đam mê vui thích*? Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp nương đam mê vui thích sai biệt. Những gì là năm? Do sự, do nhân duyên... như trước nói rộng.

Do sự: là năm thủ uẩn hệ buộc Dục giới.

Do nhân duyên: là thuận theo dục tham năm chủng diệu dục.

Do tự tánh: đó là tham đắm, do kia làm duyên, do kia làm cảnh phát khởi dục tham.

Do trợ bạn: tức không như lý tác ý tương ưng tà mong cầu, tương ưng các dục phân biệt. Do cùng chung với đây gọi là phân biệt tham.

Do đẳng khởi: là 5 chủng phẩm hắc như trước đã nói rộng.

Do sự của năm thủ uẩn hệ buộc Dục giới kia, do tự tánh, nhân duyên, trợ bạn của kia cùng với sự nhiếp thọ của đẳng khởi, gọi là các pháp nương

đam mê vui thích.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp nương ra khỏi xa lìa*? Do 5 tướng nên biết kiến lập các pháp nương ra khỏi xa lìa sai biệt, đó là trái với năm tướng nương đam mê vui thích.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp thế gian*? Do 5 tướng kiến lập các pháp thế gian sai biệt. Những gì là năm? 1. Tất cả sắc thanh tịnh và sắc do thanh tịnh nắm giữ thuộc thế gian; 2. Tất cả tâm tâm sở nhiễm ô thuộc thế gian; 3. Tất cả tâm tâm sở vô ký thuộc thế gian; 4. Tất cả tâm tâm sở thiện, hoặc sẽ đoạn, hoặc đã đoạn thuộc thế gian; 5. Sắc không thể thấy, không đối ngại của tất cả tam-ma-địa thế gian thuộc thế gian.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp xuất thế gian*? Do 5 tướng kiến lập các pháp xuất thế gian sai biệt. Những gì là năm? 1. Đối trị kiến đạo sở đoạn; 2. Đối trị tu đạo sở đoạn; 3. Do sự giải thoát của tướng giải thoát, đó là các Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát đã nhập tuệ lý không hý luận và các tâm tâm sở tương ưng kia; 4. Kia sở duyên sắc không thể thấy không đối ngại; 5. Sự giải thoát của một phần sở trị giải thoát, đó là các hữu học; nếu là sự

giải thoát toàn phần sở tri giải thoát, đó là các vô học.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp đọa*? Do nương 5 pháp thế gian, tức thế gian kia gọi là các pháp đọa: 1. Hữu tình thế gian; 2. Khí thế gian; 3. Dục thế gian; 4. Sắc thế gian; 5. Vô sắc thế gian. Nên biết đây gọi là 5 chủng thế gian.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp không đọa*? Đó là pháp xuất thế không rơi vào năm chủng thế gian như vậy, cho nên gọi là các pháp không đọa.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp hữu vi*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp hữu vi sai biệt. Những gì là năm? 1. Vì hậu tế chưa sanh; 2. Vì tiền tế đã diệt; 3. Vì trung tế tự tướng an trụ; 4. Vì nhân duyên tương tục; 5. Vì quả tương tục.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp vô vi*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp vô vi sai biệt. Những gì là năm? Trái với 5 tướng hữu vi ở trên tức là 5 tướng vô vi. Pháp hữu vi diệt, chứng đắc Niết-bàn. Nếu có người cho là Niết-bàn có khác, nên biết đây không như lý hỏi, không như lý đáp, không như lý tư duy. Như vậy nếu có người cho là Niết-bàn không khác, hay có người cho là Niết-bàn có khác không

khác, hay có người cho là chẳng phải có khác chẳng phải không khác, nên biết đây cũng đều không như lý hỏi, không như lý đáp, không như lý tư duy. Vì cơ sao? Bởi Niết-bàn kia chỉ là chỗ hiển của hữu vi diệt, vì Niết-bàn kia và pháp hữu vi khác nhau vậy. Trong đây, vì Niết-bàn chỉ là chỗ hiển của hữu vi diệt mà cho là “có khác”, hoặc hỏi, hoặc đáp, hoặc tư duy, liền là hý luận. Niết-bàn đây chẳng phải là chỗ hý luận. Lại vì Niết-bàn cùng với pháp hữu vi khác nhau mà cho là “không khác”, tức như trước đã thuyết, liền là hý luận. Niết-bàn đây chẳng phải chỗ hý luận. Vì hai chủng nhân như trước thuyết, nên kẻ kế chấp “có khác”, “không khác” đều không đúng đạo lý. Lại do hữu vi diệt, chúng đắc Niết-bàn, hoặc do có người cho là tất cả đều không chỗ có, cho nên kẻ kế chấp “chẳng phải có khác, chẳng phải không khác” cũng không đúng đạo lý. Nghĩa Niết-bàn tức là chỗ hiển phát của tất cả pháp bạch. Tướng Niết-bàn tức là tướng tịch tĩnh, tướng không hý luận. Nên biết chỉ là tướng bên trong tự chứng đắc.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp sở duyên*? Do 5 tướng nên kiến lập các pháp sở duyên sai biệt.

Những gì là năm? 1. Pháp sở duyên có tác ý thiện; 2. Pháp sở duyên có tác ý bất thiện; 3. Pháp sở duyên có tác ý vô ký; 4. Pháp sở duyên có tác ý đọa giới; 5. Pháp sở duyên có tác ý hệ thuộc Du-già.

Trong đây, hoặc tác ý thiện duyên các pháp thiện, bất thiện, vô ký. Như tác ý thiện, thì tác ý bất thiện, vô ký nên biết cũng vậy. Tác ý thiện, nhiễm ô, vô ký hệ buộc Dục giới duyên tất cả các pháp trong tam giới. Tác ý thiện hệ buộc Sắc giới cũng duyên tất cả các pháp trong tam giới. Trong Vô sắc giới hoặc định hoặc sanh, các ngoại đạo dị sanh tác ý thiện hệ buộc Vô sắc giới chỉ duyên tất cả pháp tự địa, chẳng phải duyên địa dưới. Hoặc Bồ-tát chưa được tự tại hành Tỳ-bát-xá-na cùng với có tuệ Thanh văn thừa... rộng lớn, hoặc các bậc hữu học, hoặc A-la-hán tác ý thiện hệ buộc Vô sắc giới kia cũng duyên tất cả pháp địa dưới. Hoặc các Bồ-tát đã được tự tại quyết định chẳng sanh ở Vô sắc giới, do quán ở nơi kia chẳng thể hiện khởi việc lợi ích chúng sanh, cũng không nhân đây thành thực Phật pháp rộng lớn, cũng không thể thành thực hành lợi ích hữu tình. Như vậy gọi là các pháp sở duyên tác ý đọa giới.



Lại nữa, nhân sở duyên “tư duy như thuyết” gọi là soi chiếu khắp tất cả. Không có tên gọi nào vượt hơn, do đây gọi là pháp số một, vì đây được tùy tự tại mà hành. Điều này có nghĩa gì? Tức là nếu lược thuyết vì quán sát nhân thanh tịnh, vì quán sát tự tướng, vì quán sát nhân tạp nhiễm. Lại vì hiển thị bổ-đặc-già-la vô ngã và pháp vô ngã. Trong đây, hiển thị bổ-đặc-già-la vô ngã tức là khéo rõ biết bốn vô sắc uẩn, năng đoạn tất cả tự tướng cảnh giới, cho nên gọi là năng soi chiếu tất cả. Hiển thị pháp vô ngã tức là khéo rõ biết tự tánh biến kế sở chấp, khéo rõ biết danh ngôn thế tục, năng trừ tất cả tướng sở y của kia. Cho nên gọi là năng soi chiếu tất cả. Nếu vượt qua bốn vô sắc uẩn như vậy, thì các ngã, tướng, sự nhất định chẳng thể có được. Nếu vượt qua danh ngôn thế tục biến kế sở chấp, thì tự tánh, tướng, sự cũng chẳng thể có được. Nếu ở nơi hai điều đây không khéo rõ biết, thì tất cả tự tướng cảnh giới và các tạp nhiễm liền sanh khởi tùy chuyển. Vì tất cả cảnh tướng cùng các tạp nhiễm đều do lực tăng thượng kia mà được sanh vậy, không phải không nhân. Lại Phật Thế Tôn nương đây mật ý thuyết lời như vậy: “Vì

chấp tự tánh pháp, nên chấp tánh ngã sanh khởi, giác được đây nên giác được kia, do giác nên hoàn diệt”.

Tác ý hệ thuộc Du-già lược có 4 chủng sở duyên:

1. Sở duyên biến mãn; 2. Sở duyên tịnh hành; 3. Sở duyên thiện xảo; 4. Sở duyên tịnh phiền não.
- Các sở duyên như vậy trong *Thanh văn địa* đã biện rộng. Trong đây, sở duyên tịnh phiền não đó là Thế Tôn thuyết bốn Thánh đế và chân như.



## Quyển 66

### Thứ 11. TƯ SỞ THÀNH TUỆ ĐỊA

#### Phần 2

Lại nữa, như Phật Thế Tôn thuyết về ba tánh khổ, trong đây sao gọi là tánh hành khổ? Là nghiệp hậu hữu phiền não sanh khởi các hành. Ở trong tự thể kia kia năng thuận theo sanh tất cả phiền não và các thứ khổ, chỗ có an lập nhiếp thuộc tất cả biến hành thô trọng, cũng gọi là thô trọng, là tánh hành khổ. Nương hành khổ đây, chư Phật Thế Tôn lược thuyết năm thủ uẩn đều gọi là khổ.

Lại hành khổ đây biến hành trong tất cả thọ lạc, hoặc trong thọ khổ, hoặc trong thọ không khổ không lạc. Nhưng ở trong thọ không khổ không lạc, tánh thô trọng đây hiển hiện phân minh, cho nên chỉ thuyết thọ không khổ không lạc. Do hành khổ nên khổ, ở trong thọ lạc thọ khổ có hai pháp là ái và khuể nhiều loạn tâm, nên khổ thô trọng đây chẳng phải dễ có thể rõ được. Thí như sự đau nhức của ung nhọt, nếu đắp nước lạnh thì sanh

tưởng lạc, nếu đắp tro nóng liền sanh tưởng khổ; nếu lìa cả hai, bấy giờ chỉ có tự tánh khổ, tức sự đau nhức của ung nhọt kia hiển hiện tự nhiên. Như vậy, ở nơi nghiệp phiền não sanh khởi các hành, chỗ có an lập nhiếp thuộc thô trọng thì tự như sự đau nhức của ung nhọt. Trong tánh hành khổ, sở hữu thọ lạc thì như đắp nước lạnh, sở hữu thọ khổ thì như đắp tro nóng, sở hữu thọ không khổ không lạc thì như tự tánh ung nhọt lìa cả hai sự xúc lạnh nóng.

Lại ở nơi thọ lạc sanh nhiều nhiễm trước, cho nên nói tham kia theo đó tăng trưởng; ở trong thọ khổ sanh nhiều ghét giận, cho nên nói sân kia theo đó tăng trưởng. Ở trong sự hiển hiện của không khổ không lạc, chỗ có an lập nhiếp thuộc thô trọng hành chuyển trong tự thể, nơi tánh vô thường điên đảo cho là thường, nơi tánh các khổ điên đảo cho là vui, nơi tánh bất tịnh điên đảo cho là tịnh, nơi tánh vô ngã điên đảo cho là ngã. Cho nên nói ở thọ không khổ không lạc kia, vô minh theo đó tăng trưởng.

Lại các ngu phu ở trong thọ lạc sanh nhiều nhiễm trước. Do nhân duyên đây, ở trong hiện

pháp thân hành ác hạnh, ngũ hành ác hạnh và ý hành ác hạnh, cho nên khi thân hoại mạng chung nói rộng cho đến sanh ở địa ngục. Lại do ái hậu hữu, nên năng cảm các thứ khổ sanh... đương lai. Như vậy, vì thọ lạc là chỗ nương của tham, năng sanh hết thảy khổ của năm đường ở đương lai.

Lại ở thọ khổ không được thuận theo ý muốn, tâm khởi nhiều sân, xúc chạm nhiều sự khổ liền sanh chủng chủng sầu não oán thán cho đến mê loạn. Do nhân duyên đây, hành ba ác hạnh, đọa vào các nẻo ác. Như vậy, vì thọ khổ là chỗ nương của sân, năng cảm nhiều các thứ khổ ở hiện pháp và ở hậu pháp.

Lại ở không khổ không lạc sanh nhiều tâm điên đảo như trên. Ở nơi hai chủng khổ, đó là khổ phát sanh do nương tham của thọ lạc và khổ phát sanh do nương sân của thọ khổ, cho nên phát khởi không xả bỏ tư duy, phát khởi không xả bỏ gây tạo. Do đây tuy có nhiều thứ phiền não và tùy phiền não, nhưng chư Phật Thế Tôn chỉ lập ba chủng phiền não căn bản là tham, sân, si. Nương mật ý đây Phật Thế Tôn thuyết: “Nên quán thọ lạc là pháp nhiều khổ. Nên quán thọ khổ giống như tên

độc. Nên quán thọ không khổ không lạc là tánh vô thường, pháp có hoại diệt”. Nếu năng như thật quán tánh vô thường, dần dần năng đoạn tất cả diên đảo.

Các hành như vậy là sự Khổ thánh đế đệ nhất nghĩa. Tất cả bậc Thánh hiền dùng thánh trí quán xét rồi, ở trong các thủ uẩn đệ nhất hữu tối cực tịch tĩnh còn chẳng vui nguyện, hà huống trong địa ngục hạ liệt tối tăm.

Lại nữa, tức đây năng sanh các hành nghiệp hậu hữu cùng phiền não, bởi đạo lý tướng là Tập thánh đế, trong kinh Đức Thế Tôn nương đạo lý thù thắng duy chỉ hiển thị ái.

Lại nữa, phẩm phiền não thô trọng đây vĩnh viễn diệt là Hữu dư y Niết-bàn tăng thượng, chỗ lập Diệt đế. Lại nhân vĩnh viễn đoạn trừ, đương lai chẳng sanh và nhân thọ dụng đời trước đã tận, các hành hiện tại nhậm vận tàn diệt là Vô dư y Niết-bàn tăng thượng, chỗ lập Diệt đế.

Lại nữa, sở hữu chánh kiến năng chứng hiểu đệ nhất nghĩa đế, cùng chánh kiến làm tiền dẫn tất cả Thánh đạo, đây gọi là Đạo đế.

Lại nữa, vì muốn khiến ở nơi Khổ biết khắp,

ở nơi Tập vĩnh viễn đoạn, ở nơi Diệt tác chứng, ở nơi Đạo tu tập, cho nên lược kiến lập các tướng thánh đế, nếu rộng kiến lập nên biết tướng đây vô lượng vô biên. Lại khiến rõ biết tướng thô của Khổ đế lấy làm chỗ nương, dần dần nâng thú nhập tướng đế vi tế, nên trước thì thiết các thứ khổ sanh... về sau mới hiển thị năm thủ uẩn khổ.

Lại nữa, sao gọi là *các pháp giữ gìn*? Do năm tướng nên kiến lập các pháp giữ gìn sai khác. Những gì là năm? 1. Đoạn thực; 2. Xúc thực; 3. Ý tư thực; 4. Thức thực; 5. Mạng căn. Nếu đoạn thực thô thì trong năm đường của Dục giới đều hiện có được. Mỗi một địa ngục đều có một phần đoạn thực thô đây, trừ đại địa ngục. Thực còn lại và mạng khắp ở ba cõi đều hiện có được. Do ở nơi các hành giả lập hữu tình, cho nên Đức Thế Tôn thuyết: “Các pháp đây giữ gìn hữu tình khiến trụ an ổn không bị hoại”.

**Hỏi:** Có 7 nhân duyên giữ gìn các hành khiến trụ an ổn không bị hoại, có sao Thế Tôn chỉ thuyết hữu tình do thực mà được trụ an ổn? Những gì là bảy? 1. Sanh là nhân của các hành trụ, do các hành có sanh mới có trụ, không thể không sanh

mà được trụ; 2. Mạng căn; 3. Thực; 4. Tâm tự tại thông, tức nhờ thế lực kia khiến tăng các thọ hành, hoặc sống lâu một kiếp, hoặc sống hơn một kiếp; 5. Nhân duyên hòa hợp là nhân của các hành trụ, đó là các pháp thiện, bất thiện, vô ký, cho đến nhân duyên vẫn còn chưa tan hoại, lúc bấy giờ trụ tương tục không đoạn dứt; 6. Do tác ý thiện, bất thiện, vô ký dẫn phát nghiệp trước nặng dẫn các hành khiến trụ chẳng dứt, chỗ gọi là sự sanh khởi của nghiệp cộng, bất cộng phần ngoài; 7. Không có các chướng ngại là nhân của các hành trụ, do đây năng khiến các hành khi sanh không có nhân duyên chướng ngại. Các hành đã sanh giống như tương tục mà trụ, xa lìa nhân duyên chống trái khiến hư hoại. Nếu không như vậy tức lẽ liền bị hoại diệt.

Đáp: Tuy do 7 chủng nhân duyên khiến các hành được trụ như vậy, nhưng phần nhiều nhân duyên khiến các hành trụ là do bốn thực đây, bởi chủng chủng môn năng khiến các hành tương tục mà trụ. Lại các thực năng khiến hữu tình tương tục mà trụ đây dễ dàng thú nhập, cho đến các hạng ngu phu, anh nhi... cũng năng theo đó hiểu được, chẳng phải pháp khác.



Lại các thực đây năng khiến các căn đại chủng suy yếu đều được tăng mạnh, lại khiến tật bệnh cũng được trừ lành, chẳng phải pháp khác.

Lại khiến các loại hữu tình trường thọ, nếu không nhờ thực đây sẽ phi thời chết yếu.

Lại các thực đây khiến dễ nhập đạo, năng tu tập bốn chủng niệm trụ là thân-thọ-tâm-pháp, đó là quán sát “tất cả hữu tình nhờ nương thực đây mà được trụ”.

Cho nên đối với 5 chủng nhân duyên đây, Thế Tôn chỉ thuyết tất cả hữu tình nhờ *thực* mà được trụ.

**Hỏi:** Nhân duyên nào lại thuyết: “Nương mạng căn mà các hành được trụ”?

Đáp: Đó là có xứ không từng bị thiếu thốn về thức ăn uống, không khó khăn trong việc cầu ăn uống. Ở xứ kia chỉ do thế lực mạng căn mà được trụ, tức ở xứ kia do chiêu cảm thọ lượng mà có giới hạn của trụ. Cho nên Thế Tôn nương xứ kia thuyết: “Các hữu tình do mạng căn nên các hành được trụ”.

Lại nữa, trong đoạn thực đây phải nói là do hương, vị, xúc xứ nhiếp lấy. Vì cố sao? Do hương vị xúc kia nếu đang được tiêu hóa liền năng có dụng

trưởng dưỡng, nếu không được tiêu hóa liền thành tổn giảm. Các pháp khác như sắc... không có tiêu hóa biến đổi khiến có dụng trưởng dưỡng hay tổn giảm, cho nên nói kia không phải tánh đoạn thực. Nếu các đoạn vật lúc nuốt xuống cổ họng khiến tâm khoái lạc, các căn tươi nhuận, bấy giờ không được gọi là đoạn thực mà chỉ gọi là xúc thực. Nếu đã thọ dụng rồi, an ổn tiêu hóa, tăng trưởng khoái lạc, thì ở lúc tiêu hóa được gọi là đoạn thực. Nếu đã tiêu hóa hoàn toàn mà không năng trưởng dưỡng khiến các căn tươi nhuận, tuy thức ăn kia tiêu hóa nhưng không gọi là đoạn thực. Nếu các đoạn vật lúc nuốt xuống cổ họng không khiến sanh khoái lạc, cũng không khiến các căn tươi nhuận, bấy giờ đều không được gọi là thực. Chỉ lúc nào đoạn vật kia vào thời sau an ổn tiêu hóa, dễ dàng tăng trưởng sức khỏe, bấy giờ được gọi là đoạn thực. Nếu đã tiêu hóa xong mà không tăng trưởng sức khỏe, thì tuy tiêu hóa cũng không được gọi là thực.

**Hỏi:** Nếu có đoạn vật cũng là thực ư? Giả sử là thực cũng là đoạn vật ư?

**Đáp:** Tùy chỗ thích hợp nên tác bốn câu. Hoặc có đoạn vật mà chẳng phải là thực, đó là các đoạn

vật không thể trưởng dưỡng các căn đại chủng. Hoặc có là thực mà chẳng phải đoạn vật, đó là nếu có xúc thực, ý tư thực, thức thực năng khiến trưởng dưỡng các căn đại chủng. Hoặc có là thực cũng là đoạn vật, đó là các đoạn vật năng khiến trưởng dưỡng các căn đại chủng. Hoặc chẳng phải đoạn vật, cũng chẳng phải là thực, đó là nếu có xúc thực, ý tư thực và thức thực chẳng thể trưởng dưỡng các căn đại chủng. Như vậy xúc cho đến thức còn lại tùy chỗ thích hợp đều tác bốn câu.

Lại nữa, sao gọi là hoặc pháp có dị thực, hoặc pháp không dị thực, hoặc pháp dị thực, hoặc pháp dị thực sanh đều nên rõ biết?

Sao gọi là *pháp có dị thực*? Nếu nói lược đó là lậu và hữu lậu. Pháp kia cần yếu có lực, không bị tổn hại, thọ dụng chưa tận, đây gọi là pháp có dị thực.

Ở trong các lậu, nếu kẻ bất thiện gọi là có lực, nếu có che đậy không ghi nhớ gọi là không lực. Ở trong hữu lậu, nếu thiện, bất thiện gọi là có lực, còn lại gọi là không lực.

Hoặc lậu, hữu lậu bị đoạn trừ bởi hai đạo ly dục thế gian, xuất thế gian thì gọi là bị tổn hại.

Trái với tướng đây gọi là không bị tổn hại.

Hoặc đời quá khứ quả dị thực đã chín muồi, gọi là thọ dụng đã tận. Quả dị thực kia vì đã quá khứ nên không còn tồn tại. Hoặc đời vị lai sẽ cho quả dị thực, hoặc đời hiện tại quả dị thực đang hiện tiền, gọi là thọ dụng chưa tận.

Do những sự sai biệt đây, lậu và hữu lậu tùy chỗ thích hợp hoặc thiện, hoặc bất thiện, vì chưa được đối trị đoạn dứt, quả dị thực của kia chẳng phải trước đã chín muồi, do đây được gọi là pháp có dị thực.

Sao gọi là *pháp không dị thực*? Hoặc các vô lậu, hoặc vô ký, hoặc thiện, hoặc bất thiện hữu lậu đã đoạn dứt, hoặc quả dị thực trước đã chín muồi... tất cả như vậy đều gọi là pháp không dị thực.

Sao gọi là *pháp dị thực*? Vào lúc lâm chung, tâm niệm cuối cùng là pháp dị thực. Hoặc tâm kết sanh tương tục không gián đoạn cũng là dị thực. Từ đây về sau sở hữu tất cả tự tánh tâm trụ đều là dị thực. Trừ tâm thiện, tâm nhiễm ô và trừ tâm của gia hạnh vô ký, còn lại đều gọi là tự tánh tâm trụ.

Hoặc tâm ly dục vẫn còn tùy chuyển, ngoại trừ tâm thiện địa dưới và tâm của gia hạnh vô ký, nên

biết tâm đây cũng là dị thực. Lại dị thực đây ở tất cả xứ phải nói chỉ có không che đây không ghi nhớ.

Sao gọi là *pháp dị thực sanh*? Nếu từ tất cả chủng tử dị thực, trừ những gì đã đoạn dứt, pháp chưa đắc, tự chủng tử còn lại làm nhân sở sanh hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, tất cả như thế đều gọi là pháp dị thực sanh.

Lại nữa, ở tất cả xứ, tâm sau cùng chết và theo đó tâm thứ hai bắt đầu tiếp nối sanh, ở trong ba cõi nên biết chỉ có thọ phi khổ lạc. Trừ tâm tiếp nối ban đầu, nên biết thọ đây ở tất cả xứ nhiếp thuộc dị thực. Thọ khổ lạc khác nên biết đều là dị thực sanh ra. Như chủng tử nhiếp thuộc dị thực, tức là theo nhân đây duyên đây làm nhân duyên, nên từ đó dị thực sanh.

Hoặc các loại hữu tình có dị thực sanh trong địa ngục không gián đoạn, có dị thực sanh ưu khổ tương tục. Như sanh địa ngục, thì sanh của một phần ở ngã quý, ở bàng sanh nên biết cũng vậy.

Hoặc các loại hữu tình sanh trong cõi người và cõi trời Dục giới, không có dị thực không gián đoạn nhất định, hoặc có lúc ưu khổ, hoặc có lúc hỷ

lạc, hoặc có lúc chỉ có thọ không khổ không lạc tương tục sanh.

Hoặc hữu tình có dị thực sanh ở Sơ tinh lự và Đệ nhị tinh lự không gián đoạn, chỉ có dị thực sanh thọ hỷ tương tục.

Hoặc sanh Đệ tam tinh lự, chỉ có dị thực sanh thọ lạc tương tục.

Hoặc sanh Đệ tứ tinh lự trở lên, chỉ có dị thực sanh thọ không khổ không lạc. Cho nên biết thọ đây ở các xứ kia gọi là dị thực sanh nhiếp thọ hỷ lạc rộng lớn.

Khi các nghiệp thiện, không khổ không lạc kia đang hiện tiền, cũng gọi là dị thực khả ái. Trái với tướng đây gọi là dị thực không khả ái.

Lại nữa, nghiệp bạch dị thực bạch, sở đắc quả dị thực là không che đậy không ghi nhớ, thọ một hướng khả ái. Đây do sự nhiếp thọ của chủng tử nên biết một hướng khả ái, một hướng khả ý.

Nghiệp hắc dị thực hắc nên biết trái với tướng trên.

Nghiệp hắc bạch dị thực hắc bạch đều do sự đuổi theo của hai chủng chủng tử là hắc và bạch, nên sở đắc quả dị thực cũng thọ dị thực sanh của

cả hai chủng. Trong đây nghiệp hắc bạch do ba chủng sai biệt mà được kiến lập: 1. Do chủng loại sanh; 2. Do sự việc; 3. Do tự tánh.

Do chủng loại sanh: đó là ở đây đồng có hắc và bạch, tức ở nơi nghiệp đây chung lập hắc bạch.

Do sự việc: như có người ở một sự việc, vào lúc khởi tâm không lợi ích hiện tiền, cũng tức vào lúc ấy khởi tâm lợi ích hiện tiền, như đoạt lấy vật của người mà hành huệ thí. Như vậy nên biết do sự sai biệt mà kiến lập nghiệp kia.

Do tự tánh: như có người đối với một sự việc là lợi ích, nhưng mặt khác lại không lợi ích. Thí như có người đối với việc làm hung bạo của người khác, phát khởi suy nghĩ đồng hành sân khuể, không vui với việc ác kia. Nên biết sự suy nghĩ đây đồng hành sân nên rơi trong phần hắc, không đồng hành vui với ác kia nên rơi trong phần bạch. Cho nên nghiệp đây gọi là hắc bạch. Các chủng loại còn lại nên biết cũng vậy.

Lại nữa, sao gọi là *pháp có nhân*? Sở hữu chủng tử các pháp thiện, bất thiện, vô ký chưa bị tổn hại, tất cả pháp kia đều do nhân năng sanh sanh khởi, nên gọi là pháp có nhân.

Lại chỗ tạo tác các nghiệp phiền não trước, ở trong ba cõi quả dị thực kia chín muồi. Quả dị thực đây do nhân dẫn phát nghiệp phiền não gọi là pháp có nhân.

Lại do nhân dẫn phát ba loại hiện tại, đó là sanh trong loài thai sanh, ẩm thấp hòa hợp nên sanh trong loài thấp sanh, ẩn trong vỏ trứng nên sanh trong loài noãn sanh. Đây cũng gọi là pháp có nhân.

Lại sáu thức thân từ nhãn sắc cho đến ý pháp làm tăng thượng duyên, vì nhân đồng sự nên gọi là pháp có nhân. Lại có các tâm tâm sở đồng sanh triển chuyển xoay vần, vì nhân đồng sự nên gọi là pháp có nhân.

Lại nhân dẫn phát pháp bất thiện là do gần gũi bạn ác, do nghe phi chánh pháp, do bất chánh tư duy, gọi là pháp có nhân. Nên biết trái với ba chủng nhân dẫn phát trên là tất cả thiện pháp, gọi là pháp có nhân.

Lại trụ nhiễm ô sanh tà tinh tấn, nhọc nhằn mà không có kết quả, phát sanh nhiều ưu khổ. Do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại trụ không nhiễm ô sanh chánh tinh tấn,



nhọc nhằn mà có quả sanh nhiều hỷ lạc. Do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại không nhiễm ô chánh hành tinh tấn, nhọc nhằn mà có quả sanh nhiều hỷ lạc. Do nhân dẫn phát kia, gọi là pháp có nhân.

Lại ở nơi thú hưởng đạo ly dục thế gian và năng dẫn phát tinh lự Vô sắc, do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại trong hiện pháp tinh lự Vô sắc đẳng chí làm chỗ nương, như chỗ thích hợp theo đó vãng sanh địa trên. Do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại pháp thế gian dẫn phát pháp xuất thế, do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Lại pháp xuất thế nhiếp thuộc thánh đạo, năng chứng Niết-bàn. Do nhân dẫn phát kia gọi là pháp có nhân.

Do hết thấy các tướng đã thuyết như vậy, nên biết kiến lập các pháp có nhân.

Lại nữa, sao gọi là *pháp không có nhân*? Nên biết tướng đây trái với tướng pháp có nhân.

Lại nữa, sao gọi là *pháp có quả*? Trong đây pháp có nhân-năng-sanh sanh khởi, kia do quả

đẳng lưu riêng khác gọi là pháp có quả.

Hoặc các nghiệp hậu hữu và phiền não, kia do quả dị thực riêng khác gọi là pháp có quả.

Hoặc có ba loài đang hiện tiền, hoặc trong loài thai sanh, hoặc trong loài thấp sanh, hoặc trong loài noãn sanh; hoặc nhãn sắc... hoặc các tâm tâm pháp đồng sanh kia; hai chủng ba pháp hoặc gần bạn ác, hoặc gần bạn lành... Như vậy, tất cả đều do quả tăng thượng riêng khác, gọi là pháp có quả.

Hoặc trong hiện pháp do trụ nhiễm ô sanh tà tinh tấn, nhọc nhằn mà không có kết quả, sanh nhiều ưu khổ. Hoặc trong hiện pháp trụ không nhiễm ô sanh chánh tinh tấn, nhọc nhằn mà có quả sanh nhiều hỷ lạc. Tất cả như vậy đều do quả sĩ dụng riêng khác, gọi là pháp có quả.

Hoặc thú hướng đạo ly dục thế gian sanh khởi, kia do quả lia hệ buộc tăng thượng gọi là pháp có quả.

Hoặc năng dẫn đạo xuất thế gian và năng chứng thánh đạo xuất thế Niết-bàn, kia do quả lia hệ buộc tăng thượng gọi là pháp có quả. Đó là hoặc đạo xuất thế gian do quả rốt ráo lia hệ buộc, gọi là

pháp có quả; hoặc đạo thể gian chẳng phải do quả rớt ráo lia hệ buộc, cũng gọi là pháp có quả. Nên biết đây gọi là hai đạo sai biệt.

Do hết thấy tướng đã thuyết như vậy, nên biết kiến lập tướng của các pháp có quả sai biệt, đó là tùy chỗ thích hợp mà kiến lập hoặc quả đẳng lưu, hoặc quả dị thực, hoặc quả tăng thượng, hoặc quả sĩ dụng, hoặc quả lia hệ buộc.

Lại nữa, sao gọi là *pháp không có quả*? Nên biết tướng đây trái với tướng pháp có quả.

Lại nữa, sao gọi là *pháp duyên sanh*? Là pháp không chủ thể, không tác giả, đã rộng phân biệt quyết trạch trong *Ý địa*, phần *Duyên khởi thiện xảo*.

Lại nữa, sao gọi là *pháp nội*? Lược do năm nhân nên biết kiến lập pháp nội sai biệt, do nhân đây nên thuyết danh là nội. Những gì là năm? 1. Do giả danh; 2. Do vọng chấp; 3. Do tăng thượng; 4. Do nhiếp thọ chủng tử; 5. Do sự.

Hoặc ở xứ đây giả tướng kiến lập chủng loại như vậy, như lập là ngã, hoặc lập hữu tình, kia danh như vậy, chủng loại như vậy, nói rộng cho đến thọ lượng như vậy. Đây gọi là do giả danh nên

gọi là pháp nội.

Hoặc ở xứ đây vọng khởi chấp trước chủng loại như vậy, đó là kế chấp là ngã, hoặc khởi ngã mạn. Đây gọi là do vọng chấp nên thuyết danh là pháp nội.

Hoặc do pháp đây lực tăng thượng, ngoại sắc, thanh xứ... sai biệt sanh làm sở thọ dụng. Đây gọi là do tăng thượng nên thuyết danh là pháp nội.

Hoặc năng nhiếp thọ chủng tử các pháp thiện, bất thiện, vô ký. Đây gọi là nhiếp thọ chủng tử nên gọi là pháp nội.

Hoặc năm chủng sắc thanh tịnh, hoặc tâm ý thức, như vậy gọi là do sự mà thuyết danh là pháp nội. Lại có giả danh kiến lập pháp khác là nội có thể được. Vì có sao? Ở bên trong có được, nhiếp thuộc xứ bên ngoài.

Lại nữa, sao gọi là *pháp nhiếp lấy danh sắc*? Năm uẩn nhiếp thuộc danh sắc. Vì có sao? Do ở xứ kia tăng trưởng khả đắc, dùng tay, vật cứng... xúc chạm tức liền biến hoại, cho nên sắc uẩn gọi là sắc. Bốn uẩn còn lại do thế lực của chủng chủng danh mà thi thiết, do lấy chủng chủng danh thi thiết làm chỗ nương, phần nhiều ở nơi sở duyên

kia kia mà thú hương lưu chuyển. Cho nên bốn vô sắc uẩn như vậy gọi là danh.

Lại nữa, sao gọi là *pháp chấp thọ*? Lược do 5 tướng nên kiến lập các pháp chấp thọ sai biệt. Những gì là năm?

1. Chỉ sắc gọi là chấp thọ, nên biết đây loại trừ tâm tâm sở... vì kia chẳng phải chấp thọ.

2. Ở trong sắc, sở hữu nội căn, sở y thuộc căn gọi là chấp thọ. Nên biết đây loại trừ ngoại sắc không thuộc căn, vì kia chẳng phải chấp thọ.

3. Tâm tâm sở nhậm trì không xả gọi là chấp thọ. Nên biết đây loại trừ tóc lông móng... nương thuộc căn và loại trừ sở hữu nội thân sau khi chết, vì kia chẳng phải chấp thọ.

4 và 5. Sắc chấp thọ do bốn nhân duyên bị biến đổi, nên gọi là chấp thọ. Những gì là bốn? 1. Do ngoại sắc xúc chạm tổn hoại; 2. Do sự dẫn phát trái nhau và quân bình của giới bên trong; 3. Do nhiều hiện hành các phiền não triển như tham sân...; 4. Do thẩm lự cảnh sở duyên.

Trong đây do ngoại sắc năng tổn hại, hiện tiền bức bách tổn não, có sắc chấp thọ tức liền sanh khổ sanh bi sanh não. Hoặc có ngoại sắc

năng nhiều ích, hiện tiền tiếp xúc đối ngại, có sắc chấp thọ tức liền sanh vui vẻ an ổn nhiều ích. Hoặc có nội các giới xoay vần trái nhau liền sanh khổ não, kia nếu quân bình thì nhiếp thọ an lạc. Hoặc bị sự quấy nhiễu của phiền não như tham... tức liền sanh khổ phát giận thiêu đốt mạnh mẽ. Hoặc vì tà thẩm lự cảnh sở duyên, hoặc vì chánh thẩm lự cảnh sở duyên, liền sanh khởi khinh an nhiếp thọ hỷ lạc. Hoặc bị tổn hại, hoặc được nhiều ích, nên gọi là biến đổi.

Như vậy hoặc vì sắc, hoặc vì nội, hoặc vì tâm tâm sở nhậm trì không xả, hoặc vì duyên như thế khiến thành biến đổi, đây gọi là các pháp chấp thọ sai biệt.

Lại nữa, sao gọi là *pháp chẳng phải chấp thọ*? Nên biết tướng đây trái với pháp chấp thọ.

Lại nữa, sao gọi là *pháp đại chúng sở tạo*, *pháp chẳng phải đại chúng sở tạo*? Bốn đại chúng và đại chúng sở tạo nên biết chỉ đây gọi là pháp hữu sắc.

**Hỏi:** Như bốn đại chúng do chúng tử của chính nó mới được sanh khởi, các sắc sở tạo cũng vậy, có sao lại nói là các sắc sở tạo được tạo bởi đại chúng?

Đáp: Hoặc các sắc căn và trong tâm có các chủng tử đại chủng đuổi theo, tức là có chủng tử sắc sở tạo đuổi theo. Hoặc sở hữu chủng tử của các đại chủng khi năng sanh quả, bấy giờ chủng tử của sắc sở tạo kia quyết định năng đuổi theo. Vì chủng tử tạo sắc kia cũng tự sanh quả, nên nói là đại chủng tạo sắc sở tạo. Chủng tử của đại chủng đuổi theo căn có sắc gọi là có nơi chốn. Chủng tử của đại chủng theo đuổi căn vô sắc gọi là không nơi chốn.

Lại các đại chủng lược có 2 chủng: 1. Chỉ giới nhiếp lấy: là sở hữu chủng tử của các đại chủng; 2. Năng tạo tác nghiệp của chính nó: từ tự chủng tử của chính nó sanh ra đại chủng.

Lại các đại chủng và sắc sở tạo đồng thời mà có, xoay vần không lìa nhau, bởi nhân chủng loại kia mà thành vậy, như mùi vị lan tỏa khắp tất cả xứ, chẳng phải như tụ trấu lúa, mặt-ni...

Lại ở nơi tụ sắc một hương bền chắc, thì chỉ có địa giới năng tác nghiệp dụng. Hoặc ở Dục giới có đầy đủ sắc, hương, vị giới tác nghiệp. Hoặc ở Sắc giới chỉ có sắc giới năng tác nghiệp dụng. Còn lại thủy, hỏa, phong và thanh giới chỉ có sự đuổi

theo của chúng tử, lại phải đợi duyên khác mới năng tác nghiệp. Như vậy thủy, hỏa, phong gọi là ở trong tụ tướng. Như vậy tùy chỗ thích hợp thứ lớp cũng vậy.

Trong tụ nội sắc, tất cả tác nghiệp của các giới như địa... đều có được đầy đủ như tóc, lông... chủng chủng sai biệt, trong kinh đã rộng thuyết. Nên biết bên ngoài có các tụ như địa... riêng biệt, nếu kia gặp gỡ các duyên sai biệt như vậy như vậy tức liền năng tác nhân sanh quả pháp như vậy như vậy. Thí như cọ xát cây khô tức liền sanh lửa, lại như các vật bạch kim, chì, thiếc, vàng, bạc... nếu được nấu chảy tức thành chất lỏng.

Lại nữa, như trong *Năm thức thân tương ưng địa* đã thuyết, xúc xứ nhiếp lấy tánh trơn rít... nên biết đều là đại chủng sai biệt. Tùy theo phẩm loại phần vị sai biệt của các đại chủng như vậy mà theo đó thi thiết giả danh tánh trơn rít... của bốn đại chủng. Cho nên biết đều là giả có.

**Hỏi:** Như Thế Tôn nói: “Xúc đó là ngoại xứ, hoặc bốn đại chủng, hoặc bốn đại chủng sở tạo, có sắc không thể thấy có đối ngại”, đây mật ý gì?

**Đáp:** Các đại chủng đây nên biết năng sanh



hai chủng sắc sở tạo: tự loại sai biệt và khác loại sai biệt.

Tự loại sai biệt của sắc sở tạo: là các đại chủng tạo trơn rít... Do nhân như vậy, duyên như vậy, các đại chủng đây mỗi mỗi biến đổi sai khác mà sanh, ở nơi kia giả nói tánh trơn rít... chủng chủng sai biệt.

Khác loại sai biệt của sắc sở tạo: là năm nội sắc xứ như nhãn, nhĩ... bốn ngoại sắc xứ, một phần pháp xứ, chỉ trừ xúc xứ. Thế Tôn nương tự loại sai biệt của sắc sở tạo kia mà thuyết lời rằng: “Hoặc bốn đại chủng sở tạo”.

**Hỏi:** Thế Tôn thuyết: “Có sắc không thể thấy có đối ngại”, nên nói đại chủng sở tạo những gì?

**Đáp:** Nếu kia định tâm tư duy các pháp hữu sắc Dục giới, ảnh tượng sanh khởi, nên nói đại chủng sở tạo Dục giới. Nếu kia định tâm tư duy các pháp hữu sắc Sắc giới, ảnh tượng sanh khởi, nên nói đại chủng sở tạo Sắc giới. Như vậy pháp sắc của đại chủng sở tạo đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hữu*? Tất cả pháp thế gian gọi là pháp hữu.

**Hỏi:** Pháp thiện thế gian A-la-hán... vì là thế gian nên tất nhiếp thuộc hữu, do nhân duyên gì gọi là vô lậu?

**Đáp:** Vì rơi vào ba hữu được gọi là nhiếp thuộc hữu. Vì vĩnh viễn giải thoát các lậu tùy miên gọi là vô lậu.

**Hỏi:** Như Thế Tôn nói: “Pháp hữu lậu là gì? Đó là ý thế gian, pháp thế gian, ý thức thế gian”. Đây mật ý gì?

**Đáp:** Thế Tôn nương nên đoạn, chẳng nên đoạn ý thế gian, pháp thế gian, ý thức thế gian mà thuyết lời như vậy. Trong đây Thế Tôn thuyết nhiều chủng hữu, gọi là hữu Dục, hữu Sắc và hữu Vô sắc. Như trong phần *Văn sở thành tuệ địa* đã rộng kiến lập những điều Phật dạy cần phải biết.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hữu thượng*? Đó là trừ Niết-bàn, tất cả pháp còn lại.

Lại nữa, sao gọi là *pháp vô thượng*? Do 5 nhân duyên nên biết Niết-bàn là pháp vô thượng. Những gì là năm? 1. Tập đế tịch diệt; 2. Khổ đế tịch diệt; 3. Lìa sợ hãi do tai hoạn bệnh dịch gây ra, được đại an ổn; 4. Vì sở duyên hiện pháp lạc trú không gì vượt hơn, vì an trụ vô tướng; 5. Rốt ráo thường

trụ, nghĩa an nghĩa lạc không hư dối. Vì tất cả nhân như vậy chẳng phải ở nơi xứ khác mà tổng hợp được, chỉ ở Niết-bàn mới quy tụ tất cả điều trên. Cho nên Niết-bàn gọi là pháp vô thượng.

Lại nữa, sao gọi là *pháp nên tu*? Là tất cả thiện pháp hữu vi. Trong đây nên biết lược có bốn chủng: 1. Tu đắc; 2. Tu tập; 3. Tu trừ bỏ; 4. Tu đối trị.

Trong đây thiện pháp chưa sanh vì muốn sanh nên tác ý tu tập, gọi là tu đắc.

Thiện pháp đã sanh khiến trụ không quên mất cho đến nói rộng, gọi là tu tập.

Pháp bất thiện đã sanh, vì muốn đoạn dứt nên tác ý tu tập, gọi là tu trừ bỏ.

Pháp bất thiện chưa sanh, vì muốn chẳng sanh, nên tác ý tu tập các môn đối trị, như tu yếm hoạn.. gọi là tu đối trị.

Nên biết trong đây, từ tác ý liễu tướng cho đến tác ý thắng giải gọi là tu đối trị yếm hoạn. Từ tác ý xa lìa cho đến tác ý gia hạnh cứu cánh gọi là tu đối trị đoạn. Tác ý quả gia hạnh cứu cánh gọi là tu đối trị trì. Từ đây trở lên tức là tất cả bảy chủng tác ý tùy nhiếp thuộc ở thắng địa, thượng địa, nên

biết tất cả gọi là tu đối trị phần xa.

Tất cả bốn chủng tu đây hợp lại thành hai chủng tu, đó là tu phòng hộ thọ trì và tu tác ý tư duy. Trong đây tu thân gọi là tu phòng hộ, tu giới gọi là tu thọ trì. Hoặc tu tác ý tĩnh lự địa, hoặc tu tác ý trí để địa, gọi chung là tu tác ý tư duy. Trong đây tu tác ý ban đầu là tu tâm, tu tác ý thứ hai là tu tuệ.

Lại nữa, sao gọi là *pháp quá khứ*? Là nhân đã thọ tận, tự tánh đã diệt, không gián đoạn làm duyên nên pháp khác được sanh. Trừ tâm, tâm sở huân tập tương tục của bậc A-la-hán tối hậu, tuy đã diệt trải qua trăm ngàn kiếp, mà còn năng khiến quả dị thực ái, phi ái kia sẽ chín muồi. Như các việc đã lãnh thọ trong quá khứ, hoặc có người chỉ năng sanh khởi nhớ nghĩ, hoặc có người không sanh khởi nhớ nghĩ, duy chỉ là chỗ hiển diệt, không các tác dụng. Đây gọi là các pháp quá khứ sai biệt.

Pháp quá khứ đây lược do 5 tướng nên biết kiến lập sự sai biệt. Những gì là năm? 1. Hoặc có pháp sát-na quá khứ, tức là ở trong tất cả hành sát-na, chỗ có các hành sát-na trở về sau; 2. Hoặc lại có pháp chết quá khứ, đó là hữu tình kia ở

trong chúng đồng phạm kia chết đi, nói rộng cho đến lúc chết và lúc tạo tác; 3. Hoặc lại có pháp kiếp hoại quá khứ, đó là nhiếp thuộc khí thể gian, do hỏa tai tiêu hại...; 4. Hoặc lại có pháp thối thất quá khứ, đó là có người ở nơi các công đức thiện đã đắc trước kia, trụ trong an lạc, trở lại thối thất; 5. Hoặc lại có pháp tận diệt quá khứ, đó là chỗ có tận diệt trong Hữu dư y và Vô dư y Niết-bàn giới.

Lại nữa, sao gọi là *pháp vị lai*? Là nhân chưa thọ, tự tánh chưa thọ, đợi duyên sẽ sanh, sắp hiện tiền khởi, hoặc gần sẽ sanh, hoặc lâu xa sẽ sanh. Cũng do 5 tướng nên kiến lập sai biệt: 1. Sát-na vị lai; 2. Nhất sanh vị lai; 3. Kiếp thành vị lai; 4. Hiện hành vị lai; 5. Tối hậu vị lai.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hiện tại*? Là nhân đã thọ dụng, tự tánh thọ dụng chưa tận, sát-na đã mất quyết định hoại diệt, chỗ hiển tất cả tạp nhiễm, chỗ hiển một phần thanh tịnh. Cũng do 5 tướng kiến lập sai biệt: 1. Sát-na hiện tại; 2. Nhất sanh hiện tại; 3. Kiếp thành hiện tại; 4. Hiện hành hiện tại; 5. Tối hậu hiện tại, đó là tâm tâm sở của A-la-hán tối hậu.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hệ buộc Dục giới*? Ở

Dục giới, hoặc sanh hoặc trưởng, chưa ly dục Dục giới, tâm không tại định. Ở nơi vị đây, chỗ có các pháp hoặc là được sanh, hoặc là tác ý đã hành, đang hành, sẽ hành. Đây gọi là pháp hệ buộc Dục giới.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hệ buộc Sắc giới*? Là sanh ở Sắc giới, năng hiện chứng nhập một trong các tĩnh lự, đã ly dục Dục giới, chưa ly dục Sắc giới, chưa phát gia hạnh của cõi giới cao hơn, hoặc từ định kia mà khởi. Chỗ có các pháp ý địa thế gian đều do tác ý đã hành, đang hành, sẽ hành. Đây gọi là pháp hệ buộc Sắc giới. Hoặc sanh ở Sắc giới, chưa ly dục Sắc giới, chưa phát gia hạnh đối với cõi cao hơn. Các pháp thế gian hoặc là được sanh, hoặc là tác ý đã hành, đang hành, sẽ hành. Như vậy cũng gọi là pháp hệ buộc Sắc giới.

Lại nữa, sao gọi là *pháp hệ buộc Vô sắc giới*? Như pháp hệ buộc Sắc giới, thì pháp hệ buộc Vô sắc giới tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, sao gọi là *pháp thiện*? Nếu lược thuyết thì có 2 nhân duyên nên tất cả pháp thiện được gọi là thiện: 1. Vì tự tánh không điên đảo, cũng năng đối trị pháp điên đảo; 2. Vì an ổn. Vì có sao? Vì tự tánh của tất cả pháp thiện không điên đảo ở

nơi sở duyên chuyển, lại năng đối trị pháp nhiễm diên đảo ở nơi sở duyên chuyển. Vì năng đến các đường thiện chứng đắc Niết-bàn gọi là an ổn.

Lại do 5 tướng kiến lập các pháp thiện sai biệt: 1. Vì đương lai cảm quả khả ái; 2. Vì đối trị tạp nhiễm, đó là bất tịnh năng đối trị tham dục... cho đến tám Thánh đạo chi năng đối trị tất cả các pháp tạp nhiễm; 3. Vì chỗ hiển bày của tạp nhiễm được tịch diệt, chỗ gọi là Niết-bàn; 4. Vì chỗ hiển bày an trụ thanh tịnh, đó là người đã ly dục an trụ thiện... của bậc Thánh, hiện pháp lạc trú; 5. Vì chỗ hiển nhiều ích hữu tình, đó là bậc đã ly dục vì ai mãi người nên sở hữu chủng chủng thiện hạnh lợi tha của Thanh văn, Bồ-tát và Như Lai

Lại do 5 nhân duyên khiến pháp thiện sung mãn. Những gì là năm? 1. Do gia hạnh; 2. Do huân tập từ lâu xa; 3. Do nhiếp thọ công đức thù thắng; 4. Do sự việc rộng; 5. Do tự tánh.

Do gia hạnh: các thiện pháp do tạo tác gia hạnh ân trọng, gia hạnh không gián đoạn, được tạo làm với vô lượng phẩm sai biệt: hoặc tự mình làm, hoặc khuyến khích người làm, dùng vô lượng môn vui mừng khen ngợi, thấy người đồng pháp

thâm tâm hoan hỷ. Nên biết đây gọi là do gia hạnh khiến thiện pháp sung mãn.

Do huân tập từ lâu xa: các thiện pháp đã từng hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập trong nhiều đời khác. Do nhân duyên đây, ở đời nay tâm tánh người kia năng thú nhập thiện pháp, an trụ trái với bất thiện. Đây gọi là do huân tập từ đời trước khiến thiện pháp sung mãn.

Do công đức thù thắng: các thiện pháp nhiếp thuộc địa dưới, bao gồm người ly dục thế gian và người thấy dấu tích thánh, hoặc đối với giải thoát, hoặc đối với Vô thượng Chánh đẳng Bồ-đề thâm tâm hồi hướng lìa các kiến thú. Đây gọi là nhiếp thọ công đức thù thắng khiến thiện pháp sung mãn.

Do sự việc ruộng: các thiện pháp do dùng hết thấy sự thí tốt đẹp nhất phát khởi thừa sự, cúng dường đối với các bậc đại phước điền đáng tôn trọng. Đây gọi là do sự việc ruộng khiến thiện pháp sung mãn.

Do tự tướng: các thiện pháp nếu do thí mà thành tựu, thì tự tánh thấp kém hơn so với do giới, do tu; nếu do giới mà thành tựu, thì tự tánh vượt



thắng hơn so với do thí và tự tánh thấp kém hơn so với do tu; nếu do tu mà thành tựu, thì tự tánh đều thắng vượt hơn so với do giới, do thí. Đây gọi là do tự tánh khiến thiện pháp sung mãn.

Lại nữa, sao gọi là *pháp bất thiện*? Trái với hai tướng nhân duyên của pháp thiện, nên biết là hai tướng của các pháp bất thiện, đó là vì tự tánh điên đảo và vì không được an ổn.

Lại do 5 tướng kiến lập các pháp bất thiện sai biệt: 1. Vì đương lai cảm quả phi ái; 2. Vì ngược lại với các đối trị tạp nhiễm; 3. Vì chỗ hiển nhiễm, không tịch tịnh; 4. Vì chỗ hiển của trụ các nhiễm nã; 5. Vì chỗ hiển của năng tổn hại người.

Lại trái với 5 nhân duyên khiến pháp thiện sung mãn đã nói trên, gọi là 5 nhân duyên khiến pháp bất thiện tăng mạnh.

Lại nữa, sao gọi là *pháp vô ký*? Tánh của các pháp vô ký thì không phải điên đảo, cũng không năng đối trị các pháp điên đảo; tánh không phải an ổn, không phải không an ổn.

Lại do 5 tướng nên kiến lập các pháp vô ký sai biệt. Những gì là năm? 1. Dị thực sanh vô ký; 2. Oai nghi vô ký; 3. Công xảo xứ vô ký; 4. Biến hóa

vô ký; 5. Tự tánh vô ký. Trong đây tự tánh vô ký: các sắc căn là trưởng dưỡng và các hữu sắc xứ... bên ngoài, chẳng phải nhiếp thuộc dị thực... trừ sắc xứ, thanh xứ thiện, nhiễm ô.

Lại nữa, sao gọi là *pháp học*? Đó là bổ-đặc-già-la hữu học hoặc Dự lưu, hoặc Nhất lai, hoặc Bất hoàn, hoặc pháp hữu vi xuất thế gian, hoặc pháp thiện thế gian. Đây gọi là pháp học. Vì cố sao? Vì nương pháp đây nên thời thời tinh tiến tu học tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học.

Lại nữa, sao gọi là *pháp vô học*? Chư A-la-hán các lậu đã tận, hoặc pháp hữu vi xuất thế gian, hoặc pháp thiện thế gian. Đây gọi là pháp vô học.

Lại nữa, sao gọi là *pháp phi học phi vô học*? Trừ pháp học, vô học đã thuyết ở trước, Dự lưu cho đến A-la-hán còn lại hoặc rơi trong số tất cả dị sanh tương tục, hoặc sở hữu các pháp kia tăng thượng. Đây gọi là pháp phi học phi vô học.

Lại nữa, sao gọi là *pháp kiến đạo sở đoạn*? Đó là năm kiến như thân kiến... và nương tựa các kiến khởi tham sân mạn, hoặc tương ưng vô minh, hoặc chỗ có vô minh chẳng cùng đối với các đế, như

nghi đối với đế... và hết thảy các nghiệp dẫn đến ác thú. Đây gọi là pháp kiến đạo sở đoạn.

Lại nữa, sao gọi là *pháp tu đạo sở đoạn*? Là tất cả pháp thiện hữu lậu, tất cả pháp không che đậy không ghi nhớ, trừ các pháp nhiệm ô đã thuyết ở trước, pháp nhiệm ô còn lại. Đây gọi là pháp tu đạo sở đoạn.

Lại nữa, sao gọi là *pháp phi sở đoạn*? Là chỗ có các pháp của tất cả pháp hữu học xuất thế gian, tất cả vô học tương tục. Trong đây, ở tất cả thời hoặc pháp xuất thế, vì tự tánh tịnh nên gọi là phi sở đoạn; hoặc pháp thế gian còn lại, vì đã đoạn nên gọi là phi sở đoạn.

Lại nữa, sao gọi là *pháp thẳm sâu khó thấy*? Nên biết tất cả pháp đều là thẳm sâu khó thấy. Vì có sao? Pháp thẳm sâu khó thấy bậc nhất đó là: tự tánh tuyệt dứt các hý luận, siêu vượt đường ngôn ngữ. Tự tánh các pháp đều dứt hý luận, vượt quá đường ngôn ngữ, phải do ngôn thuyết làm chỗ nương mới năng nắm giữ, năng quán sát, năng nhận thức. Cho nên phải biết tất cả pháp đều thẳm sâu khó thấy.

Như vậy đã thuyết sự kiến lập sai khác của

pháp hữu sắc, vô sắc; pháp có thể thấy, không thể thấy; pháp có đối ngại, không đối ngại; pháp hữu lậu, vô lậu; pháp hữu tránh, vô tránh; pháp có nhiễm, không nhiễm; pháp nương đam mê vui thích, nương ra khỏi xa lìa; pháp thế gian, xuất thế gian; pháp đọa, chẳng phải đọa; pháp hữu vi, vô vi; pháp sở tri, sở thức, sở duyên; pháp giữ gìn; pháp có dị thực, không dị thực; pháp có nhân, không nhân; pháp có quả, không quả; pháp duyên sanh; pháp nội; pháp nhiếp lấy danh sắc; pháp chấp thọ, chẳng chấp thọ; pháp đại chúng sở tạo, chẳng phải đại chúng sở tạo; pháp hữu, phi hữu; pháp nên tu; pháp hữu thượng, vô thượng; pháp quá khứ, vị lai, hiện tại; pháp hệ buộc Dục giới, hệ buộc Sắc giới, hệ buộc Vô sắc giới; pháp thiện, bất thiện, vô ký; pháp học, vô học, phi học phi vô học; pháp kiến đạo sở đoạn, tu đạo sở đoạn, phi sở đoạn; pháp thâm sâu khó thấy. Nếu có người khéo léo tư duy những điều nên tư duy, nên biết phải như lý tinh cần phương tiện tư duy, phân tích chọn lựa các pháp như vậy.

Ở trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.